N° 48 Janvier 1921

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ TIỂU-THUYẾT

TIỂU-THUYẾT LÀ GÌ VÀ PHÉP LÀM TIỂU-THUYẾT THẾ NÀO

Mấy năm nay, ở nước ta người làm tiểu-thuyết, người đọc tiểu-thuyết đã thấy nhiều. Phàm buổi sơ đầu, lấy đâu được tốt. Cho nên người làm tiểu-thuyết còn ít thấy hay, mà người đọc tiểu-thuyết cũng chưa được sành. Lối tiểu-thuyết trong văn-chương ta thật là chưa có phương-châm, chưa có định-thể vậy. Đương lúc bây giờ, nên giải-nghĩa rõ tiểu-thuyết là gì, và bàn qua về phép làm tiểu-thuyết ở các nước Âu-Mĩ thế nào, tưởng cũng có thể giúp cho nghề tiểu-thuyết ở nước ta được một đôi phần vậy.

I

Tiểu-thuyết là một thể văn-chương thịnh-hành nhất đời nay. Trong các sách xuất-bản ở các nước hiện bây giờ, quá nửa là sách tiểu-thuyết. Trong các báo hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, không báo nào là không có một phần tiểu-thuyết. Tiểu-thuyết thịnh-hành như thế thời chắc là người đời ưa tiểu-thuyết và lối tiểu-thuyết là hợp với tính-tình tư-tưởng của phần nhiều người ta. Xét lịch-sử, lối tiểu-thuyết có đã lâu : ở nước Tầu thời thịnh-hành từ đời nhà Nguyên ; ở nước Pháp thời phôi-thai từ thế-kỷ thứ 13, 14 ; nhưng định-thể như ngày nay là mới bắt-đầu từ thế-kỷ thứ 19, nghĩa là trong khoảng hơn một trăm năm nay. Cho nên các sách lịch-sử văn-học Âu-châu đều nói rằng « thế-kỷ thứ 19 là thế-kỷ tiểu-thuyết » (*le 19e siècle est le siècle du roman*).

Nay cứ lý-hội các tính-cách chung của tiểu-thuyết đời nay thời có thể giải-nghĩa tiểu-thuyết như thế này : *Tiểu-thuyết là một truyện viết bằng văn xuôi đặt ra để tả tình-tự người ta, phong-tục xã-hội, hay là những sự lạ tích kỳ, đủ làm cho người đọc có hứng-thú.* Như vậy thời phạm-vi của tiểu-thuyết rộng lắm : phàm sách gì không phải là sách dạy học, sách lý-luận, sách khảo-cứu, sách thi-ca, thời là tiểu-thuyết cả, mà tiểu-thuyết có khi lại gồm được cả các lối kia, vì trong một bộ tiểu-thuyết, cũng có chỗ nghị-luận, chỗ khảo-cứu, chỗ ngâm-vịnh, chỗ khuyên-răn. Cứ nghĩa hai chữ « tiểu-thuyết » (小說) trong sách tàu thời lại rộng lắm nữa : phàm sách gì không phải là « chính-thư » (nghĩa là sách để học, như kinh, truyện, sử, v. v.) đều là tiểu-thuyết cả, nhưng tiểu-thuyết đây tức là tạp-thuyết, có khác với nghĩa tiểu-thuyết như bây giờ. Tiểu-thuyết bây giờ thời như trên kia đã giải phải là một truyện đặt ra và là một truyện có hứng-thú ; thường-thường thời viết bằng văn xuôi, theo lối tự-sự, như lời nói thường, nhưng cũng có một đôi khi viết bằng lối vận-văn, như truyện *Kiều* (song ít lắm, có lẽ không đâu có lối tiểu-thuyết bằng vận-văn giống như các « truyện » ta). Nói tóm lại thời tiểu-thuyết là một truyện bịa-đặt mà có thú-vị. Ấy cái tính-cách chung của tiểu-thuyết là thế. Còn thể-thức thời thật là thiên-hình vạn-trạng. Một nhà làm sách

khảo về lịch-sử lối tiểu-thuyết trong văn-chương nước Pháp, đã nói rằng : « Lối tiểu-thuyết như ông thần « Biến-tướng » trong truyện Hi-lạp đời xưa, thay hình đổi dạng đủ cách để làm cho người ta được hứng-thú. Hoặc kể truyện phong-tình êm-ái mà khiến cho lòng ta phải cảm-động; hoặc thuật truyện anh-hùng hào-kiệt mà khiến cho trí ta phải mơ-màng. Hoặc tả tình-tình rất tinh-tế, hoặc họa chân-cảnh rất xảo-kỳ, đều là làm khoái-trá cho tinh-thần ta cả. Có khi đem ta ra ngoài những nơi kẻ chợ nhà quê mắt đã trông lắm lấy làm nhàm, mà đưa tới những phương xa cõi lạ có chim kêu vượn hót, cây đẹp cỏ thơm. Người ta chẳng qua là một lũ con trẻ lớn, cho nên dẫu là người đa-tình đa-cảm hay là người hiếu-học hiếu-kỳ, đọc tiểu-thuyết cũng phải thích, vì tiểu-thuyết khéo bày-đặt những truyện vui truyện lạ cho ai nấy phải mê. » (*Véritable Protée, le roman revêt toutes les formes pour nous séduire. Il émeut notre cœur ou notre imagination avec de douces histoires d'amour et des aventures héroïques. Il charme notre esprit par de minutieuses analyses de l'âme et par des peintures savantes de la réalité. Il nous entraîne enfin loin des villes banales et des pays trop connus vers ces lointaines contrées où d'étranges oiseaux chantent sur des arbres merveilleux. Et que l'on soit un rêveur, que l'on aime la science et la psychologie, que l'on ait une humeur aventureuse, peu importe ! le roman sait toujours conquérir les grands enfants que nous sommes en offrant à chacun ce qui flatte sa manie ou sa passion*). (L. Levrault. Les genres littéraires : le Roman).

Hình-thức tiểu-thuyết đã bất-nhất như thế, thời nghề làm tiểu-thuyết cũng không có phép-tắc nhất-định được. Thi-ca có phép-tắc của thi-ca, diễn-kịch có phép-tắc của diễn-kịch, ai chuyên nghề ấy, phải biết cho sành, mới khỏi lầm-lẫn. Nhưng phép-tắc của tiểu-thuyết thời khó lòng mà giải-thích cho tường được. Hoặc nói rằng tiểu-thuyết cốt đặt truyện cho khéo, kể ra cho hay, là phép-tắc của tiểu-thuyết, thời nói thế cũng chưa đủ định phương-châm cho nghề tiểu-thuyết được. Song tuy tiểu-thuyết thiên-hình vạn-trạng thật, mà không phải là không có thể chia ra mấy chủng-loại lớn, gồm lại mấy phương-pháp chung, duy không nên coi những phương-pháp ấy là nhất-định, những chủng-loại ấy là bất-dịch, mà nên cho là biểu cái đại-khái mà thôi. Vậy trước xin bàn qua về phương-pháp chung của tiểu-thuyết, rồi phân ra mấy chủng-loại lớn mà xét riêng về mỗi loại như sau này, không dám tự-phụ làm sách chỉ-nam cho những nhà soạn tiểu-thuyết cùng những người đọc tiểu-thuyết, nhưng gọi là giải-nghĩa qua về một lối văn-chương mới nhóm lên ở nước ta bây giờ và sau này chắc là phát-đạt to.

II

Tiểu-thuyết đã là một truyện bịa-đặt ra, thời phần cốt-yếu trong phép làm tiểu-thuyết là sự kết-cấu. Kết-cấu là thế nào ? Kết-cấu là tự không gây-dựng ra, bày-vẽ ra, đặt-để ra, xếp các nhân-vật, các tình-tiết, cho có đầu-đuôi, có sau-trước, có mành-mối, có ngành-ngọn, nói tóm lại là đặt thành một truyện hiển-nhiên như truyện thật, khiến cho người đọc đương lúc đọc mơ-màng tưởng-tượng như là việc có thực vậy. Tài nhà làm tiểu-thuyết phần nhiều là ở cái tài kết-cấu đó. Nếu kết-cấu không thành truyện thời dẫu văn-chương hay đến đâu cũng không cảm được người đọc. Hoặc-giả có người nói rằng nếu kết-cấu là chủ-ý đặt ra một truyện hiển-nhiên như truyện thực, thời cứ việc đem sự thực

mà tả ra, hà-tất phải phí-công bịa-đặt làm gì ; vả đã là truyện đặt tất không phải việc thực, người ta đã biết là không phải việc thực thời ai có mắc lừa mà cảm được. Đó là lý-thuyết của phái tả-chân, phái này chỉ chủ tả cho hệt như sự thực, không có đặt-để biến-báo một tí gì. Nhưng lý-thuyết ấy xét ra không được chánh-đáng. Phái tả-chân tuy tự-xưng là tả-thực mà hồ-dễ đã tả-thực được bao giờ, vì nếu cứ lấy sự thực hằng ngày mà thế nào tả ra như thế thời còn có thú-vị gì nữa, nếu muốn tả ra cho có nghĩa lý, có hứng-thú — mà nhà tiểu-thuyết nào là không chủ-ý như thế? — thời tất phải sửa-sang xếp-đặt một đôi tí cho có mành-mối, có đầu-đuôi, sửa-sang xếp-đặt như thế chẳng là kết-cấu thời là gì? Nói tóm lại thời phái tả-chân chẳng qua là ghét những nhà hay bịa-đặt ra những truyện quái-đản bất-kinh, nên xướng ra cái chủ-nghĩa nên y-theo sự thực, chủ-nghĩa này không phải là không có lẽ chánh-đáng, nhưng nếu diễn đến cực-đoan thời không khỏi thiên-lệch và không hợp với tôn-chỉ nghề tiểu-thuyết vậy. Vậy phàm đã gọi là tiểu-thuyết, tất phải có kết-cấu, kết-cấu tức là sửa-sang xếp-đặt sự thực cho cái nghĩa-lý, có hứng-thú hơn. Kết-cấu khéo là bịa-đặt ra một truyện huyền mà vẫn căn-cứ ở sự thực, khiến cho người đọc vẫn biết rằng truyện không thực mà không thể không tin được, vì những nhân-vật, những tình-tiết trong truyện tuy không thực, mà vì có phép gì biến ra thực được, thời tưởng trình-bày hành-động ra cũng đến thế mà thôi, không khác gì ; đó mới là tuyệt khéo. Cho nên các nhà bình-phẩm Âu-Mĩ khen những tay làm tiểu-thuyết tài thường nói là những tay « sáng-tạo ra cuộc đời » (*créateurs de vie*), nghĩa là gây-dựng ra những người cũng hành-động như người đời, chẳng khác gì, chỉ khác là có khi thâm-thiết mãnh-liệt hơn phần nhiều người thường mà thôi.

Nay sự kết-cấu ấy có phép-tắc gì không? Như trên kia đã nói, phàm kết-cấu ra một truyện, phải có hai phần, một là nhân-vật, hai là tình-tiết, nghĩa là người và việc. Trong một truyện thời phải có những người hành-động, lại phải có những việc của các người ấy làm ra : một người nào, ở trong một cảnh-ngộ nào, làm ra những công việc gì, đó là cốt một bộ tiểu-thuyết. Nhưng sở-dĩ làm sao mà người ấy việc ấy lại như thế này mà không như thế khác, tất phải có một cái chủ-ý ở trong. Cho nên trước khi kết-cấu phải lập-ý, nghĩa là định cái chủ-não ở đâu, rồi suy đó mà đặt truyện, thế nào cho trước sau ứng-chiếu, thời truyện mới nhất-trí. Vậy trước khi làm một bộ tiểu-thuyết phải lập ý thế nào đã : định răn đời về một thói xấu nào ư, định tả-thực về một phong-tục gì ư, định hình-dung một hạng người nào ư, định diễn-tả một cảm-tình nào ư, bao giờ cũng phải có chỗ lập-ý, thời mới nhân đó kết-cấu ra được, không thời thành truyện bông-lông không có chủ-định. Đã lập-ý rồi, phải gây lấy cái hoàn-cảnh để làm nơi trường-sở cho người hành-động, cho việc trình-bày ra. Thế nào gọi là hoàn-cảnh? Hoàn-cảnh là cái cảnh chung-quanh mình, không những là cái cảnh-vật hữu-hình ở quanh mình, mà lại là cái khí-vị đặc-biệt trong cảnh-vật ấy nữa. Như định tả một người mĩ-nhân cao-thượng thời hoàn-cảnh phải có cái khí-vị êm-ái thanh-cao. Định tả một kẻ vũ-phu cục-súc thời hoàn-cảnh lại phải có cái khí-vị thô-lỗ tục-tằn. Gây cho ra cái không-khí khi trong khi đục, khi nhạt khi nồng ấy, thật là khó lắm, nhận đó có thể biết được cái tài một nhà làm tiểu-thuyết. Vì không

một là tả cái cảnh hữu-hình mà thôi, như người con gái đẹp thời ở nơi gác tía lầu son, màn the chướng vóc, kẻ lam-lụng thường thời ở chốn nhà tranh vách nát, sân mốc gạch rêu, đó mới là bề ngoài ; phải diễn làm sao được cái khí-vị riêng của mỗi nơi ấy, khiến cho người đọc đọc được mấy trang đầu biết rằng tác-giả định đưa mình vào chốn nào, rồi dần-dần hình như tự mình cũng nhiễm lấy cái phong-vị ở chốn ấy, thậm-chí tưởng như mình cùng với người chủ-động trong truyện cũng là một, không khác gì, rồi tự đấy người trong truyện tư-tưởng gì, hành-động gì, hình như có thiết đến thân mình cả, người vui mình cũng vui, người buồn mình cũng buồn, người khổ mình cũng khổ, người sướng mình cũng sướng ; như thế tuồi thật là tuyệt-diệu. Cái thuật này không thể dạy, không thể truyền được, khéo ở tự người làm sách, mỗi người khéo ra một vẻ. Nhưng phàm những nhà làm tiểu-thuyết có tiếng xưa nay, đều có cái tài gây ra một cái hoàn-cảnh hữu-hình vô-hình để làm một cách huân-đào tầm-nhiễm người đọc truyện, khiến cho tự mình sáp-nhập với người trong truyện, nên truyện dẫu khác hẳn với công việc bình-sinh mà cũng dễ cảm được là thế.

Song, cảnh còn là phần ngoài, dẫu khéo đến đâu cũng chẳng qua là cái khung mà thôi, trong khung ấy phải có gì mới được. Như trên kia đã nói, phải có người với việc, phần này mới là phần cốt-yếu trong tiểu-thuyết. Nay người với việc, bên nào là trọng hơn ? Trong hai thuyết « thời-thế tạo anh-hùng », « anh-hùng tạo thời-thế », cổ-lai vẫn còn phân-vân, chưa định hẳn thuyết nào là phải. Nếu thuyết « thời-thế tạo anh-hùng » là phải, thời việc trọng hơn người, việc là chủ-động mà người là thụ-động, người chẳng qua là cái then-máy để cho việc sai-khiến mà thôi ; nếu thuyết « anh-hùng tạo thời-thế » là phải thời người trọng hơn việc, người là chủ-động, tự mình gây-dựng ra các sự-nghiệp, tự mình chuyển-di được cả thời-thế. Song đó là nói những bậc anh-hùng hào-kiệt trong lịch-sử, là những người có nhân-cách phi-thường, thời-hồ hoặc cũng có lẽ chuyển được thời-thế, đoạt được vận-mệnh thật. Nhưng người trong tiểu-thuyết không tất-nhiên là những người siêu-quần bạt-chúng, lại thường-thường là những người bình-thường như mọi người. Như vậy thời cái thuyết người làm ra thời-thế, người đoạt được vận-mệnh, có lẽ không được đúng lắm. Nay cứ ý-kiến một nhà văn-học-phê-bình có tiếng bên nước Pháp là ông BRUNETIÈRE, thời quả như thế : ông nói rằng cái yếu-pháp của lối tiểu-thuyết là người bao giờ cũng bị việc ngoài sai-khiến, chớ không tự mình sai-khiến được việc ngoài bao giờ, và truyện trong tiểu-thuyết tức là truyện việc ngoài khu-sử người thế nào và người đối-phó lại làm sao. Như truyện *Kim-Vân-Kiều* ta cũng là một bộ tiểu-thuyết viết bằng vận-văn. Xét truyện thời người chủ-động trong truyện tức là nàng Kiều, nhưng một thân-thế cô Kiều không phải là tự tay cô Kiều gây-dựng ra, chẳng qua là bởi việc ngoài, bởi cái cảnh-ngộ bất-kỳ nó khu-sử, nó đàn-áp, mà diễn ra bao nhiêu khúc đoạn-tràng khổ-sở trong một khoảng mười mấy năm trời. Nói tóm lại thời phàm truyện tiểu-thuyết là truyện người ta quyết-đấu với vận-mệnh, thắng-hoặc cũng có lúc tạm-thời thắng-đoạt được, nhưng rút-cục bao giờ vận-mệnh vẫn là mạnh hơn. Mà xét cho rộng, đời người ta chẳng qua cũng là một cuộc quyết-đấu như thế mà thôi, cho nên người ta ai cũng ưa đọc tiểu-thuyết, vì

tiểu-thuyết là cái hình-ảnh cuộc đời. Người ta ở đời ai cũng có cái bụng muốn được sung-sướng, nhưng ngoài mình có một cái sức vô-hình, vô-tri vô-giác mà rất mạnh rất bạo, nó lôi nó cuốn mình đi, sức mình không thể cưỡng lại được, hoặc cũng có khi ngẫu-nhiên nó đưa mình tới nơi mình hi-vọng, nhưng thường-thường là nó đem vào những chốn nguy-hiểm chông-gai. Sức ấy tức là vận-mệnh. Bởi thế cho nên ta thường nói vận có lúc hanh lúc kiền, mà người ta chính là một cái máy ở trong tay vận-mệnh.. Phàm tiểu-thuyết là phải tả vận-mệnh khu-sử người ta thế nào, người ta đối-phó vận-mệnh làm sao, tức là tả cái bi-kịch hi-kịch trăm nghìn tấn gồm lại thành ra một cuộc đời vậy.

Nay đã biết trong tiểu-thuyết việc thường khiến người, mà người phải đối lại, thời cách kết-cấu về người về việc cũng suy đó mà ra. Vậy trước phải bày ra một cái tình-thế, đặt ra một cái cảnh-ngộ, cảnh-ngộ ấy, tình-thế ấy tức là một hiện-tượng của cái sức mạnh vô-hình vô-trạng là cái vận-mệnh, rồi mới đem để một người hay là nhiều người vào giữa cái tình-thế, giữa cái cảnh-ngộ ấy, khiến cho phải dùng hết tâm-lực mà đối-phó với những sự bất-kỳ, có khi khôn-khéo thời tránh được những sự nguy-hiểm mà thu-hoạch được một chút hạnh-phúc ở đời, có khi vụng-dại thời mắc phải những việc tai-nạn mà mang lấy những điều khốn-khó chẳng may.

Việc đời thiên-hình vạn-trạng, nhà làm tiểu-thuyết muốn chọn lấy cái cảnh-ngộ nào cũng được. Nhưng thường thường phải chọn lấy những cảnh nào là cảnh có ý-nghĩa chung. Lại lấy truyện *Kiều* làm tỉ-dụ, thời cảnh-ngộ trong truyện *Kiều* tức là cảnh-ngộ hiếu với tình xung-đột nhau, hai cái đều là hình-ảnh cái vận-mệnh nó chi-phối đời người ta, vì là hai cái sức mạnh người ta địch lại không nổi, dẫu có thắng được cũng là rầy-vò thân mình, nhọc-nhằn trí mình lắm lắm mới gọi là tạm được mà thôi. Đã tìm được cái cảnh-ngộ xứng-đáng rồi, thời bấy giờ tùy-ý xếp việc. Thường-thường các nhà tiểu-thuyết hay có ý lộng xảo, bịa-đặt ra những việc rất phiền-phức để cho người đọc mê-li không biết giải-quyết ra thế nào, rồi sau mới ra tay biến-báo mà gỡ dần ra. Song tưởng dẫu tài khéo đến đâu cũng cứ nên lấy sự thực làm căn-cứ là hơn cả. Như trên kia đã nói, chắc rằng truyện trong tiểu-thuyết không bao giờ lại hệt như truyện thực được, vì là truyện kết-cấu ra, nghĩa là có sửa-sang xếp-đặt cho có ý-nghĩa, có hứng-thú hơn, nhưng dẫu không phải là việc thực mà phải khiến được cho người đọc có cái cảm-giác rằng những việc ấy có thể xảy ra như thế được, không có gì là hoang-đường kỳ-dị, không có gì là trái-ngược với lẽ thường vậy. Trong các việc kết-cấu ra như thế, thời có việc do cái tình-thế, cái cảnh-ngộ ở trên suy-diễn ra, có việc tự người trong truyện hành-động để đối-phó với cái cảnh-ngộ, cái tình-thế kia. Bấy nhiêu việc đều phải khuynh-hướng về một nơi trung-tâm-điểm, là cái phần then-chốt, cái khu-nữu trong truyện (*le nœud de l'action ou de l'intrigue*), tức là chỗ mọi việc đấu cả vào đấy, chỗ « thắt-nút », để rồi cởi gỡ về sau. Vì tác-giả đã thắt được cái nút rồi, sau phải ra tay cởi gỡ dần ra, thắt càng chặt, gỡ càng khó, gỡ càng khó, truyện càng kỳ và người xem càng hứng-thú. Tuy vậy cũng không nên cầu-kỳ lắm, không nên lộ ra rằng mình dụng-công gò-thắt quá, vì như thế thời mất cả cái thú tự-nhiên. Phải làm thế nào cho rõ rằng việc là việc tự-nhiên, cứ tuần-tự mà tiến lên, đã xuất-đầu như thế thời phải kết-nữu như thế, đã kết-nữu như thế thời phải

quyết-giải như thế, trước sau như có một cái lẽ tất-nhiên, không thể tránh được. Nếu đương giữa cái giây nhân-quả tất-nhiên ấy mà xen vào một việc hoang-đường kỳ-dị, hay-là một sự gì không ứng-chiếu hẳn với trên với dưới, thời truyện một-thú ngay lập-tức, vì người đọc truyện tỉnh mất cái mơ-mộng làm người trong truyện mà biết rằng người làm truyện dụng-ý lừa-dối mình. Nói cho dễ hiểu, thời người đặt truyện có thể ví như người cầm một cái giây dài, thắt nút lại, rồi gỡ dần ra ; lúc mới buộc đầu giây thời được tự-do muốn buộc ra thế nào cũng được, nhưng đã định thắt nút theo hình gì thời phải cứ theo như thế mà thắt, thắt rồi lại phải dùng một phương-pháp tương-đương mà gỡ ra ; nghĩa là chỉ được tự-do lúc đầu mà thôi, sau phải cứ tuần-tự mà suy-diễn ra, không được dùng một cái phương-thuật gì ở ngoài, hay là một cái cơ-hội gì ngẫu-nhiên mà nửa chừng can-thiệp vào để xoay phương-hướng đi được. Có nhiều nhà đặt truyện từ đầu cho đến lúc thắt thời hay lắm, nhưng vì trước không liệu, thắt chặt quá, đến lúc gỡ ra khó, túng-kế phải dùng những cách lâm-thời, làm cho truyện một-thú; khác nào như người thắt giây chặt quá, sau cởi không được, phải lấy dao cắt, còn thú gì nữa! Vậy trước khi thắt nút, phải định sẵn rồi sau cởi gỡ thế nào. Hễ xem ra khó gỡ được ổn thời, nên thắt ra cách khác, vì lúc đầu còn được tự-do, rồi sau không thể tùy-ý được nữa. Đại-để thời từ lúc khởi cho đến lúc thắt, bao nhiêu tình-tiết, bao nhiêu công-việc phải rồn cả vào một khoảng ấy, dẫu mành-mối không thể giải cho hết được, cũng phải tiềm-tàng sẵn, để rồi suy-diễn ra về sau ; đến lúc gỡ thời cứ nhân những mối trước mà gỡ ra, không được thêm mối nào ở ngoài nữa. Đó là một công-lệ nhất-định, các nhà làm tiểu-thuyết phải chú-ý.

Đó là thuộc về việc. Nay nói đến người. Đây là phân-tách ra để nói cho dễ, chớ cứ thực thời người với việc không thể rời nhau được, việc có người thời việc mới có ý-nghĩa, người có việc thời người mới xuất-lộ ra. Vậy việc đã định đặt theo một phương-diện nào, thời người cũng phải tả ra một thể-cách ấy. Trong một truyện tiểu-thuyết, bao giờ cũng có một hay là nhiều người chủ-động (*héros, héroïne*), còn là những người phụ-thuộc với người chủ-động, hay là những người bàng-quan, bấy nhiêu người họp lại thành một xã-hội con, trong xã-hội ấy mỗi người một tính-tình, một tư-cách, mỗi người một chức-nghiệp, một địa-vị, bấy nhiêu người cử-động như người thật, và dù biết dù không biết, dù gần hay dù xa, đều khuynh-hướng cả vào cái nơi tuen-chốt trong truyện, là chỗ khu-nữu như trên kia đã nói. Kết-cấu ra nhân-vật cũng như là kết-cấu ra tình-tiết ở trên, cốt nhất là ở sự tự-nhiên. Việc không được là việc hoang-đường quái-đản, thời người cũng không được là người kỳ-dị khác thường; không phải là không được tả những người lỗi-lạc xuất-chúng đâu, nhưng người dẫu xuất-chúng cũng vẫn là người, tung-tích không bao giờ ra ngoài hẳn được thói thường của người đời, không thể biệt-lập ra làm một hạng thánh-thần, nhất-thiết không có gì giống người ta ; cũng không phải là không tả được những kẻ đại-gian đại-ác, nhưng người dẫu gian-ác cũng vẫn là người, không thể làm mất hẳn cái nhân-tính đi mà tả ra một hạng yêu-tinh ma-quái được. Rút lại thời phàm kết-cấu các nhân-vật trong tiểu-thuyết, bao giờ cũng phải căn-cứ ở cái tính thông-thường của loài người, nếu không thời thành ra truyện « phong-thần » mất.

Làm tiểu-thuyết đặt việc đã khó

mà tả người lại khó lắm. Tả người thời không có phép nào truyền-dạy cho được, toàn là ở cái tài riêng người làm truyện cả. Nhưng có một cái lệ chung, các nhà làm tiểu-thuyết không hề trái bao giờ, là phàm các nhân-vật trong tiểu-thuyết phải có sinh-hoạt như người thường, cử-động như người thật, chớ không thể làm như cái tượng gỗ hay là hình bù-nhìn được. Mà có lẽ người trong truyện lại phải hoạt-động hơn người thường mới được, vì có thế mới thành truyện, nếu không thời có khác gì người thường mà phải tả ra làm chi? Đại-khái người trong tiểu-thuyết phải tả thế nào cho thành những « mô-dạng » *(des types)*, nghĩa là mỗi người có thể làm biểu-hiệu cho một hạng người trong xã-hội, mà mỗi người lại vẫn có một tính-cách riêng, tức là các nhân-vật kết-cấu ra phải có một phần phổ-thống giống với nhiều người, và một phần đặc-biệt riêng của một người vậy.

Nay cái thuật tả người tuy không thể dạy được, nhưng xét ra cũng không qua hai phép-tắc chung như sau này: một là phàm tả người phải tả cả hình-dung diện-mạo, lại phải tả cả tư-cách tính-tình; hai là một người đã tả ra tư-cách thế nào thời từ đầu đến cuối truyện phải cử-động theo một tư-cách như thế, không được sau trước khác nhau. Hai phép đó cũng là lẽ cố-nhiên, không cần phải giải ai cũng hiểu. Người ta ai cũng có hình-dung thái-độ riêng, lại ai cũng có tư-cách tính-tình riêng, mặt ngoài thường là biểu-hiệu lòng trong, mà lòng trong phải có mặt ngoài mới phát-lộ ra được. Nếu vẽ được giáng người mà không tả được tính người, hay là tả được tính người mà không vẽ được giáng người, đều là khuyết cả, và kém mất cái vẻ sinh-hoạt tự-nhiên. Lại tính người là cái phần trời phú-bẩm cho, mầm-mống tự khi mới sinh-thành, rồi sau cứ thế mà phát-siển ra; người nào đã bẩm ra tính gì thời chung-thân vẫn giữ một tính ấy, hoặc trong khi giao-tiếp với người đời có ẩn cái tính tự-nhiên của mình đi cũng là không giấu được lâu, thế nào cũng có lúc cái cố-tính nó lộ ra. Vậy dã tả một người tính-cách thế nào, thời trước sau phải như thế, không thời thành ra hai người mất. Cũng có nhà đặt truyện khéo đã tả tính-cách một người thế nào rồi, mà kể đến công-việc người ấy là nhất-thiết có ý trái với cái tính-cách kia cả, nhưng đó là dụng-tâm như thế, để chứng rằng người ta ở trong xã-hội thường hay giả-trá, lúc nào cũng muốn dối mình lừa người, nhưng rồi bao giờ cái cố-tính nó vẫn lộ ra, không che đậy mãi được, tức như lời tục-ngữ tây nói: « Cái thiên-tính đuổi nó đi, nó chạy về xồng-xộc » (*Chassez le naturel, il revient au galop*); ấy cũng là một cái xảo-thuật của nhà làm tiểu-thuyết vậy.

Ấy phép kết-cấu tiểu-thuyết đại-khái như thế. Đây là nói chung về cả các lối tiểu-thuyết, mỗi lối riêng lại có phép-tắc riêng, sẽ bàn qua về sau này. Nói tóm lại thời kết-cấu cốt thứ nhất là làm thế nào hình-dung được cái vẻ sinh-hoạt tự-nhiên, khiến cho người đọc trong lúc đọc mơ-tưởng như là người thật hành-động ở trước mắt, việc thật trình-bày cho mà xem, trong cái thời-gian cầm quyển truyện trên tay tưởng hình như mình cũng là một người trong truyện, không khác gì. Muốn gây thành cái ảo-tưởng cho người đọc truyện như thế, thời người làm truyện phải có cái tài biến-báo lắm mới được, thứ nhất phải là một người có kinh-lịch nhiều và có quan-sát lắm. Cấu-tạo ra một thế-giới vốn không thực mà hiển-nhiên như thực, nặn-đúc ra những nhân-vật vốn

không có mà hoạt-động như có, thật không phải là dung-dị vậy. Cho nên nói người làm tiểu-thuyết ngoài cái tài văn-chương, lại phải có kinh-lịch, có quan-sát mới được. Có kinh-lịch nghĩa là có từng-trải việc đời thời mới đặt được ra những người những việc thiết-thực với đời, và đến lúc kể ra mới có cái giọng thiết-tha dễ cảm-động người ta. Nhưng có kinh-lịch không chửa đủ, cốt phải biết quan-sát mới được. Ở đời thiếu gì những người lịch-duyệt nhiều, mà trong những người ấy hồ-dễ đã được mấy người cầm bút viết mà biết tả được sự kinh-lịch của mình cho có đầu-đuôi, có ý-vị ? Là vì những người có cái trí quan-sát thật là ít lắm. Có cái trí quan-sát nghĩa là có con mắt sành-sỏi tinh-đời, trong những việc phồn-tạp ở đời biết nhận lấy việc nào là việc có ý-nghĩa, có đặc-sắc, mới đem nêu-rệt ra mà nhân đấy kết-cấu ra thành truyện. Sau hết, nhà làm tiểu-thuyết lại còn phải có một tư-cách nữa : là phải thuộc tâm-lý người ta lắm. Cái cơ-quan trong lòng người vận-động làm sao, phản-phúc thế nào, phải rõ-tỏ như trên bàn tay ; những tình u-ẩn, ý tiềm-tàng, phải khám-phá cho vỡ, nhiên-hậu mới biết được cái lý-do muôn việc ở đời, và đến khi đặt truyện kết-cấu mới không sai, phán-đoán mới đúng lẽ. Coi đó thời đủ biết muốn làm một nhà tiểu-thuyết có tư-cách hoàn-toàn, thật không phải là dễ vậy.

III

Truyện đã kết-cấu rồi, nghĩa là đã có người có việc xếp-đặt có đầu có đuôi rồi, khác nào như làm nhà đã cất thành cái khung nhà, nay còn phải lợp ngói chát vôi, nề hoa kẻ mực, đặt cửa xây thềm, lại phải trang-sức ở trong, tô-điểm ở ngoài, thời mới thật là thành-thân cái nhà. Phần này kể cũng chẳng quan-trọng kém gì phần trên. Trong nghề tiểu-thuyết thời phần này gọi là phần phô-diễn. Kết-cấu khéo mà phô-diễn vụng thời truyện không có giá-trị gì nữa. Chẳng khác gì như câu truyện hay mà người kể vụng, nghe mất cả lý-thú. Ấy sự phô-diễn cũng tức là một cách kể truyện mà thôi. Trong các lối hành-văn thời lối văn tiểu thuyết chính là văn tự-sự, tự-sự nghĩa là kể truyện. Nhưng cách kể truyện đây có phiền-phức hơn cách kể truyện thường nhiều. Một là truyện trong tiểu-thuyết thường là truyện dài mà là truyện rắc-rối, tự-thuật cho có đầu-đuôi, cho rõ mành-mối, thật không phải dễ. Hai là cách phô-diễn tuy vẫn phải dùng lối văn tự-sự nhiều, mà còn tham-bác nhiều lối khác nữa, như tả-cảnh, tả-tình, vấn-đáp, v. v., có thể nói trong một bộ tiểu-thuyết không có lối văn gì là không dùng đến ; văn tiểu-thuyết thật là gồm cả các lối văn, và người viết tiểu-thuyết phải là một người sành làm văn lắm thời mới tùy-nghi tham-dụng cả các lối được. Song tiểu thuyết đã là một truyện thời văn tiểu-thuyết cốt nhất là văn tự-sự, văn kể truyện, còn các lối khác là phụ-thuộc mà thôi. Vậy nay ta bàn trước về phép tự-sự trong tiểu-thuyết thế nào.

Đại-khái lối văn tự-sự trong sách tây với văn tự-sự trong sách tàu sách ta khác xa nhau lắm. Văn tàu văn ta là lối văn chép sử, việc gì cũng chép lần-lượt từ đầu đến cuối, cứ theo thứ-tự trước sau, không gián-đoạn một khúc nào, không đảo-ngược một phần nào, như nói về một người thời phải kể hết lai-lịch người ấy, từ đời ông đến đời cha, từ thủa nhỏ đến tuổi lớn, lần-lượt như chép gia-phả vậy. Lối văn ấy là văn đường thẳng, cứ tuần-tự mà lên, lần-lần mà đến, không có li-kỳ xuất-sắc được, và cũng không khỏi cái buồn một giọng. Như việc giản-dị thời dùng lối ấy còn do-khả

đến việc hơi phiền-phức mà mỗi việc cứ tự-thuật theo đường thẳng như thế, việc nào cũng kể từ đầu cho đến cuối, bấy nhiêu việc song-song ngang nhau, thời khó biện được mành-mối trong truyện thế nào, vì không biết mỗi việc quan-hệ với nhau ra làm sao. Bởi thế nên các tiểu-thuyết Tàu thường là những truyện ngắn; đến những truyện dài như các truyện *Đông-châu*, *Tam-quốc*, *Thủy-hử*, v. v., thời mỗi bộ là gồm nhiều truyện hoặc cùng một ý-nghĩa, hoặc cùng một thời-đại, chớ không phải là một truyện luôn.

Văn tây thời thật khác. Văn tây có cái vẻ đột-ngột tự-nhiên, kể truyện gì nói ngay vào việc, không có kể lai-lịch dềnh-dang, hoặc cần phải biết việc trước mới hiểu việc sau thời dùng cách gián-tiếp mà nói, nói xen vào giữa cho đủ hiểu mà thôi. Bởi thế nên văn tây vẫn có ý nhanh-nhẹ hoạt-bát, vì cứ theo cái điệu trong truyện mà khi hoãn khi gấp, khi gần khi xa, khi mau như đổ rồn vào một chỗ, khi chậm như thủng-thẳng không vội gì, bao giờ cũng là ăn với nghĩa truyện, không có cưỡng theo lối chép sử mà sai-lạc mất đầu bài. Song cái đặc-sắc của văn tiểu-thuyết tây là đương dùng lối tự-sự lại biết khéo tham-bác các lối tả-cảnh tả-tình. Nếu thuần dùng một lối tự-sự thời dẫu khéo đến đâu cũng không tránh được cái buồn một giọng như thể văn tàu. Từ đầu đến cuối toàn một giọng kể truyện cả, còn gì chán bằng. Vả những việc trong tiểu-thuyết không phải là việc trong mộng mà bông-lông không có trường-sở nào, những người trong tiểu-thuyết không phải là người trong mộng mà phảng-phất không có tâm-lý gì; nên kể đến một việc gì phải tả cái cảnh chỗ việc ấy xuất-hiện ra; nói đến một người nào, phải tả cái tình của người ấy ngụ trong lòng. Mà cho dẫu là người là việc trong mộng nữa, cũng phải có những tình những cảnh trong mộng. Bởi thế nên lối tả-cảnh tả-tình tuy là phụ-thuộc cho lối tự-sự mà cũng là quan-trọng lắm. Hai lối này thời trong văn tiểu-thuyết tây rất khéo dùng. Các học-giả Âu-Mĩ cho là cái ngoại-cảnh có ảnh-hưởng đến tình-tình công-việc người ta sâu-xa lắm, cho nên không hề thuật một việc gì mà không tả cái cảnh ở nơi việc ấy xảy ra, cái tình của người chủ-trương việc ấy: cảnh tươi-cười hớn-hở thời người vui-vẻ bảnh-bao, cảnh thảm-đạm tiêu-điều thời người âu-sầu u-uất; hoặc cũng có khi cảnh ở ngoài rực-rỡ mà người trong lòng thiết-tha, thời lại lợi-dụng mà làm văn ra cách khác được, để chứng rằng tạo-vật vốn vô-tình, đối với người đời hay hờ-hững, người đau-đớn mà cảnh-vật có biết đâu, sự đau-đớn ấy hình như nhân đó mà lại bội-phần lên. Kể đến những khóe làm văn của các nhà tiểu-thuyết đời nay thời thật là thiên-biến vạn-hóa, không thể sao nói cho cùng được. Vả những khóe ấy, người nào đã thật là có tư-cách nhà làm văn, cũng dễ nhận mà lợi-dụng được, không cần phải chỉ-dẫn mới biết vậy.

Còn một lối văn nữa, trong tiểu-thuyết cũng thường dùng, là lối vấn-đáp. Tự-sự đến chỗ nào quan-trọng hay là chỗ nào có ý-tứ, thời người làm sách không tự mình thuật nữa, mà để cho chính người trong truyện đối-đáp với nhau. Lời văn đây phải nhanh-nhẹn tự-nhiên, linh-lợi hoạt-bát lắm mới được, không khác gì văn diễn-kịch. Lại phải chú-ý cho người nào nói theo tính-cách riêng của người ấy, hình như mỗi câu nói là một nét bút tả cái tâm-tình một người vậy. Thường-thường trong khi tác-giả để cho người trong truyện nói với nhau như thế, thỉnh-thoảng lại điểm một vài câu để vẽ hình-dung thái-độ

người đương nói, bấy giờ người đọc truyện có khi mơ-màng tưởng như trông thấy nghe thấy người trong truyện ở đâu bên cạnh mình vậy.

Nói tóm lại thời phép làm tiểu-thuyết trước là kết-cấu, sau là phô-diễn. Phô-diễn tức là hành-văn. Văn tiểu-thuyết thời chú-trọng nhất là lối tự-sự, mà cũng có tham-dụng những lối tả-cảnh, tả-tình, vấn-đáp. Bấy nhiêu lối không phải là rời nhau mà thực là liên-lạc với nhau, bổ-khuyết cho nhau; dù dùng lối nào cũng phải cốt lấy được tự-nhiên, cho có linh-động, khiến cho người đọc có cái cảm-giác như trông thấy nghe thấy người thực việc thực vậy. Văn tiểu-thuyết phải là cái « văn sinh-hoạt ». Phần kết-cấu đã ví như cái bộ xương trong tiểu-thuyết thời phần văn-chương tức là da, là thịt, là máu, là gân; xương là cái cốt ở trong, mà khi sinh-hoạt chính là ở gân, ở máu, ở thịt, ở da bao-bọc, ràng-buộc, tầm-thấm ở ngoài vậy. Kết-cấu vụng mà phô-diễn khéo có lẽ người không sành không nhận ngay được; nhưng đặt truyện khéo mà hành-văn vụng thời dẫu người không sành cũng biết được ngay, và bộ tiểu-thuyết nhân đó mất quá nửa giá-trị vậy.

Song đặt truyện đã là khó mà còn có phép-tắc truyền-dạy được. Đến làm văn thời toàn là ở cái tài riêng của người ta, thế sao mà định phép-tắc cho được? Cho nên những lời bàn về phép hành-văn tiểu-thuyết trên đây chẳng qua cũng là những lời phiếm-luận mà thôi, không dám đặt làm phương-châm cho các nhà tập văn tiểu-thuyết vậy. Một ông văn-sĩ trước-danh nước Pháp đã có câu nói rằng: « Văn tức là người » (*Le style, c'est l'homme*), nghĩa là văn người nào là hình-ảnh tính-tình người ấy. Như vậy thời văn hà là một món có thể dạy được sao? Nhất là văn tiểu-thuyết là một lối văn tự-do phóng-khoáng, lại càng khó lòng truyền-dạy cho được vậy.

IV

Trở lên là bàn chung về cả các lối tiểu-thuyết. Trên kia đã nói rằng thể tiểu-thuyết tuy thiên-hình vạn-trạng mà xét kỹ cũng có thể phân ra mấy loại lớn. Vậy đây xin bàn qua về các loại tiểu-thuyết. Cứ lấy ý-nghĩa mà chia ra thời có tiểu-thuyết về lịch-sử, tiểu-thuyết về triết-học, tiểu-thuyết về xã-hội, tiểu-thuyết về tâm-lý, v. v., tùy cái ý-nghĩa trong truyện khuynh-hướng về mặt tâm-lý, về mặt xã-hội, về mặt triết-học hay là về mặt lịch-sử. Các hạng tiểu-thuyết ấy thời thường gọi tổng-danh là « lý-luận tiểu-thuyết » (*romans à thèses*), nghĩa là những truyện đặt ra để chứng-giải một cái lý-thuyết gì. Cứ lấy hình-thức mà chia thời có tiểu-thuyết tự-sự, nghĩa là người làm sách tự đứng thuật truyện; tiểu-thuyết bằng thư-trát vãng-lai, nghĩa là theo thể viết thư, người trong truyện viết lẫn cho nhau; tiểu-thuyết bằng nhật-ký, bằng tự-truyện, nghĩa là người chủ-động trong truyện tự chép việc mình, hay là dùng lối nhật-ký mà ghi riêng công việc mình, giải riêng tâm-sự mình. Lại có lối tiểu-thuyết tả-chân, nghĩa là cứ phỏng sự thực mà tả ra, không có bình-phẩm nghị-luận gì; lối tiểu-thuyết lý-tưởng, nghĩa là cứ theo sự tưởng-tượng mà kết-cấu ra, không câu-nệ giống hay không giống sự thực; lối tiểu-thuyết ngụ-ngôn, nghĩa là đặt những truyện huyền mà có ngụ-ý khuyên-răn người đời; lối tiểu-thuyết cảm-hoài, nghĩa là dùng lời văn cao-kỳ như thơ để tả cái lòng cao-hứng của mình hay là ta-thán sự đời, v. v. Xem đó thời biết các lối tiểu-thuyết nhiều biết bao nhiêu mà kể. Song nhận cho kỹ, những lối tiểu-thuyết ấy không phải là những loại riêng, mỗi loại có những tính-cách đặc-biệt không giống với các loại khác. Như một bộ tiểu-thuyết có thể vừa tả-chân, vừa lý-luận, vừa dùng

lối thư-trát, vừa dùng thể nhật-ký, vừa ngụ-ý, vừa cảm-hoài, không phải là không được. Nay cứ tính-chất các tiểu-thuyết mà phân-loại ra thời có thể chia ra ba loại như sau này: một là tiểu-thuyết ngôn-tình (*romans passionnels*), hai là tiểu-thuyết tả-thực (*romans de mœurs*), ba là tiểu-thuyết truyền-kỳ (*romans d'aventures*); ba loại này có thể gồm được cả các lối khác. Nay xin bàn qua về mỗi loại như sau này.

1) *Tiểu-thuyết ngôn-tình.* — Loại này là loại thịnh-hành hơn cả. Tình là cái động-cơ rất mạnh của muôn vật ở đời. Trong các tình thời ái-tình, là tình nam-nữ, lại là mạnh hơn nhất. Cho nên tiểu-thuyết đời nào nước nào cũng là thiên-tả về ái-tình nhiều lắm, và nhất là tiểu-thuyết của các nước Âu-Mĩ đời nay lại rành cho ái-tình một cái địa-vị rất là to-lớn, rất là tôn-trọng. Ngày nay mở một bộ tiểu-thuyết tây, bất-cứ vào hạng nào, chắc là trong có nói truyện tình: tình cao-thượng, tình tầm-thường, tình sầu, tình thảm, tình trẻ, tình già, tình tà, tình chính, tình trong cảnh gia-đình hòa-thuận, tình ở ngoài buồng the thầm-dấu, tình phất-phơ trăng-gió, tình thâm-thiết đá-vàng; nhưng thứ nhất là tình-dục, là cái bụng trai-gái ham nhau, cốt để thỏa cái lòng muốn tự-nhiên nó khiến cho muôn loài trong trời đất vì ham nhau mà phải tìm đến với nhau,

dẫu vô-tri cũng đèo-bòng,

để diễn ra muôn cuộc vui-thú, muôn cảnh éo-le, muôn nỗi thảm-sầu, trên cái sân-khấu lớn là cõi thế-gian này. Đọc bộ tiểu-thuyết tây tưởng như ở đời không còn có gì trọng bằng cái tình, không còn có gì mạnh bằng bụng dục nữa; hình như người ta chỉ sống để mà giao-hoan với nhau, ngoài việc ấy không còn việc gì nữa, và hễ chưa được thỏa-mãn thời trong lòng đau-đớn, trong bụng khát-khao, trong trí mê-mẩn, quay-cuồng xuẩn-động, bôn-tẩu cạnh-tranh, cho kỳ được mới nghe, dù phá tài-sản, hoại gia-đình, liều danh-dự, mất tự-do, cho đến vượt cả pháp-luật, phạm tội giết người, cũng không nề!

Đó là cái tính-cách chung của lối tiểu-thuyết ngôn-tình ở các nước Âu-Mĩ đời nay. Tình vẫn là một sức mạnh trong thế-gian, vẫn là một cuộc vui của người đời, — cuộc vui mà lắm khi lại thành nguồn thảm nữa, — nhưng thiên-trọng về tình, nhất là tình-dục, quá như thế, có phải là chánh-đáng không? Người ta ở đời phải biết tiết-chế cái bụng dục của mình, nếu lấy sự túng-dục làm chủ-nghĩa, thời chẳng phương-hại cho xã-hội, bại-hoại đến phong-tục rư? Tuổi thanh-niên là tuổi dễ tin, bọn phụ-nữ là người dễ cảm, nay đem những truyện tình-dục phô-diễn ra lời văn-chương, để làm một món tiêu-khiển cho những bọn ấy trong khi ngồi không mơ-tưởng, thương hão xót thầm, thời chẳng là truyền cho một thứ thuốc độc rất hại về sau này rư? Tiểu-thuyết ngôn-tình làm hư người ta những thế nào, các nhà giáo-dục chẳng đã đồng-thanh mà ta-thán rư? — Đó là những vấn-đề muốn giải-quyết cho được phải nghị-luận nhiều lắm, nay hãng tạm khuyết không bàn đến. Vả chính các nhà văn-sĩ Âu-châu, thuộc về những vấn-đề này, cũng không được đồng-ý, ký-giả lại càng không dám lấy ý riêng mà giải-quyết ra phương-diện nào. Chắc rằng đã gọi là tiểu-thuyết ngôn-tình thời tất là phải nói về truyện tình, nói về truyện tình, dù là ái-tình, dục-tình, tà-tình, dâm-tình, cũng không tất-nhiên là không chánh-đáng, nhà làm tiểu-thuyết không tất-nhiên là phải đồng-thanh nối-gót với nhà luân-lý nhà đạo-đức; song có điều rằng nói truyện tình mà chỉ thiên-ý tả cái hình-

thức thô-bỉ của tình nhiều hơn là cái tinh-thần cao thượng của tình, thời không khỏi không hại cho phong-tục, cho xã-hội, cho bọn phụ-nữ, bọn thanh-niên : dẫu ở các nước đã khai-thông bên Âu, Mĩ cũng còn có hại, phương-chi là trong một dân còn bán-khai như dân mình ? Cho nên đương lúc lối tiểu-thuyết còn phôi-thai ở nước ta, hoặc có người thấy những tiểu-thuyết ngôn-tình của Tây hay mà muốn bắt-chước, thật cũng rất nên răn vậy.

Nay xét về lối tiểu-thuyết ngôn-tình, cách kết-cấu, cách phô-diễn có gì khác lối tiểu-thuyết thường không. Cứ phép-tắc chung tưởng cũng không khác gì, duy đặt truyện tình thời thường có hai cách : một là tả một cuộc tình-duyên từ lúc mới dan-díu, qua lúc đương khăng-khít, cho đến lúc sau giải-tán hay là quyết-liệt ra làm sao ; hai là đem cái ái-tình ra đối-đãi với một cái nghĩa-vụ hay là một cái tình-cảm khác (tình cha mẹ, tình vợ-chồng, nghĩa gia-tộc, nghĩa quốc-gia, v. v.), rồi tả hai bên xung-đột nhau thế nào, bên nào thắng, bên nào bại. Đại-khái các tiểu-thuyết ngôn-tình, phép kết-cấu không ngoài hai cách đó. Còn phép phô-diễn, hay là phép hành-văn, thời cần phải có ngọn bút sành-sỏi và công-tế lắm thời mới tả được hết những khóe u-ẩn trong lòng người, những vẻ li-kỳ của tình-ái ; lời văn phải khi thanh-thoát, khi đậm-đà, khi lí-tê thánh-thót như tiếng gái nói truyện đêm khuya, khi nồng-nàn nóng-nả như cuộc tình giao-hoan buổi mới, khi thiết-tha như lời gắn-bó, khi vỡ-lở như giọng căm-hờn... Tiểu-thuyết ngôn-tình thường trọng ở văn-chương hơn các lối tiểu-thuyết khác, vì tình là một vật mập-mờ ẩn-ước, vô-trạng vô-hình, phải ngọn bút tuyệt-xảo mới diễn-tả ra được.

2) *Tiểu-thuyết tả-thực.* — Loại này tiếng tây gọi là tiểu-thuyết về phong-tục (*romans de mœurs*), nghĩa là cốt tả cái tình-trạng trong xã-hội theo như thói ăn cách ở của người đời, thứ nhất là người đương-thời ; cho nên cũng có thể gọi là tiểu-thuyết tả-thực được, vì cứ theo như cái cảnh thực ở trước mắt mà diễn-tả ra. Nhưng trong cách diễn-tả ấy thường-thường bao giờ cũng có ý bao-biếm, ý khuyên-răn ở đó, dẫu nhà làm sách không lập-tâm khen-chê răn-dạy gì ai, mà cái ý khuyên-răn bao-biếm bao giờ cũng có ngụ ở trong. Là bởi cái lẽ như sau này. Người tả ở trong xã-hội người hay thời ít, người dở thời nhiều, dẫu không dở không hay hẳn thời cũng ương cũng dởm, mà chính người hay nữa vị-tất đã khỏi dởm khỏi ương ; người nào đã biết đem con mắt tinh-đời mà quan-sát người đời, lấy cái trí sáng-suốt mà soi-thấu sự thế, thời phần nhiều chỉ thấy những cảnh không nực cười thời đáng khóc cả, chưa mấy khi là được thấy những cảnh khiến cho mình phải khâm-phục cái con vật tối-linh trông trời-đất là giống người ta này. Nhà tiểu-thuyết tả-thực phải là người biết quan-sát sự đời như thế, đã biết quan-sát sự đời thời tất tả được cái chân-tướng cuộc đời, cái chân-tướng cuộc đời đã xấu-xa bỉ-ổi như thế, thời dẫu mình không lập-tâm phẩm-bình khuyến-giới gì mà cứ đem diễn-tả ra cho hệt cũng đủ khiến cho người ta coi đó mà có cái bụng không bằng lòng về cảnh đời như bây giờ, muốn hi-vọng một cõi đời tốt-đẹp hơn. Bởi thế nên lối tiểu-thuyết tả-thực cũng lắm khi giúp được cho phong-hóa nhiều, và thứ nhất là tập được cho người ta có con mắt sành mà quan-sát sự đời.

Nay trong tiểu-thuyết ngôn-tình thời tình là chủ-động : vậy trong tiểu-thuyết tả-thực có thể tìm được cái mối chủ-động ở đâu không ? Tả-thực là tả cái tình-trạng xã-hội, tình-trạng

xã-hội là gồm những sự hành-vi của người ta, sự hành-vi của người ta thời phồn-tạp phiền-phức, thế nào mà dò được cái mối chủ-động ở đâu ; vả mỗi người hành-động là có cái lẽ riêng của người ấy, có cái cớ riêng nó khiến làm, lòng người không bờ không bến thời những cớ những lẽ ấy cũng là vô-cùng-tận, thế nào mà kể cho xiết. Song, xét cho kỹ, cứ tổng-quát cả các công-việc của người ta hành-động trong xã-hội, thời có thể nói được rằng ngoài tình-dục trên kia đã nói, muôn việc trong xã-hội đều là do hai mối chủ-động lớn mà ra: một là lòng tham của, hai là tính hiếu-danh. Kim-tiền với danh-dự thật là hai cái chốt của xã-hội, và là hai cái đích cho nhà tiểu-thuyết tả-thực vậy. Đời nào nước nào, người ta cũng có hai cái căn-tính đó : một là tham của, hai là tham danh. Bởi thế mới diễn-xuất ra cái bài tuồng trăm nghìn tấn là cuộc đời này. Bởi hai cái căn-tính thâm-trầm của người ta đó mà xã-hội đâu đâu cũng thành những chốn náo-nhiệt cạnh-tranh, sự cạnh-tranh náo-nhiệt đó chính là cái kho tài-liệu vô-cùng-tận cho nhà tiểu-thuyết tả-thực vậy. Nếu không có hai cái tính tham của tham danh đó thời người ta đều là những bậc triết-nhân quân-tử cả, một xã-hội rặt những triết-nhân quân-tử cả, thời còn gì chán bằng, vì còn có công việc chi nữa ? Một xã-hội như thế thật là cõi «nát-bàn» của nhà Phật vậy.

Lòng tham-của, tính hiếu-danh là hai cái động-lực lớn trong xã-hội, nhưng hai cái động lực ấy tùy thời, tùy xứ, tùy cảnh, tùy người mà xuất-hiện ra mỗi lúc một khác ; có khi lại giả danh nhân-nghĩa, mượn tiếng từ-bi, mà thay hình đổi dạng, không nhận kỹ, không xét ra. Nhà làm tiểu-thuyết tả-thực phải tả được hết những trạng-thái bề ngoài của hai cái động-lực đó, mà lại suy-nguyên cho đến thâm-căn, cho rõ rằng người ta ăn ở trên đời dẫu vạn-trạng thiên-hình mà rút cục lại cũng là không qua một tấc dã-tâm là cái lòng hiếu-danh tham-của đó.

Viết tiểu-thuyết tả-thực phải có ngọn bút rắn-giỏi, mạnh-bạo, cốt lấy thiết-thực, kỵ sự phù-hoa ; có khi nghiêm - khắc như ngọn bút phẩm-bình nhà làm sử, có lúc thống-thiết như lời văn tản-thán kẻ ưu-thời ; có khi vô-tình như không, như cái máy ảnh vô-tri, tự-nhiên mà phản-chiếu cái cảnh thực ở trước mắt ; có lúc tản-nhẫn cả-quyết, như con dao thày ngoại-khoa, sẵn-sỏ mà đâm thủng cái ung độc người có bệnh. Văn ngôn-tình khó vì nhỏ-nhặt mềm-mại, văn tả-thực khó vì mạnh-khỏe cứng-cáp, hai lối cương-nhu có khác nhau mà công-phu cũng như một vậy.

3) *Tiểu-thuyết truyền-kỳ.* — Truyền-kỳ là chép những truyện lạ, tuy không phải là những truyện hoang-đường mà cũng là những truyện khác thường, không phải hằng ngày trông thấy. Hạng tiểu-thuyết này không chủ cảm-động, không vụ khuyên-răn người ta, mà chỉ cốt là kích-thích cái trí tưởng-tượng. Người ta thủa nhỏ thường ham nghe những truyện thần-tiên, truyện cổ-tích, là vì nó có cái phong-vị phiếu-diêu li-kỳ, xa-xôi man-mác ; đến tuổi thành-nhân cũng vẫn còn cái tính đó. Cho nên nghe nói đến những truyện xứ lạ phương xa, kể đến những phong-tục các dân-tộc ở ngoài, hay là thuật những thủ-đoạn khác thường của một người nào, càng nghe càng thích, không hề thấy chán bao giờ. Là bởi người ta ở trong xã-hội, kỷ-luật rất nghiêm, mỗi người có một địa-vị, một chức-nghiệp riêng, ai làm việc nấy, ai ngồi chỗ nấy, dẫu có tưởng-tượng ra những sự lạ, việc kỳ, mơ-màng đến những cõi xa đất thẳm, chung-thân dễ cũng không có dịp nào đi tới hay là làm được. Trừ những kẻ giang-hồ lãng - khách, túc-tích bốn phương, còn người đời mấy ai đã thực-hành được cái chí tưởng-tượng bình-sinh ? Cho nên người ta ai cũng khao-khát những sự khác thường

muốn cùng Tê-lê-mắc gặp tiên trong hang núi, cùng Lỗ-bình-sơn phiêu-rạt ngoài bể khơi, hay là cùng nhà bác-học nọ bạt-thiệp những phương xa cõi lạ để khảo-cứu về phong-tục các man-dân, cùng nhà thám-hiểm kia vượt qua những cao-nguyên sa-mạc để tìm-tòi các đất mới chưa ai đến. Lòng hiếu-kỳ cũng là một căn-tính của người ta. Lối tiểu-thuyết truyền-kỳ tức là để đối-phó với cái căn-tính tự-nhiên đó. Nhà làm sách đã nói người ta chẳng qua là một lũ con trẻ lớn, cho nên dẫu tuổi nào cũng hay ưa những truyện lạ tích kỳ, không khác gì truyện thần-tiên, truyện cổ-tích của trẻ con vậy. Bởi thế nên lối tiểu-thuyết truyền-kỳ nước nào đời nào cũng thịnh-hành.

Phàm truyện lạ đời xưa hoặc có thiên về hoang-đường một đôi chút, nhưng đời nay truyện lạ không tất-nhiên là truyện hoang-đường. Không kể những nơi khoa-học chưa khám-phá đến, như những cõi đời ở các hành-tinh trên bầu trời, những việc lạ thuộc về linh-hồn tâm-tính người (thôi-miên-thuật, yêu-thuật, v. v.), cứ cách-thức sinh-hoạt trong xã-hội văn-minh đời nay, nhờ những sự biến-hóa của máy-mọc, nhờ những phương-thuật khéo của khoa-học, mà cuộc đời ngày một thay đổi, ngày một mới lạ, thiếu gì những việc đủ làm tài-liệu cho lối tiểu-thuyết truyền-kỳ. Nhà làm truyện cứ căn-cứ ở việc thực, dự-đoán thêm đôi chút, là đủ đặt ra truyện lạ, khoái-trá được người đời. Thí-dụ như ngày nay tàu-bay đã thành một cái cơ-khí hoàn-toàn lắm rồi, nay mai có thể dùng làm một cách giao-thông nước nọ sang nước kia rất tiện-lợi. Nay ví đặt ra một truyện tả về một cuộc lịch-du hoàn-cầu bằng tàu-bay của một đôi vợ chồng mới, cùng nhau giao-hoan trên mấy từng mây, qua hết nước nọ sang nước kia, vượt hết núi cao đến bể rộng, tưởng cũng là một bộ tiểu-thuyết li-kỳ vậy.

Tiểu-thuyết truyền-kỳ thời truyện trọng hơn văn, mà truyện phải đặt cho lạ. Đại-khái các nhà chuyên lối tiểu-thuyết này có hai hạng : một hạng cốt chỉ đặt truyện cho lấy vui lấy lạ mà thôi, như tiểu-thuyết của ông ALEXANDRE DUMAS cha ; một hạng vừa chủ-ý làm vui mà lại vừa chủ-ý dạy học nữa, đem những khoa thiên-văn, địa-lý, bác-học, sử-học, mà kết-cấu ra những truyện kỳ để nhân đó giúp cho sự học-thức phổ-thông của người ta, như ông JULES VERNE hay làm tiểu-thuyết về cách-trí cho các bọn thanh-niên đọc. Lối tiểu-thuyết sau ấy thật là có ích cho việc giáo-dục lắm. Song đại-để thời các tiểu-thuyết truyền-kỳ không hay ở văn-chương mà chỉ hay ở cách kết-cấu. Như những sách của JULES VERNE, ALEXANDRE DUMAS, lấy phương-diện văn-chương mà xét, thật không có giá-trị mấy, vậy mà thiên-hạ ưa đọc lắm, vì là truyện hay.

Trong ba loại tiểu-thuyết kể trên, có lẽ loại truyền-kỳ là người mình có thể luyện-tập, có thể bắt-chước được dễ hơn cả, một là vì loại này gần giống với các tiểu-thuyết Đông-phương ta hay ưa những việc kỳ-lạ khác thường, hai là loại này không trọng văn-chương lắm, vừa thích-hợp với trình-độ một lối văn còn non-nớt như văn ta ; thứ-ngoại lại còn được cái hay cái lợi là có thể gián-tiếp giúp cho sự phổ-thông giáo-dục. Dám khuyên các nhà làm tiểu-thuyết ta nên chú-ý vậy.

V

Các lối tiểu-thuyết kể trên là những trường-thiên-tiểu-thuyết, nghĩa là những truyện dài cả, đem in thành sách, khổ giấy trung-bình, thường-thường phải được hơn hai trăm đến ba trăm trang, không kể có khi có bộ tiểu-thuyết tới hai, ba, bốn, năm quyển mới hết truyện. Nhưng ngoài các lối ấy, có một lối gọi là

đoản - thiên - tiểu - thuyết (*nouvelle*), nghĩa là tiểu-thuyết ngắn, thể-thức cũng như thường, chỉ có ngắn hơn mà thôi ; lại có lối gọi là chí-dị hay là nhàn-đàm-tiểu-thuyết (*conte*, Nhật-bản gọi là « lưu-li-ngữ » 瑠璃語, cũng là một thể tiểu-thuyết ngắn, nhưng thường thuật những truyện hư-không tưởng-tượng, hoặc hoạt-kê khôi-hài, cốt lấy ý-tứ thanh-thoát, lời văn nhẹ-nhàng, cũng có một đôi khi ngụ-ngôn khuyến-giới.

Nay đã giải-nghĩa tiểu-thuyết là gì, đã bàn qua về phép kết-cấu, phép phô-diễn của các lối tiểu-thuyết thế nào, xin kết-luận mấy câu về triết-lý của tiểu-thuyết và ảnh-hưởng tiểu-thuyết đối với người ta, đối với xã-hội thế nào.

Nhà triết-học nước Anh, ông Bacon (tàu dịch là Bồi-căn) có nói rằng : « Người ta sở-dĩ có cái giá-trị cao-quí hơn muôn vật là không có cái tính cam-tâm, không chịu lấy sự hiện-tại làm mãn-nguyện, bao giờ cũng muốn đứng núi này trông núi nọ, thoát-li cái cuộc đời thường của mình mà tưởng-tượng ra một cuộc đời khác thú hơn. » Ấy triết-lý của tiểu-thuyết chính là thế. Tiểu-thuyết dẫu thuộc về lối tả-thực nữa, cũng là đặt ra một truyện khác với việc thường của mỗi người, khiến cho người ta trong cái khoảng thời-gian, hoặc dài hoặc ngắn, cầm quyển truyện trên tay đọc, thoát-li được ra ngoài cái đời mình mà cùng với người trong truyện hoặc vui hoặc buồn, hoặc sướng hoặc khổ, hoặc đi viễn-du những nơi xa đất lạ, hoặc ngồi hồi-tưởng những người cũ việc xưa. Tiểu-thuyết hay thời người đọc trong lúc đọc tưởng như mình không phải là mình nữa, mà tức là một người trong truyện vậy. Nước ta xưa nay thiếu gì những trai tài gái đẹp ngâm truyện *Kiều* mà không những thương cho thân-thế cô Kiều, có lúc mơ-tưởng như mình chính là cô Kiều vậy, mỗi đoạn gian-truân của cô là một khúc đoạn-trường cho mình, mỗi lời ăn tiếng nói của cô như tự trong thâm-tâm mình mà thổ-lộ ra vậy.

Ấy triết-lý của tiểu-thuyết như thế mà ảnh-hưởng của tiểu-thuyết lại như thế. Ảnh-hưởng ấy thật là sâu-xa vô-cùng vậy. Song trong ảnh-hưởng ấy có sự hay mà cũng có sự không hay. Hay là làm một cách tiêu-khiển cho người ta trong những khi nghỉ-ngơi nhàn-hạ ; lại một đôi khi có thể gián-tiếp giúp cho người ta tập suy-xét việc đời, thêm mở-mang sự học. Không hay là dẫu truyện khéo đến đâu vẫn là truyện huyền, người ta say-mê những truyện huyền quá thời có hại đến việc thực ; cả đêm cả ngày chỉ sống với những người mơ-máng trong truyện, thời tinh-thần mê-mẩn đi, đối với người thực việc thực không khỏi sai-lầm lẫn-lạc, thật có hại cho sự sinh-hoạt ở đời vậy. Đó là ảnh-hưởng đối với người ta ; nay ảnh-hưởng đối với xã-hội cũng có sự hay sự dở như thế. Theo ý-kiến của phần nhiều các nhà văn-sĩ Âu-châu thời văn-chương không tất-nhiên có quan-hệ với thế-đạo. Làm một bộ tiểu-thuyết, cốt là đặt cho hay, viết cho khéo, cho người đọc có hứng-thú, còn ảnh-hưởng về xã-hội phong-tục thế nào, bất-tất phải xét đến. Nay không bàn ý-kiến ấy phải hay là trái, nhưng có lẽ ở những nước văn-minh lắm thời hoặc có thể nghĩ như thế được, chớ ở những dân còn bán-khai như dân ta thời văn-chương rất là quan-hệ cho đời lắm, nhà làm văn có cái trách-nhiệm duy-trì cho xã-hội, dìu-dắt cho quốc-dân, nếu làm trái cái trách-nhiệm ấy thời dẫu văn-chương hay đến đâu cũng là có tội với quốc-gia, với danh-giáo vậy. Các nhà tiểu-thuyết ta há không nên cẩn-thận lắm ru ?

Phạm Quỳnh

BÀN VỀ VIỆC HỌC Ở NHÀ QUÊ

Vấn-đề các trường sơ-học ở nhà quê ngày nay là một vấn-đề cần-cấp phải giải-quyết cho xong; có giải-quyết xong, thời sự phổ-thông giáo-dục của quốc-dân ta mới thành cơ-sở vậy.

Từ khi các trường Huấn Giáo đóng cửa, các thày đồ nhà nho không đắc-dụng ở các chốn hương-thôn nữa, thì việc học trong nước tuy đã có bộ « Học-chính tổng-qui » chuẩn-định, nhưng chưa nhất-luật thi-hành, nên còn phân-vân, trẻ con ngơ-ngác không biết đến đâu mà đèn sách tập-rèn, thành ra trong khoảng mấy năm gần đây việc học ở các chốn thôn-quê hầu như không có vậy.

Cứ như hiện-tình mà xét, thời các trường Tổng-sư không có công-hiệu gì lắm, mà cái lỗi ấy không phải là lỗi cả các thầy Tổng-sư — trong các thầy cũng có nhiều thầy chuyên-cần dạy bảo, thật là đáng khen — chỉ vì cái cách đặt trường ấy không được lợi cho việc học trong các xã-thôn, nên con em nước mình ở chốn quê-hương còn ngơ-ngác. — Xem trong một tổng có 9 hoặc 10 xã, mà chỉ có một trường Tổng-sư, nếu nhiều học trò thì dạy làm sao cho xuể, mà học trò trẻ lên 9 lên 10 tuổi đi mưa về nắng, qua sông cách đò, thì đi lại làm sao cho tiện; có xã cách nhau đến năm bảy cây-lô-mét, phải đi một hai giờ mới đến trường, thì dẫu học trò có ham học đến đâu cũng không thể nào mà theo học được.

Vả lại các trường Tổng-sư chỉ cốt dạy quốc-ngữ, mà sách quốc-ngữ thì chỉ có vài ba mươi bộ, học làm sao cho đủ, không có lẽ cứ ôn đi ôn lại chừng ấy quyển sách trong năm bảy năm hay sao? Học mà không có sách, nghĩ cũng buồn thay! Nhân dám khuyên các nhà văn-học trong nước nên xin Nhà-nước cho phép soạn và dịch cho nhiều những sách giáo-khoa rõ quốc-ngữ cho con em học, há chẳng phải là một việc ích-lợi và thiết-thời lắm ru?

Còn khi học xong trường Tổng-sư rồi, thì học trò nên học trường nào? Không lẽ cứ ở trường Tổng-sư đến già, trường huấn giáo ở các phủ huyện thì đã đóng cửa, vậy lại phải lên học trường Pháp-Việt ở tỉnh, thì thành ra cái công học ở trường Tổng-sư lại không hợp nữa, mà lại phải khởi đầu học từ vần tây; vả tự làng lên tỉnh đường-xá xa-xôi, đồ ăn nhà ở đều đắt gấp ba, trẻ nhà quê tưởng cũng khó lòng mà theo cho được.

Nói tóm lại thời cái hiện-tình sự học ở các nơi nhà quê ta thật hãy còn phân-vân lắm, chưa quyết-định ra làm sao. Chánh-phủ vẫn sẵn lòng khai-hóa cho dân ta, cứ xem các điều-mục đã dự-định trong bộ « Học-chính tổng-qui »[1] thời đủ biết. Nhưng Chánh-phủ ở xa, cái tình-thế trong dân-gian không thể nhất-nhất biết hết cả được. Vậy phận-sự người trong nước là ai có ý-kiến gì nên trình-bày cho Chánh-phủ biết, để quan trên tùy-nghi châm-chước mà liệu cách thi-hành, chẳng là ích-lợi cho dân lắm ru? Nay tôi cũng có một vài cái thiển-kiến về việc học ở nhà-quê, xin bàn qua ra đây, không dám tự-phụ rằng giải-

(1) Bộ này ông Phạm Quỳnh đã lược-dịch các điều-mục và bàn rõ các đại-ý trong một bài luận ở báo *Nam-Phong* số 12 (Juin 1918). Bài luận ấy cũng đã có in riêng thành sách.

quyết được cái vấn-đề sơ-học các chốn dân-thôn, nhưng mong rằng cũng giúp được một đôi phần vậy. Tôi xin nói riêng về năm khoản như sau này :

1° — Các trường nhà-quê nên dạy những chữ gì ?

2° — Mỗi tổng xã nên mở mấy trường học ?

3° — Lấy tiền gì mà trả lương thày giáo và làm nhà trường ?

4° — Làm thế nào cho có nhiều sách quốc-ngữ để học-trò học ?

5° — Dùng cách gì để khuyến-khích việc học và cho học-trò có thể theo thứ-tự mà học tiến lên ?

1° — Cái lẽ nên học chữ gì thời cũng nhiều người bàn rồi; ai cũng đồng-thanh xin lấy chữ quốc-ngữ làm gốc, ký-giả cũng xin biểu đồng-tình về việc ấy. — Nhưng cứ theo thời-đại bây-giờ, không học qua chữ Pháp, thời khó lòng mà mở-mang được tri-thức, tấn-tới được bằng người.

Vả lại ta đã nhờ ơn Đại-Pháp đem văn-minh Thái-Tây mà khai-hóa cho ta, nếu mà ta không học pháp-văn thời sao mà trực-tiếp hưởng-thụ được cái văn-minh qui-hóa ấy? — Và không học pháp-văn thời làm sao hiểu được tình-tình người qui-quốc, mà ăn ở cùng nhau cho thân-mật ? Pháp-văn là cái lợi-khí cho sự học-vấn, cho sự giao-thiệp; cái lợi-khí ấy ta phải rèn-tập từ thủa nhỏ mới được.

Vả ngoài cái lẽ đó còn có một cái lẽ thiết-cận hơn cả, là các trường Nhà-nước đều dạy bằng chữ pháp cả, nếu trường sơ-học nhà quê chỉ dạy thuần quốc-ngữ, thời ở sơ-học ra không thể trực-tiếp lên bậc trên được; nếu muốn lên thời lại phải bắt-đầu học từ vần tây, thành ra mấy năm trước uổng-công vô-ích.

Vậy thời trẻ nhà-quê nên học cả quốc-ngữ cùng chữ pháp một lúc, quốc-ngữ thời vẫn lấy làm gốc bậc sơ-học để dậy các môn phổ-thông tầm-thường như: học toán, học cách-trí, địa-dư, nam-sử, v. v; chữ pháp thời nên dùng cách giản-dị mà dạy cho biết tiếng như học tiếng ngoại-quốc mà thôi, hơn nữa thời để lên bậc trên; còn chữ nho ai muốn học thời học tùy-ý.

Sau đây xin nhắc lại lời chu-tri quan Toàn-quyền ngày 20 tháng 3 năm 1918 có nói rằng : « Từ nay phải hết sức làm cho chữ pháp thông-dụng trong các trường tiểu-học, bắt-đầu ngay từ lớp thứ ba. Điều 134 trong « Học-chính tổng-qui » đã định rõ-ràng về sự đó. Vả từ xưa đến nay vẫn thi tiểu-học tốt-nghiệp bằng chữ pháp, thời đủ biết sự dậy học bằng tiếng pháp ở các trường tiểu-học đã là một sự cố-nhiên rồi. Nhưng trước vì các trường sơ-đẳng và trường tiểu-học xếp-đặt thất-cách, nhất là ở Nam-kỳ, nên sự học chữ pháp chưa bành-trướng ra được mấy.

« Làm những sách giáo-khoa bằng tiếng bản-xứ để dậy các trường sơ-đẳng là một sự hay, một sự cần nữa, điều đó đã cố-nhiên rồi. Song nếu các trường tiểu-học ngày nay mà chỉ dậy bằng chữ quốc-ngữ mà thôi, thời học-trò ở đấy ra không có cách gì trực-tiếp để quan-sát về thế-giới, thành ra cái nhỡn-giới của những bọn đó tức là cái giới-hạn nơi mình sinh-trưởng, không có cách gì mà nhìn rộng ra ngoài được nữa...

« Vậy thời ngày nay những bọn thiếu-niên ham học chỉ học tiếng pháp là một cách tuyệt-diệu để mở-mang tri-thức. Như thế thời chẳng nên đem tiếng pháp mà dậy rộng khắp trong các trường tiểu-học, để cho ai ai cũng học được, nhất là ngày nay ta đã định mở rộng các sở Nhà-nước cho người bản-xứ

vào làm. Khi xưa đứa con trẻ đất Nam-Việt bắt-đầu học chữ tầu từ trường thầy đồ trong làng, trong mấy mươi năm giùi-mài kinh-sử mãi mới thi thương thi hội được. Ngày nay chữ tầu học không còn có ích-lợi gì nữa, cái tiếng học mới tức là tiếng pháp, phải đem ban-bố khắp chốn kẻ-chợ nhà-quê để giục-giã những bọn thiếu-niên chăm-chỉ mà học, mới có đường noi lên bậc đại-học được » [1].

Học-trò phải học cả quốc-ngữ cả chữ pháp, như thế thời cần phải cho học sớm lắm mới kịp được. Cứ theo thể-lệ trong bộ « Học-chính tổng-qui » thời phải cho con đi học từ bảy tuổi mới kịp.

Theo bộ « Học-chính » về tuổi bậc tiểu-học:

Lớp đồng-ấu	7 tuổi
Lớp dự-bị	8 »
Lớp sơ-đẳng	9 »
Lớp trung-đẳng	10 »
Lớp cao-đẳng	11 »

Vậy những nhà có con ở chốn hương-thôn và ở nơi thành-phố nên cho con đi học cho sớm để khỏi lỡ bước công-danh về sau.

2° — Ta nên xin mở thêm trường các tổng-xã, những trường Tổng-sư bây giờ không nên bãi đi vội, hễ trường nào khuyết thời nên bổ một người trợ-giáo (*moniteur*) để dậy chữ pháp một thể; còn trường nào nhiều học-trò quá thời vừa Tổng-sư, lại nên xin thêm một trợ-giáo dậy chữ pháp nữa.

Mỗi tổng, trung-bình ít ra phải có ba trường Tổng mới có thể cho trẻ con đi lại học tiện. — Chờ đến lúc mỗi xã đã có một trường, thời khi ấy sẽ bàn việc bãi trường Tổng-sư. Bây giờ xã nào đủ thế-lực mở trường được, thời cũng nên xin thầy trợ-giáo ngay. — Chửa có trường thời dạy tạm ở đình cũng được, chỉ cốt phải lo tiền lương thày giáo mà thôi. Cơ-hội ngày nay thật là một cơ-hội rất lợi cho ta về việc học, vì Nhà-nước đương tìm cách mà mở-mang chỉnh-đốn việc học cho nước nhà, nhất là quan Giám-đốc Học-chính và quan Chánh-đốc tiểu-học đã tỏ lòng hết sức giúp-đỡ việc học; Quan Chánh tiểu-học đã từng nói rằng miễn là các xã có trường học, ngài sẽ liệu mà bổ cho thày giáo. Như ở huyện Bình-lục mới rồi, tôi có cổ-động cho dân làm được hai nhà trường thời ngài đã bổ ngay cho hai thày giáo rồi.

Việc lập trường ở các xã trong bộ « Học-chính tổng-qui » thiên thứ hai đã định rõ rằng: « Cứ lệ thời mỗi xã phải có một nhà trường tiểu-học, song những xã không được 500 đinh thời có thể họp nhau lại mấy xã làm

---

(1) Cứ coi đó thời biết học chữ Pháp cần là đường nào. Song cốt-nhất là ở phương-pháp dạy. Phải tìm một cách nào dạy cho giản-tiệp mau thông, chớ hiện cách dạy thường xưa nay xét ra chậm-chạp và có nhiều điều không tiện lắm. Phải biết rằng học chữ Pháp tức là học một thứ tiếng ngoài, người mình học tiếng Pháp cũng như người Pháp học tiếng ta, cốt nhất là phải tập nói tập dịch cho nhiều, thời mới mau thông được; chớ như ngày nay các trường Pháp-Việt dùng tiếng Pháp mà dạy các môn học khác, thời có điều không lợi, vì nếu chăm học tiếng thời không chăm được các môn kia, nếu chăm các môn kia thời không chăm học tiếng được. Bởi thế nên người Pháp thường chê học-trò ta là cứ truyền-khẩu như con vẹt, không hiểu nghĩa-lý gì. Học một tiếng nước ngoài chẳng phải lấp lấy cho quen miệng như con vẹt thời làm thế nào? Thiết-tưởng cái ngộ-điểm là ở sự không biết dạy tiếng Pháp như một thứ tiếng ngoại-quốc mà đã vội dùng tiếng Pháp để dạy các môn học khác. (PH.-Q.)

một nhà trường chung, tiền chi-phí cùng chịu ; tiền lập trường, tiền kinh-phí về việc học và tiền lương thày giáo, cứ lệ thời các xã phải chịu cả ; song tiền lương các thày giáo vẫn do Nhà-nước trả, các quan Thủ-hiến sẽ nghị-định về cách-thức các xã sau phải nộp lại Nhà-nước cái tiền ấy. Nhà-nước lại xem khi nào nên thời trích ở sổ dự-toán các xứ, hoặc ở sổ dự-toán hàng tỉnh mà giúp việc làm trường tiểu-học. »

Vậy việc lập trường trong các tổng-xã, mỗi tổng nên lập bao nhiêu trường thời xin theo bộ « Học-chính tổng-qui » mà nhất-luật thi-hành, cứ 500 đinh lập một trường, rồi tính xem mỗi huyện phải lập bao nhiêu trường, thời cứ theo sổ đinh điền mà bổ, để trả tiền thày giáo ; nhà trường cũng nên theo bộ « Tổng-qui » đã định mà đặt tên là trường « Sơ-đẳng tiểu-học », chớ không gọi là trường « Tổng-sư » nữa.

Việc lập bao nhiêu trường cho các tổng-xã, và bổ bao nhiêu thày giáo xin Nhà-nước định, rồi sức cho dân phải quân-bổ đinh điền mà chịu tiền, chớ tùy-ý dân thời không thể thi-hành nhất-luật được ; vả lại làm nhà trường khai-hóa cho dân, thời tốn-phí chắc cũng chẳng ai phàn-nàn gì. Vậy chúng ta nên đồng-thanh trên là xin Chánh-phủ Bảo-hộ, dưới là xin các ngài trong quan-trường ta nên lưu-tâm về việc lập trường nhà-quê, cho dân được nhờ. Vì cái tính-chất dân ta thời chắc ai cũng đã biết, việc gì cũng phải có quan trên chủ-trương xướng-suất mới chịu làm, cứ để cho tự dân xướng ra thời không biết bao giờ làm được.

Còn muốn cho trẻ con cứ tuần-tự mà học, thời các phủ huyện-lỵ chỗ nào cũng nên lập một trường Pháp-Việt cụ-thể (*école de plein exercice*), dạy cho trẻ con đủ sức thi bằng tiểu-học tốt-nghiệp (*certificat d'études primaires*) như thế thời trẻ con muốn theo học, có chỗ mà học, khỏi phải phí-tổn mất nhiều, khỏi phải khó-khăn lên tỉnh. Vả lại lập trường Pháp-Việt ở các phủ huyện, cũng chẳng phải một việc mới lạ gì, chẳng qua thay vào trường huấn-giáo cũ mà thôi.

Trường ở các phủ huyện-lỵ thời mấy làng sở-tại có thể họp nhau lại mà lập, nhưng vì là trường cụ-thể phí-tổn tất nhiều, Chánh-phủ nên trợ-cấp cho để làm trường và cấp không thày giáo cho dạy. Thày giáo các trường phủ huyện phải đặt lớp sư-phạm dạy riêng, cho có đủ tư-cách. Những lớp sư-phạm này hoặc do các ông Đốc Pháp-Việt ở các tỉnh, hoặc do những ông giáo đã tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng Sư-phạm chuyên dạy. Vì trường phủ huyện là để làm mẫu cho trường các tổng các làng.

3°. — Cách tìm phương-kế để lấy tiền làm nhà trường và trả lương thày giáo, thời có nhiều cách. Nếu đặt một số phụ-thâu về cả thuế đinh cả thuế điền nhất-luật, để kinh-phí việc học thời cũng chẳng nặng thêm cho dân mấy tí, mà lại là việc công-ích, chắc dân cũng không phàn-nàn gì. — Nhưng việc đặt số phụ-thâu này phải nhờ đến các ông tư-vấn nghị-viên, xin Nhà-nước định cho thời mới được. — Đây xin bàn qua những cách có thể làm ngay được, mà không can-thiệp gì đến Chính-phủ : 1° là cách xin phép bán thứ-vị, xin quyên tiền và xin cố công-điền của dân, cách này tưởng dễ hơn hết, tổng-lý chỉ làm đơn xin phép thời quan trên cũng sẽ sẵn lòng cho. Hoặc các quan phủ huyện cổ-động cho tổng-lý để cho họ biết đường mà làm. (Ở huyện Bình-lục cũng dùng cách này, đã làm hai nhà trường Pháp-Việt rồi, mỗi trường tốn gần 2000 $, mà dân-sự đều vui-vẻ cả). Ai đã am-hiểu dân-tình thời cũng đều nói rằng chỉ có cách xin phép bán thứ-vị, mới có thể có tiền ngay được,

chớ quyên tiền thời cũng không được mấy. Quyên tiền thời phải đặt ra một cách gì để kích-thích cái lòng danh-dự của người ta : hoặc định rằng ai quyên tiền sẽ khắc tên vào bia dựng trước cửa trường, chắc cũng có nhiều người quyên. Những cách trên này Nhà nước chỉ thông-sức cho phép, thời dân đều hoan-nghênh. Vả lại việc bán thứ-vị là một tục tư của dân xưa nay, phàm khi trong làng có việc công-dân vẫn bán, cái thứ-vị này không can-thiệp gì đến chính-trị luật-pháp cả. — Lại thấy nhiều nơi có công-việc gì hay đem bán vé quốc-thái (vé năm 1917, 1918, 1919,1920) để lấy tiền, nhưng họ thường bán dấu, rồi sinh sự kiện-cáo lôi-thôi, nay vì quan trên cho phép công-nhiên bán để làm trường thời tưởng cũng giúp được một phần tiền phí-tổn.

Còn một cách sau này nữa, là nhân dịp Nhà-nước không bắt cấp lương-điền cho lính nữa, thời các xã cũng có thể thừa-cơ mà xin trích cái ruộng lương-điền ấy làm học-điền, cứ đồng-niên đem cho thuê mà lấy tiền trả lương cho thày giáo. — Lấy cái ruộng ấy ra trước là được lợi về việc học cho dân, sau nữa khỏi sinh sự kiện-cáo nhau lôi-thôi ; vì có mươi-lăm mẫu mà đem chia cho vài ba trăm đinh, thời mỗi người không được là bao, rồi lý-dịch lại nhân sự nhũng-lạm, thành ra một mối kiện nhau về sau. Ở hạt Bình-lục đã nhiều xã xin trích cái ruộng ấy ra làm học-điền. Việc này xin Nhà-nước quyết-định, hoặc các quan phủ huyện hiểu-cáo cho dân, thời họ cũng bằng lòng trích ra làm học-điền, hoặc tổng-lý kỳ-mục làm đơn xin phép trích ra làm học-điền, thời quan trên cũng cho. Còn như cách bổ tiền lương Tổng-sư bây giờ, mà cứ bổ từng tổng một, thời tưởng có nhiều điều bất-tiện, vì có tổng nhiều học-trò, có tổng ít học trò, mà bổ bằng nhau cho nên hay sinh sự ganh-tị, mà có tổng lại xin bãi Tổng-sư.

Vậy bây giờ ta nên tìm một cách bổ cho tiện hơn và được lợi cho việc học một thể. Quan Phó Công-sứ Bắc-ninh là ông Le Strat có bàn một cách rất là có lợi, là xin tỉnh nào cũng nên dự-định một khoản chi-tiêu riêng về tiền lương Tổng-sư chung cả tỉnh, mà bổ cả đinh lẫn điền, rồi tùy theo tổng lớn thời đặt nhiều trường, tổng nhỏ thời đặt ít trường. Bổ toàn tỉnh và cả đinh điền như thế, thời khoản chi-tiêu ấy có thể tăng thêm được nhiều, để mở thêm trường và bổ thày giáo thêm, mà dân-sự không còn ganh-tị gì nữa. (Bắt bổ cả điền là rất công, vì phần nhiều là con những nhà điền-chủ mới có thể đi học được.)

Cách này tưởng các tỉnh, tỉnh nào các quan phủ huyện cũng nên xin làm như thế, thời ích cho việc học biết bao. Cứ như cách bổ tiền Tổng-sư bây giờ thời chỉ có đinh phải chịu mà thôi, nên số tiền không được mấy. Nay ta cố xin bắt cả điền cũng phải chia tiền Tổng-sư, thời số tiền tăng gấp hai và mới công-bằng.

4° — Việc dịch và làm các thứ sách giáo-khoa cho học-trò học, thời xin Nhà-nước đặt lại tòa Tu-thư năm trước, chọn lấy những qui-quan đã am-hiểu tình dân, cùng những tay văn-học ta họp nhau lại để mà biên-tập dịch-thuật các sách phổ-thông có ích cho học-trò các trường sơ-đẳng. Hoặc đặt cách để tưởng-lệ khuyến-khích những nhà làm sách hay cũng được. Việc này cần lắm, vì hiện nay con trẻ không có sách học. Nhà-nước đã đặt ra tập *Học-báo*, nhưng một tập *Học-báo* không đủ cho sự cần-dùng.

5° — Muốn khuyến-lệ việc học thời phải xin Nhà-nước đặt lại lệ thi *tuyển-sinh* (việc này nghe Nhà-nước cũng lục-tục làm), trẻ con nhà-quê học chữ

quốc-ngữ, chỉ mong được bằng, để lên mặt cùng dân-xã đôi chút, cho bõ công đèn sách. Cái tâm-tính người mình bất cứ việc gì, phần nhiều cũng là hiếu-danh cả, chớ còn nói rằng học để mà khai-trí tiến-đức thì cũng ít ai hiểu.

Ngoài việc bằng - cấp, thì những người kỳ-hào thức-giả cũng nên cùng nhau xin phép lập hội khuyến-học, như hội « Châu-lam bảo-trợ học hội » ở Huế đã lập, để tư-cấp tiền cho học trò, hoặc mua sách-vở giấy bút phát cho học-trò, mỗi năm phát cho hai lần.

Còn cách cho học trò có chỗ tuần tự mà học, thì cách lập nhà trường Pháp-việt ở các phủ huyện-lỵ là cách tiện-lợi nhất.

Cái vấn-đề sơ-học ở nhà-quê ngày nay là một vấn-đề rất quan trọng, thật có can-hệ đến tiền-đồ Việt-nam tổ-quốc ta lắm lắm. Bao giờ lũ trẻ con nhà quê có chỗ mà học, có sách mà xem, lúc ấy mới gọi là nước ta đã bước lên được một bước trên đường tiến-bộ văn-minh:

Cái vấn-đề này chắc phải nhờ tay các bậc thức-giả trong nước, nhất là các ngài trong quan-trường cố lưu-tâm mà giải-quyết cho mới xong được, ký-giả rất lấy làm mong-mỏi lắm.

Chúng ta phải cùng nhau mà cố công xin nhà nước theo cái chủ-ý trong bộ « Học-chính tổng-quí » mà quan Toàn-quyền đã có nghị-định ban-bố ngày 21 tháng 12 năm 1917 mà thi-hành cho nhất - luật, vì xem ngày nay đâu đâu nhân-dân cũng đồng-thanh mà kêu nài việc mở thêm trường sơ-đẳng cho con trẻ đủ chỗ mà học. Nay những phủ-huyện hoặc tổng-xã nào chưa làm trường mới được, thì các phủ huyện-lỵ đã có nhà trường huấn giáo sẵn, xin Nhà nước bổ ngay thày giáo về dạy tạm ở đấy cũng được, còn các tổng-xã nên xin bổ cho thày giáo dạy tạm ở *đình*, *chùa*, hoặc các đồn khố-xanh nào bỏ không cũng tiện, đợi làm trường mới ; tiền lương thày giáo thì xin theo như cách bắt bổ cả đình lẫn điền đã bàn trên này cũng có thể đủ được. (1)

HOÀNG HỮU-ĐÔN
Tri-huyện Yên-phong (Bắc-ninh)

---

(1) Nhân đây xin phụ thêm mấy lời về cái mục-đích của sự sơ-đẳng giáo-dục, mục đích ấy các con trẻ đi học, các cha mẹ cho con đi học thường hay hiểu lầm. Nhiều người tưởng rằng đã qua học nhà trường ra, tất phải làm được việc gì, tất phải kiếm được tiền ngay, không thời không chịu học. Tưởng thế là tưởng lầm, vì mục-đích sự sơ-đẳng giáo-dục không phải là dạy cho người ta làm nghề kiếm tiền đâu, chỉ là dạy cho biết những điều học-thức phổ-thông, ở đời này cần phải biết, không biết thời không đủ tư-cách sinh-hoạt ở đời ; dẫu người làm ruộng, người đi buôn, người làm thợ, ai ai cũng phải qua bậc đó, và những điều học ấy rồi sau dẫu làm nghề gì cũng có ích-lợi cả. Làm ruộng mà biết biên sổ, biết tính-toán, biết lẽ nắng mưa, biết sự phòng-bị, chẳng hơn là không biết gì ru ? Vậy các nhà có con đi học, các học-trò cắp sách đi học, phải hiểu rằng học cốt để mở trí khôn, biết việc đời, chớ không thể mong kiếm tiền ngay được. Dẫu học đến bậc tiểu-học-tốt-nghiệp, ở đời này cũng chưa lấy làm một kế sinh-nhai được. Tưởng không nên ngộ nhận vậy (PH.-Q.).

HẢI-DƯƠNG PHONG-TỤC KÝ

Phạm Lập-Trai tiên-sinh soạn ngày tháng năm niên-hiệu Gia-Long thứ tư (1805)

Phong-tục là việc lớn, mà kẻ tục-lại lấy làm khinh-mạn; kẻ tục-lại lấy làm khinh-mạn, thời người lương-lại lấy làm trọng.

Quan hiệp-trấn tỉnh Hải-dương là hầu Qui-đức, đời nay gọi là bậc lương-lại, có gặp ta ở Bắc-thành, bảo rằng: « Ông có phải là Phạm-quân ở Hoa-đường không? Tôi muốn ký phong-tục ở châu nhà ông, ông làm cho bài ký »

Tôi chưa được biết ngài, song tôi nghe ngài có tài chính-sự văn-học, cho nên đấng Thánh-thượng mới mệnh ngài trấn tỉnh nhà, tin là bậc lương-lại đồ chẳng? Không thế thời sao lại lưu-ý về phong-tục như thế vậy ru?

Tôi thường thấy quan Đốc-học là Thái-thành-hầu có làm bài « Hải-dương phong-tục-ký » đưa cho tôi xem, bảo rằng: « Ngài bảo làm, mà nay lại khiến tôi làm là sao vậy? Hay là cho tôi là người Hải-dương chăng? Tôi sinh trưởng ở nơi Kinh-ấp, quen biết ít, kiến-văn quả-lậu, lại đa-bệnh bỏ nghiên bút đã lâu, còn ký sao nổi. »

Song tôi thường nghe: Đất Thượng-Hồng, Hạ-Hồng (1), và huyện Thanh-âm, Chí-linh thuộc về phủ Nam-sách, tục-thượng văn-nhã, gần hợp với lễ vậy; bảy huyện thời phong-tục dũng-hãn thượng-võ, cũng gần hợp với nghĩa; ấy là đại-khái phong-tục lúc sinh-nhật như thế, nay thời chưa biết như thế nào vậy. Còn như qua miếu Phù-ủng mà tưởng đến di-phong quan Phạm Điện-sùy; qua quán Trung-tân mà tưởng đến di-phong ông Nguyễn Tuyết-Giang (2); chính-tích truyền ở Sơn-tây thời có phong ông Nguyễn Tướng-Công ở làng Ninh-sá; chiết-xung ra chốn hàng trận, thời có phong ông Phạm Đình-Trọng ở làng Kinh-dao; tiếng thét mắng giặc như ông Trương Phu-Duyệt; lưu-tâm tôn-quốc như ông Lê Cảnh-Tuân; cao-thượng chí-thú, siêu-nhiên ở ngoài vòng hưng-phế, như ông Lý Tử-Cấu; nay đến những làng các cụ còn tưởng thấy di-phong vậy. Còn bậc trác-nhiên hơn cả là thanh-phong viễn-vận của ông Châu Văn-Trinh, cùng với núi Chí-linh núi Phượng-hoàng đến nay vẫn còn truyền bất-hủ. Ấy là lúc bình-nhật mà tôi vẫn hâm-mộ hướng theo ấy đều là phong-tục tỉnh Hải-dương vậy.

Vả lại các quan đến nhậm tỉnh ta cũng nhiều, tuy rằng trải năm đã xa, sử-sách khuyết-lược, song những chính-tích khả truyền, thời các bậc kỳ-cựu vẫn còn kể lại, đó cũng là quan-hệ đến phong-tục Hải-dương vậy.

Nay đương lúc đấng Thánh-thiên-tử biểu-chính phong-tục ở trên, các quan đại-thần đốc-suất ở dưới, mà lấy ngài làm hiệp-trấn ở chốn này, vâng mệnh mà tuyên-hóa, ta biết rằng cái phong dũng-hãn rồi cũng thuần, cái phong văn-nhã rồi cũng thành, mà phong-thanh của các bậc quân-tử rồi cũng sắp có người đặc-khởi mà nối theo lên. Tôi dẫu bất-tài, cũng được dự phần vinh-hạnh vậy. Còn đến như phong-tục từng một làng một ấp, xưa nay xấu tốt khác nhau, cái đó tôi chưa kịp biết. Nếu được về dưỡng-bệnh ở cố-hương, dân-dã xem-xét sự thực, có thể để làm bi-khảo được, rồi tôi xin lại vì ngài làm ký.

(Dịch sách *Hoàng-Việt văn-tuyển*)

(1) Tức là phủ Bình-giang, phủ Ninh-giang.

(2) Tức là cụ Trạng-Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm tiên sinh.

HẠN-MẠN DU-KÝ (1)

汗漫遊記

(Lời ký của một người đi chơi phiếm)

VI

XII

Bắc-kinh

Tôi đi khỏi Quế-lâm, xuôi sông Ly, thuyền gần đến Ngô-châu bị đắm, may có người cứu. Vừa đến Ngô-châu nghe tin Dân-quân khởi ở Hồ-bắc, tôi vội-vàng đáp thuyền đi Hương-cảng. Đến nơi đã thấy cờ « Hưng-Hán duyệt-Mãn » treo đầy phố. Hôm sau nghe tin Chính-phủ Quảng-đông đã về phe Dân-quân, nhân-dân ở Cảng mừng rỡ như điên như cuồng : mỗi người tay một lá cờ, miệng reo chân nhảy. Trói mắt những cờ « Thanh-thiên bạch-nhật » ; vang tai những tiếng « Dân-quốc vạn-niên ! Đại-Hán vạn-tuế ! ». Người ta nói từ cổ đến nay, chưa hề có cái hội nào vui-mừng như thế.

Đàn-bà con-gái xưa nay không hề ra đến cửa, hôm ấy cũng theo lũ đàn-ông con trai đi lại reo-hò trong phố ; hình như sự hoan-hân cổ-vũ là cái nghĩa-vụ của quốc-dân, không một hạng người nào mà chốn được. Cho đến người Tây vợ Tây cũng tay cầm lá cờ Hán để mừng chung. Con trẻ kéo đi từng lũ đầy phố Trung-hoàn, và các phố lớn bờ bề ; xe điện đi lại không được. Ôi ! Nào ai bảo ai, thiên-lý ở lòng người, thực có như thế !

Tôi ở Cảng mấy ngày, mới đi tỉnh-thành. Bấy giờ dân Trung-quốc dù lấy máu lấy sắt mà ruồng-rẫy Mãn-Thanh, song hai bên đánh nhau, chẳng qua chỉ có mấy chỗ : Kim-lăng, Vũ-xương, Hán-khẩu ; còn các tỉnh khác chỉ phái mươi người chí-sĩ đến diễn-thuyết thời quân-đội phản-chính ngay. Công việc cách-mệnh của nhân-dân chỉ thấy kéo cờ và hoan-hô trong các phố. Lạ thay ! Thay đời đổi họ là việc đại-biến trong nước, thế mà lần này Trung-quốc duyệt-Mãn hưng-Hán, lập nên cộng-hòa, chỉ là một việc rất dung-dị. Xem như một tỉnh Quảng-đông chưa hề phí một viên đạn, chẳng một giọt máu, vừa ngày nào đang khúm-núm dưới quyền chuyên-chế đức Hoàng-đế Đại-Thanh, nay đã tay cầm chủ-quyền của Đại-Hán dân-tộc. Có người nói : « Cách-mệnh lần này, Quốc-dân xuất giá mua rẻ quá, e sự-nghiệp thành-tựu, tưởng cũng không vững bền ». Quả-nhiên, vừa được mấy năm, Bắc-kinh sảy ra Đế-chế ; lại mấy năm nữa Nam Bắc sinh ra chiến-tranh, thế thời lời nói ấy cũng nghiệm thật.

Khi thất-bại, thời người đương-đạo cũng cắp tay đứng xem, lúc thành-công, thời đứa vô-tài cũng lẹn mặt vận-động. Đang lúc phản-chính bao nhiêu hàng cơm hàng rượu ở dẫy Tràng-đê tỉnh Quảng-đông xe ngựa tới-tấp, đều là tông-tích những đảng-nhân chí-sĩ. Tôi ở lại đấy một tháng rồi cùng mấy người đồng-học, cũng đi bôn-tẩu về việc dân-quân.

Quân-chính tỉnh Quảng-đông bấy giờ đã về quyền quản-hạt của dân-đảng ; quan-quân Mãn-châu trốn cả về Hương-cảng, nhờ Chính-phủ Anh

---

(1) Xem N. P. từ số 38.

bảo-hộ. Đang lúc trong hạt biến-loạn, đạo-tặc cũng khởi lên như ong. Dân-đảng phải mộ dân-quân hoặc phái lục-quân đi đàn-áp các nơi như : Huệ-châu, Thuận-đức, Hương-sơn, Đông-hoàn, vân vân, để duy-trì việc trị-an cho bản-xứ.

Sau lại cổ-động về sự « bắc-phạt », nghĩa là hợp các tỉnh miền Nam hội-quân ở Hồ-bắc để lên đánh Bắc-kinh. Các quan đương-cục sắm-sửa đã yên, tôi cùng mấy người đồng-học ước nhau lên ngay Thượng-hải để đi Hồ-bắc, cung-chức vào đội Bắc-phạt mà hiệu-lực. Lịch cũ ngày tháng 11, chúng tôi đến Thượng-hải, thời Lâm-thời Chính-phủ đã lập tại Nam-kinh, Trần-mỗ đã cát-cử huyện Thượng-hải mà làm Đô-đốc. Có người bảo tôi vào theo Trần-mỗ. Tôi nói : « Tôi đến đây không phải có ý tình cố-nhân, chỉ tìm chỗ chiến-tranh để thí-nghiệm việc học. » Tôi liền đi Nam-kinh để đợi quân Bắc-phạt.

Quân-chính nhà Mãn-Thanh bấy giờ đã về tay Viên Thế-Khải. Lúc Lê Nguyên-Hồng khởi-nghĩa ở Hồ-bắc, Viên sai Phùng Quốc-Chương đi thu-phục Vũ-xương, một là để tỏa nhuệ-khí của dân-quân, hai là để bền lòng tín-dụng của Mãn-thất. Sau dân-quân tiến đến Nam-Kinh, Đô-đốc là Trương Huân phải thua chạy, Viên Thế-Khải không đem quân viện, cứ xưng bệnh lẩn-lút. Nhân thế mấy tỉnh phía bắc cũng thứ-đệ theo về dân-quân, Bắc-kinh chính-phủ thành ra cô-lập ; Thanh-đế phải thoái-vị, giao toàn-quyền cho Viên Thế-Khải để nghị-hòa với dân-đảng ở Nam-kinh. Bất-đắc-dĩ, dân-đảng cũng phải nhượng cái vị Tổng-thống cho Viên Thế-Khải. Lấy thế-lực một người mà trong khu-sử Thanh-đình, ngoài chế-ngự dân-đảng, để tự-lập nên công cao của mình, như Viên Thế-Khải cũng là anh-hùng nhất-thế.

Chúng tôi đến Nam-kinh được mấy tháng, thời sự chiến-tranh Nam Bắc cũng tiêu-duyệt dần, gọi là « Bắc-phạt-quân », gọi là « Cảm-tử-đội », chẳng qua là chỉ có cái danh không. Lúc mới nghe quân Cách-mệnh khởi, tưởng là mình ra khỏi nhà trường gặp ngay cơ-hội cho mình thao-diễn, để thêm tri-thức về quân-sự. Thế mà trước đến Quảng-đông, sau vào Nam-kinh, rồi lại lên Hồ-bắc, đi đến đâu thời đấy đã lửa tắt khói tàn. Bạn 7, 8 người học-trò Quảng-tây cùng đi với tôi, nói bỡn nhau rằng : « Chúng ta là phúc-tinh, đi đến đâu thiên-hạ thái-bình đến đấy. »

Ngày tháng 3 năm 1912, nghị-hòa đã thành, Tôn-Văn từ-chức, công-cử Viên Thế-Khải làm Đại-tổng-thống, đem chính-phủ về Bắc-kinh. Dân-đảng cũng kéo nhau lên Bắc. Bấy giờ tôi cũng theo chúng bạn mà lên Yên-kinh, vào tòng-sự trong một báo-quán.

Quang-cảnh thành Bắc-kinh

Bắc-kinh là thủ-đô ở Trung-quốc, thuộc về phủ Thuận-thiên, tỉnh Trực-lệ. Cổ là nước Yên, là đất thực-ấp của Thiệu-công ; trải 5 triều Liêu, Kim, Nguyên, Minh, Thanh đều định-đô ở đó. Tiếc cho khi tôi đến Bắc-kinh không còn được thấy cái nghi-vệ những thời chuyên-chế. Song cung-điện đế-vương, đệ-trạch công-hầu vẫn còn như cũ, gia-dĩ cái quang-cảnh tân-trào lại càng náo-nhiệt, thực là danh-đô một nước lớn bên Đông-Á.

Thành chia ra các bộ-phận : phía Nam là ngoại-thành, trong là Hoàng-thành, trong nữa là Hoàng-cung. Xét trong địa-lý-sử, vị-trí các bộ-phận như sau này : Kinh-thành chu-vi có 40 dặm, thành cao 35 thước rưỡi. Chia ra làm 9 cửa : Chính-nam là cửa Chính-dương, nam chi tả là cửa Sùng-văn, nam-chi hữu là cửa Tuyên-vũ. Đông là cửa

Triêu-dương, và cửa Đông-trực, tây là cửa Phụ-thành và cửa Tây-trực. Bắc là cửa An-định và cửa Đức-thắng. Hoàng-thành chu-vi hơn 18 dặm, chia ra làm 6 cửa: Nam là cửa Đại-thanh, nam-chi, tả là cửa Trung-tả, nam-chi hữu là cửa Trung-hữu; đông là cửa Đông-an; tây là cửa Tây-an b;ắc là cửa Bắc-an. Quân-đội đóng quanh bốn mặt. Trường Đại-học Cao-đẳng ở về đông-bắc; trường Y-học ở đàng Bắc; trường Dịch-học ở đàng Đông. Trong các cửa Đông-an, Tây-an, Bắc-an đều có hàng quán cùng nhà ở. Hoàng-cung ở trong Hoàng-thành chu-vi hơn 6 dặm, chia ra 4 cửa: Nam là Ngọ-môn, đông là Đông-hoa, bắc là Địa-an, tây là Tây-hoa. Trong cửa Ngọ-môn có cửa Càn-thanh, lúc Dân-quốc thành-lập đổi là cửa Tân-hoa. Trong cửa là Hoàng-cung triều cũ, bên Bắc có núi Cảnh-sơn, tây có vườn Tây-uyển. Giữa vườn có cái ao Thái-dịch, bọc quanh Doanh-đài. Nhân gọi là « Tam-hải ». Ao Thái-dịch dài suốt 4 dặm; phát-nguyên từ núi Ngọc-toàn, hợp với các ngọn nước tây, bắc chảy vào cửa Địa-an thành một cái Đại-trì, nguyên gọi là đầm « Tây-hoa », giữa có gò, gọi là Quỳnh-hoa-đảo. Trên ao có 2 cái cầu dài, dịp cầu đối nhau: cái bên đông gọi là cầu « Ngọc-đống », cái bên tây gọi là cầu « Kim-ngao. » Kiều-chi-bắc gọi là Bắc-hải; Kiều-chi nam gọi là Trung-hải; từ Doanh-đài về nam gọi là Nam-hải; hiện nay phủ Tổng-thống đóng ở Nam-hải. Ngày tôi ở Kinh, có người nghị-viên đã đưa vào chơi đấy; hai bên đường có quân-đội đứng canh nghiêm-trang lắm.

Ngoại-thành thời bọc lấy một mặt nam Kinh-thành, từ đông-giác-lầu đến tây-giác-lầu, dài 28 dặm, tường cao 20 thước, chia ra 7 cửa; chính-nam là cửa Vĩnh-định, bên tả là cửa Tả-an, bên hữu là cửa Hữu-an; đông-nam là cửa Quảng-cừ; đông-bắc là cửa Đông-tiện; tây-nam là cửa Quảng-an; tây-bắc là cửa Tây-tiện. Ở ngoại-thành buôn-bán đông nhất là con đường ở Đại-sách-lan, chợ bán lừa-ngựa, và đồ ăn. Hàng sách, hàng đồ-cổ tụ cả con đường Lưu-li-xưởng; xưởng Công-nghệ quan-lập ở Tứ-nhỡn-tỉnh; xưởng Công-nghệ tư-lập ở Xưởng-điện-hậu. Trong cửa Vĩnh-định, về phía đông có cái gò tròn để tế trời, phía tây là đàn Tịch-điền. Ngoài cửa An-định ở Kinh-thành có cái đàn vuông để tế đất. Ra khỏi cửa Đức-thắng về tây-bắc 30 dặm, có trái núi Ngọc-toàn, nước-mạch ở chân núi chảy ra tụ lại hồ Côn-minh; trên hồ có cái vườn Viên-minh, năm 1860 (Hàm-phong thứ 10) phải quân Ngoại-quốc phá đốt, sau nhân theo cái di-chỉ ấy kiến-tạo lại, đổi làm vườn Di-hòa. Năm 1900 (Quang-tự 26) nhân việc « Nghĩa-hòa-đoàn » các nước liên-quân vào Kinh, quan Thông-súy nước Ý và nước Đức đóng trong vườn ấy. Từ năm Dân-quốc thành-lập, lấy vườn ấy làm nơi trú-tất của vua Mãn-Thanh.

Trong vườn có lắm thắng-cảnh: có Thái-hồ và giả-sơn nốn quanh từng khúc, có đình, có đài, có lầu, có gác, lịch-lịch trông như tranh vẽ. Xưa cung A-phòng nhà Tần đâu cũng như thế.

Than ôi! Năm xưa vua nhà Mãn-Thanh lấy thiên-hạ mà sự-thần: phí biết bao nhiêu ức vạn, để kinh-doanh cung-cấp một nơi tị-thử cho bà Tây-hậu. Giá song-hạc lúc Tây-vương phó yến; xe Lục-long khi Hoàng-đế ngự-chầu, thịnh-mãn tôn-nghiêm biết là dường nào! Đến nay mấy dãy nhà dài, một rừng cây cổ, chỉ là một chỗ cho công-dân du-thưởng, lại khiến cho quá-khách du-nhân sinh lòng phủ-kim tư-tích!

Hồ Côn-minh chảy vào Tây-uyển thành cái ao Thái-dịch; rồi qua Hoàng-thành Cung-thành về mặt đông-nam ra cửa Đông-tiện thông qua cừ Thông-huệ, đi suốt Thông-châu chạy về sông Lộ-hà, ấy là vì Quách Thủ-Kính ở thời nhà Nguyên tâng hiến-sách xin khai đường thủy-lộ ấy để cho tiện vận-lương ở Thông-châu về Kinh-thành vậy.

Đường xe hỏa ra Quan-nội, Quan-ngoại (Sơn-hải-quan) và đường xe hỏa Kinh-Hán, lấy Kinh-sư làm chỗ tổng-cục. Bến xe hỏa ở ngoài cửa Chính-dương, gọi là đình-xa-trường ở Bắc-kinh, là nơi giao-thông tiện-lợi thứ nhất.

Sứ-quán các nước ở trong thành về góc đông-nam, gọi là Đông-giao-dân-hạng. Nhân cái hoạn năm canh-tí, quân các nước vào Kinh, bèn xin chỗ ấy làm tô-giới, để đóng quân trú-phòng. Tung-hoành chỉ vài dặm mà đường phố rộng-rãi, sạch-sẽ biệt hẳn ra một thế-giới.

Người Bắc-kinh gọi hàng phố là «Hồ-đồng». Bắc-kinh có 8 Hồ-đồng lớn là đông vui hơn cả; là nơi có những ca-lâu tửu-quán, lắm người ăn chơi. Tối đến đèn điện sáng như ban ngày, ngựa-ngựa, xe-xe, chật đường chật lối. Năm xưa là nơi hành-lạc của các vương-công quí-thích, từ khi Dân-quốc thành-lập các nghị-viên chánh-khách và quân-nhân, cũng lấy đó làm nơi trưng-trục. Bát-đại-hồ-đồng là 8 con đường lớn ngang giọc liên-lạc với nhau; 8 con đường ấy tên là:

1° Bách-thuận hồ-đồng,
2° Thạch-đàu hồ-đồng,
3° Hàn-gia-đàm,
4° Vương-quảng-phúc-tà-cái,
5° Vạn-phật-tự,
6° Đại-ngoại-long-doanh,
7° Tiểu-ngoại-long-doanh,
8° Yên-chi hồ-đồng.

Kể cả đường nhỏ còn hai con đường nữa, cho nên cũng gọi là «thập-điều hồ-đồng».

Ở Bắc-kinh khổ nhất là đường đi lắm bụi. Người đi đường phải có khăn tay đập bụi luôn, không thời đất vào đầy mặt. Người sang-trọng đi xe ngựa phải có cửa mặt kính. Lối xe ngày xưa, để đàn bà con gái nhà quê đi, kéo bằng giống la như lối xe bò chở đồ ở Hanoi ta bay giờ. Trên xe có mui để che mưa nắng và hơi trang-sức hơn. Còn xe hơi xe tay cũng như ở Thượng-hải. Chỉ con đường ở trước bộ Lục-quân là rộng-rãi sạch-sẽ hơn; còn các con đường khác có nhiều nơi khấp-khểnh. Mỗi kỳ trời mưa bùn lên đến cổ chân, xe đi cũng không tiện. Có thứ lạc-đà hay chở nặng, nhân-dân dùng để chở hàng, chở đồ, kéo đi từng lũ, lợi-tiện lắm.

Nhà ở Bắc-kinh hay cất lối cổ. Trong nhà chia ra từng phòng từng sảnh; trước cửa có nhà hầu, có người canh cửa. Khách đến đưa thiếp-danh, rồi mới vào. Trong cửa có dẫy hành-lang đi khuất-khúc. Dinh-cư các quan cất cũng cao lớn; trong nhà bầy đồ cổ đồ chơi, tường vách xây nề, ngoài dán giấy trắng, nhà nào cũng vậy. Có một điều khả-quái, là giữa sân có cái bình-phong hình vuông chừng 3, 4 thước tây. Trên lợp ngói, coi lấy làm chướng-ngại; mới trông, tưởng là cái miếu thờ. Chung quanh xây đá kín, không có chỗ hở; không hay ở trong có vật gì không.

Trừ những nhà quí-tộc, cung-quán, khách-sạn, cửa hàng buôn, cất theo kiểu mới, còn những nhà dân-gian, ít có nhà gác. Vì từ xưa ở đời chuyên-chế, quan-dân cất nhà từ dưới đất đến mái hiên, cao có hạn-chế, không được vi-việt. Cho nên ở Bắc-kinh, nhà ở mái hiên chỉ được 3 thước trở lại, ra vào không cất đầu lên được. Ôi! Nhân-dân ở đời chuyên-chế phải

chịu bó-buộc đến như thế. Không những tư-tưởng ngôn-luận mà thôi, cho đến cách ăn-ở cũng phải cục-súc khốn-nạn là dường nào!

Gần đây, tôi có tiếp người bạn mới ở Bắc-kinh về, hỏi đến quang-cảnh ngày nay. Người ta nói từ 6, 7 năm nay, cửa nhà ở Bắc-kinh cất theo lối tây cả, so với những nhà thời cổ, khác nhau xa lắm. Tình-thế Trung-quốc ngày nay, việc gì cũng đổi cũ thay mới. Việc chính-trị nhà-nước không biết có tiến-bộ hay không, còn như xem xét về phương-diện xã-hội, thời việc buôn-bán chốn thành-thị, việc kiến-tạo của nhân-dân, thực đã mỗi ngày một khác. Xem như một thành Thượng-hải, từ khi tôi ở đấy mà về cách hai năm sau lại đến đấy, đã thấy quang-cảnh đổi thay ra một cái thế-giới mới, vậy biết các tỉnh khác cũng vậy.

Năm Dân-quốc thứ nhất, ở Bắc-kinh có một hạng người hăng-hái đắc-ý nhất là bọn nghị-viên ở hai viện cùng bọn chính-khách của các đảng. Mỗi ngày chừng 5, 6 giờ chiều, trong các hội-quán, các báo-quán, có những kẻ hùng-đàm cao-biện, ấy là lúc các nghị-viên các khách-đảng bầy-tỏ ý-kiến với nhau; đến 8, 9 giờ cái quang-cảnh ấy lại di sang các ca-lâu tửu-quán ở bát đại-hồ-đồng. Lúc trước có thế-lực nhất trong Chính-đảng là « Quốc-dân-đảng », thứ đến « Cộng-hòa-đảng », sau mới đến « Tiến-bộ-đảng ». Khi tôi còn ở Bắc-kinh thường tới lui với người trong Quốc-dân-đảng, xem trong đảng họ đều là những tay huyết-tính đương thịnh mà đoàn-thể cũng lớn. Chẳng bao lâu họ bị phải ác-cảm với Viên Thế-Khải mà phải giải-tán, không còn dấu tích gì ở Bắc-kinh. Đảng Cộng-hòa trước cũng tri-sinh với đảng Quốc-dân. Đến khi đảng Quốc-dân thất-bại thời đảng Cộng-hòa cũng hết thế-lực. Lúc tôi li Bắc-kinh, đang mở cờ khua trống bấy giờ là đảng Tiến-bộ.

Tại Bắc-kinh tỉnh nào cũng có lập một cái hội-quán để hội-tập các thân-trưởng tỉnh mình và chiêu-tiếp những người đồng-hương. Qui-mô nhà hội đều rộng-sáng đẹp-đẽ như một cái khách-sạn lớn.

Người mấy tỉnh về đàng Bắc bình-thể to lớn, thiên-tính trì-trọng. Đàn-bà con gái tập-tục khác hẳn những tỉnh đàng Nam: con nhà thượng-lưu ít khi ra đến cửa, không như đàn-bà ở Quảng-đông ở Thượng-hải mỗi chiều kéo lũ đi dong phố mà khoe-khoang. Con gái người Mãn-châu hay búi tóc nằm ngang trên đỉnh đầu như người đội mũ, cũng dễ coi. Có điều khác hẳn là ngày xưa con gái Trung-quốc đều bó chân, mà con gái Mãn-châu không có một người nào bắt-chước. Chắc là người Mãn biết tục bó chân là cái tục xấu của người Hán, tự nghiêm-cấm mà không theo vậy.

Khí-hậu Bắc-kinh cực rét, quá hơn là ở Thượng-hải và ở Đông-kinh (Nhật-bản). Lúc đông-mạt xuân-sơ, tuyết xuống sâu đến một thước. Mùa hè lại lắm gió cát nóng-nực cũng nhiều. Chỉ có mùa thu là dễ ở hơn cả. Người phương Nam lên ở Bắc, đồ ngự-hàn phải sắm cho nhiều, sợ hay sinh ra bệnh ho. Tôi đã ở đấy qua một mùa rét, da tay da mặt đều nứt nẻ đau đớn, cái hàn-độ như thế đã là khó chịu, không biết cái cảnh trời-băng đất-tuyết ở nơi Mạc-bắc khó chịu là dường nào.

Tóm lại Bắc-kinh là một chỗ thành-đô rất lớn ở trên đại-lục Á-đông, bốn mặt đều là bình-nguyên, giao-thông tiện-lợi, việc buôn-bán cũng thịnh. Khảo địa-chỉ điều-tra năm Quang-tự thứ 31, số người trong thành ấy đã được 160 vạn.

XIII

Từ Yên-kinh đi Tứ-xuyên

(Phủ Trùng-khánh)

Ngày tháng 4, tháng 5, năm 1913, chính là lúc tân-đảng và cựu-đảng tranh-cạnh kịch-liệt, ở Bắc-kinh về đường chính-trị lại càng bối-rối lắm. Một hôm, trước dinh Tổng-thống xảy ra có sự hư-kinh, đâu đó đều có cái cảnh-tượng tự nguy cả. Dù Viên Tổng-thống hết sức trấn-tĩnh, cứ ngày ngày giắt hai công-tử đi dạo chơi chung quanh mấy cái hồ trong Tam-hải, cha con xướng họa cùng nhau, cố-trí của Tào Thừa-tướng, song bên ngoài vẫn đêm ngày tuần-phòng nghiêm-nhặt, trinh-thám đi khắp mọi nơi. Những người ở Bắc-kinh bấy giờ đều có cái cảnh-tượng cá ao thành lửa.

Có người nghị-viên về đảng Nam-phương đồng-sự trong báo-quán, đưa thư bảo mật tôi : Dân-đảng đã xướng việc Cách-mệnh thứ nhì ở Nam-kinh, và cậy tôi trở về Nam. Tôi chịu lời và sắm đồ hành-lý đi ngay Thượng-hải. Từ Kinh ra đến Thiên-tân 5, 6 lần bị khám xét, may mà vô-sự, liền đáp tầu về Thượng-hải.

Ôi ! Người ta đã không có thể ở nhà để giữ đạo làm con, cũng không có thể ở nước cho trọn nghĩa làm dân, phải đi ra ngoài để nhờ chúng nhờ bạn, lại không biết cái nghĩa-vụ đối với chúng bạn, còn gọi là người thế nào được. Thân-thế tôi bấy giờ trong ngũ-luân đã xa mất bốn, không trách được cái cảm-tình tôi đối với người Hoa-hữu bấy giờ có mật-thiết hơn : bôn-đông tầu-tây, xuất-sinh nhập-tử, thực không vị đảng-phái nào, cũng không vị chính-kiến nào cả.

Tôi đến Thượng-hải, liền đi Nam-kinh, thời thấy dân-đảng đã bị thất-bại, Tôn-Văn, Hoàng-Hưng đã lánh đi nơi đất khác. Bắc-quân đã tiến đến Phố-khẩu, trong thành không có chủ-tướng, lòng người bàng-hoàng, dù chưa sinh ra sự đánh nhau, mà cái hiện-trạng nguy-nghi đã đến nơi vậy. Vừa gặp người đồng-học ở Hồ-bắc là Trương-quân hiện làm quan binh ở Nam-kinh, bảo tôi không nên ở đó. Tôi lưu lại mấy ngày rồi về Thượng-hải. Lúc đến Thượng-hải, nhân có người mời đi Tứ-xuyên, mới cùng 5, 6 người quen ở Thành-đô kết bạn mà đi Trùng-khánh (Tứ-xuyên). Vì khi bấy giờ Trùng-khánh muốn kế Nam-kinh mà khởi-sự, cũng là cái kế-hoạch của dân-đảng muốn làm cho phân-lực Chánh-phủ Bắc-kinh.

Từ Thượng-hải đi Tứ-xuyên, trước phải đáp tầu thủy đi Hán-khẩu, từ Hán-khẩu đến Nghi-xương. Từ Nghi-xương ngược qua con sông Tam-giáp mà lên phủ Qui-châu, lại từ Qui-châu lên phủ Trùng-khánh. Từ Trùng-khánh đi hơn 10 ngày nữa mới đến Thành-đô là tỉnh-lị Tứ-xuyên. Xem thế thời biết tỉnh Tứ-xuyên lớn mà đường vào Ba-thục khó là dường nào.

Thượng-tuần tháng 7, chúng tôi từ Thượng-hải đi thuyền đến Hán-khẩu ; đến nơi đã thấy Bắc-kinh Chánh-phủ có lệnh giới-nghiêm, tra xét bọn dân-đảng như phòng đại-địch ; mà bạn đi với tôi lại là những tay dân-đảng có tiếng. Chúng tôi vào trọ ngay hàng cơm Nhật-bản trong đất tô-giới, thời cảnh-binh Trung-quốc không được đến mà tra-xét. Chúng tôi cứ ở đấy trông sang bên Vũ-xương. Hoàng-hạc-lầu cao, một mầu mây nước ; nào chùa Đâu-đà, nào bãi Anh-vũ ; mặt trời sóng bạc, đầy rừng lá thu ; đã thành ra một cảnh chông-gai, khách-du ngại bước.

Hán-khẩu thuộc về tỉnh Hồ-bắc, huyện Hạ-khẩu, biệt-danh là Hán-cao. Năm Hàm-phong thứ 8 (1858), theo điều-ước Thiên-tân, mở làm phụ-đầu thông-thương, 10 năm sau, mới thực-

hành cho các nước buôn-bán. Có hai con sông : sông Giang và sông Hán giao-thông tiện-lợi. Có con đường Kinh-Hán thiết-lộ, khởi-điểm từ đó. Việc buôn-bán ở mấy tỉnh nội-bộ của Trung-quốc, cũng lấy Hán-khẩu làm chỗ trung-tâm.

Tô-giới các nước ở cả bên bắc bờ sông. Sự-nghiệp nước Pháp ở Hán-khẩu cũng không kém gì ở Thượng-hải. Tôi có gặp những người Annam làm cảnh-binh ở đó : Tiếc thay! tông-tích mình còn u-ám, cho nên trông thấy người đồng-hương mà không dám trò chuyện.

Mấy hôm sau, chúng tôi đáp tầu mà đi Nghi-xương. Từ Thượng-hải đến Hán-khẩu, từ Hán-khẩu đến Nghi-xương, không nhớ là đi mấy ngày, đại-ước thuyền đi thượng hạ một tuần-lễ. Phong-cảnh Tràng-giang trông như tranh vẽ: hai dẫy non xanh, một dòng nước phẳng ; qua Nam-xương tới Xích-bích, khói tàn Hoàng-hạc, nước liền Tiêu-tương ; đất Sở nghìn thu, tình dài muôn dặm, giang-sơn như cũ, nào người hoành-sáo phú-thi, chim việt cảnh nam, khiến kẻ khách-du sinh vô-cùng cảm-khái.

Nghi-xương ở về tây-bắc phủ Kinh-châu, Tây-Ngụy gọi là Lâm-giang, Hậu-Chu gọi là Giáp-châu, Tùy gọi là Di-lăng. Địa-thế tây giựa vào núi Ba-sơn, Tây-nam tiếp đất Võ-lăng. Sơn-mạch trùng-trùng điệp-điệp càng lên càng cao ; có dòng nước chảy xuyên qua sông Dương-tử. Sông Di cũng chảy vào đấy. Phủ-thành ở liền Đông-ngạn sông Tràng-giang, đường tầu hỏa chạy trong sông Tràng-giang đến đấy là hết. Còn từ đấy mà lên, đường sông cực-hiểm, gọi là « Tam-giáp » (1° Tây-lăng, 2° Vu-sơn, 3° Cù-đường).

Hiểm nhất là ghềnh Hoàng-ngưu, và ghềnh Tây than, ở vào khoảng Di-lăng và Vu-giáp. Đến Cù-đường lại là môn-hộ đường sông vào Ba-thục, xưa nay dụng-binh phải lấy đó làm nơi ách-yếu.

Khỏi Phủ-thành Nghi-xương 25 dặm về tây-bắc, có cái thác Tây-lăng, nước sông ra khỏi thác thời bớt chảy, người đi thuyền đến đấy đã có lòng mừng. Nhân gọi là « Di-lăng » hay là « Bình - hỉ » nghĩa là bình-an. Cũng như khúc sông Ly ở Quảng-tây, có chỗ gọi là « Bình-lạc huyện ». Tuy-nhiên, Tam-giáp là đường sông nguy-hiểm, còn đủ nước mà đi thuyền, không như sông Ly ở Quảng-tây, lòng sông lắm ghềnh đá và nhiều bãi cát vừa nông vừa hẹp, khó đi hơn nữa.

Gần đấy có công-ty kia mới chế ra được một thứ tầu đi lên thác ; đi từ Nghi-xương đến Trùng-khánh chừng trong 3 ngày. Song lúc tôi đi qua đó, là lúc Chính-phủ giới-nghiêm. Các tầu công-ty không được chạy. Chúng tôi phải thuê thuyền riêng mà lên thác.

Năm Quang-tự thứ nhất (1875) có người bác-sĩ đi họa địa-đồ, đi đường thủy từ Nghi-xương lên Trùng-khánh, có tự bài ký rằng : « Từ Nghi-xương « đến Qui-môn, người Trung-hoa gọi là « đường thiên-lý, mà thực chỉ có 98 « anh-lý, vừa 290 hoa-lý. Cao nhất là « cái eo Nghi-xương có từ 3 đến 5 trăm « anh-sích, vừa 27 đến 40 trượng Trung-« quốc. Còn nơi khác chỗ cao lắm, « ước chỉ có 72 đến 73 trượng. Tây-« lịch về khoảng tháng 3, chỗ nước « sông rộng nhất là 70 trượng. Còn « chỗ có ghềnh đá hẹp nhất cũng có « 40 trượng. Gặp kỳ nước lũ thời lại « còn rộng lắm. Trừ những ngày mùa « đông, từ Nghi-dương lên Trùng-« khánh nơi nào cũng đủ nước mà đi « thuyền. Mùa hè nước sông lớn. « Người Tầu gọi là « nước đi như « tên ». Thuyền xuôi nước xuôi, từ « Quỳ-châu đến Nghi-xương, trong « một giờ có thể đi 80 dặm; lúc thuyền

« ngược nước ngược, một giờ chỉ đi « được 30 dặm. »

Lại có người Tây đã đi con đường ấy, lúc về thuật lại rằng : « Dùng tầu «đi con sông ấy cũng có thể một giờ « đi được 36 dặm. Vì tầu đi bề là chỗ « nước đứng, trong một giờ đi được « 54 dặm. Nếu đi trong sông này trừ « sức nước cản mất 18 dặm, còn « được 36 dặm. Duy tầu đi lên « xuống thác phải có 2 chân-vịt, « một chân-vịt chạy thuận, một chân-« vịt chạy nghịch, cho thuyền dễ quay « dễ chuyển.

« Cứ vậy mà suy, từ Nghĩ-xương « đến Qui-châu thuyền buồm phải đi « trong 15 ngày. Tầu hỏa mỗi giờ đi « lên được 36 dặm, trong 8 giờ đi « đến nơi».

Tôi đi đường qua Vu-giáp, thấy những hơi núi lên nghi-ngút, chỗ nào cũng hang sâu rừng rậm, đường có dấu-tích u-linh. Chợt nhớ đến câu phú Cao-đường của Tống-Ngọc: «Mây mưa hôm sớm, thần-nữ Vu-sơn », chẳng qua là ngọn bút vẽ-vời, bầy ra sự lạ, thực có sự quái-đản gì đâu.

Vu-sơn có 12 ngọn, liên-lạc với nhau, có một lối đi dưới chân núi, mấp-mé ra bờ sông. Những chỗ sườn eo, đá dốc, phải cắm cột chằng dây sắt cho người ta vịn mà đi. Đường bộ gian-nan đến như thế.

Tôi đọc địa-dư Trung-quốc nhớ có câu : « Kiêm-các sát trời, Cù-đường rẽ đất. » Kiêm-các là đường đi từ Thiểm-tây vào Tứ-xuyên, tôi chưa được thân-lịch, không có thể mà tả cái qnang-cảnh hiểm-trở nó ra được. Còn Cù-đường ở về Tứ-xuyên cách huyện Phụng-tiết chừng 30 dặm. Có tên là núi Quảng-khê đứng đầu « Tam-giáp » giữa một dòng sông, hai bên núi đứng. Hòn núi Diễm-dự đứng ngay cửa sông, thuyền trước vào cửa đến vài dặm, thời thuyền sau mới dám vào. Vì nước chảy siết quá, sợ va phải nhau là sự nguy-hiểm.

Lần này tôi được nếm đủ cái gian-nan đường đi sông núi ở Trung-quốc. Nghĩ mình mấy năm chỉ những trèo non lặn suối, dầy-dạn phong-trần, nào có nên công-danh học-vấn gì, cũng nên cảm cảnh cho mình lắm!

Lá buồm nhuộm lả cây xanh,
Ầm-ầm tiếng suối vỗ quanh bên mình;
Khúc đường nghĩ đến mà kinh,
Khách qua đường luống dật mình đòi phen.

Mỗi đến chiều hôm, thuyền vào đậu bến, được nghe tin chinh-chiến ở Hợp-giang, thời lại náo-nức muốn bay cho mau đến thành Trùng-khánh mà xem quang-cảnh nơi chiến-địa ra làm sao. Bấy giờ lại quên hết cái khổ cái não. Lúc qua Cù-đường thấy những đống đá hai bên sông, tôi nhân có câu thơ đưa cho các bạn rằng :

見說河山多變轉
胡爲矗立獨年年
人間多有不平事
願借君來爲我塡

Non sông biến-chuyển tự nghìn xưa.
Mấy ngọn Cù-đường vẫn đứng trơ.
Nhân-thế bất-bình còn lắm chỗ,
Sao không san-sẻ lấp cho vừa?

Qua khỏi Cù-đường thời đến Vạn-huyện, chúng tôi đi bộ. Từ Nghĩ-xương đến Vạn-huyện đường thủy đi hơn 10 ngày, không nhớ cho rõ. Từ Vạn-huyện lên Trùng-khánh chúng tôi phải thuê kiệu mà đi, ước 10 hôm nữa; hết qua đèo, lại leo núi, mỗi lúc đứng mà trông, lố-nhố ngọn núi như mấy vạn lớp sóng cuồng trong đại-hải. Dù chưa đi cho khắp tỉnh cũng đã biết cái hình-thế Tứ-xuyên kỳ-hiểm là thế.

Khổ nhất là nỗi đi đường ngủ trọ : giữa nơi rừng núi không có hàng quán

sạch-sẽ. Chiều hôm phải vào sóm chợ mà nghỉ. Nhà ở ẩm-thấp, người nằm trên bệ đất, lẫn cả với gà với lợn. Đồ ăn uống lại càng kham-khổ, mỗi người vừa ăn vừa ngủ chỉ vài hào bạc, dù có nhiều tiền cũng không dùng chi được.

Chúng tôi đi bộ thiên-tân vạn-khổ, đến cuối tháng 7 mới đến Trùng-khánh. Vào thành, trọ trong khách-sạn Đại-giang-đông. Hỏi thăm người trong quán nói : « Quân Tứ-xuyên đang đánh nhau với quân Qui-châu ở Hợp-giang. Nghe quân Tứ-xuyên bất-lợi, chủ-tướng đã bỏ thành mà đi rồi. » *Tiếc công rừng núi xông pha, đến nay cuộc chiến đã ra cuộc tàn.* Bấy giờ cái lòng hăm-hở quan-chiến của tôi đã mười phần nhụt đi mất chín. Đến ngày tôi cùng mấy người bạn vào cung-chức trong bộ Tư-lệnh ở Trùng-khánh, chính là ngày bại-binh ở chỗ chiến-trận chạy về, và là ngày quân Qui-châu đem súng lớn vây thành mà đánh.

Hôm ấy trong thành hàng phố đóng cửa hết, súng nổ như tiếng pháo tối mùng một tết. Nhưng mà ngoài đường lác-đác có giọt máu đào thấm-vát, nào có phải là xác pháo của nhà người ta lễ nghênh-xuân đâu ! Tôi vừa ở dinh Tư-lệnh lui ra, đi được một quãng đến chỗ góc đường, gặp một bọn loạn-binh, lấy súng chĩa vào tôi mà bắn. Tôi cũng lấy súng tay ra đỡ; vừa bắn vừa chạy, thoát về đến nhà trọ. Xem lại khẩu súng tay có 10 phát đạn đã hết cả.

Đêm hôm ấy tôi đang nằm trong nhà Đại-giang-đông, chưa kịp ngủ. Nghe một tiếng «Suyt» viên đạn vút qua mặt tôi suốt vách mà đi, thủng lỗ ra hơn một tấc, mảnh cửa kính chung-quanh bị tan vỡ cả. Từ bấy giờ tôi khêu đèn mà ngồi suốt đêm không ngủ; nghĩ đến thân-thế nước nhà càng thêm cám-cảnh. Ôi! Mình đến đây mà làm gì? Nào ân ai? Nào oán ai? Chực đem thân này mà trả nợ cho ai? Giả-sử viên đạn ở trước dinh Tư-lệnh đã tìm mình mà đến, giả-sử cái tường đồ kia đã đè bẹp lấy mình, giả-sử mấy tên loạn-binh nơi góc đường kia đều châu lưỡi-lê vào bụng mình, thời mình đâu còn đến bây giờ. Không thế thời viên đạn vừa rồi phá tan cửa kính suốt vách mà đi vào ngay ngực mình, thời mình cũng đã xong rồi ! Huống chi đêm nay đã vậy lại còn ngày mai, ngày mai đã vậy, lại còn bao giờ thoát khỏi đất này mà đi? Đem thân bỏ chốn chiến-trường có giá-trị gì không ? Nghĩ đến đấy lại nhớ đến song-thân, hai hàng nước mắt tuôn ra lã-chã. Tôi ngửa mặt lên trời, chắp tay mà khấn hoàng-thiên hậu-thổ chứng trợ cho người lành, khiến tôi thoát khỏi đất nguy-hiểm này, quyết chí trở về, không còn làm người lưu-lạc từ đây nữa. Mà lòng về nước của tôi thực đã định từ đêm nguy-hiểm ấy.

Thành Trùng-khánh bị-hãm rồi, tôi và mấy người bạn còn ẩn-nấp ở trong thành. Nghe Lĩnh-sự các nước ở ngoài thành đã giảng-giải cho hai bên đình-chiến. Quân Qui-châu vào thành, ra bảng chiêu-an; chúng tôi cũng thừa-cơ ra thành, đáp tầu hỏa [1] mà về Hán-khẩu.

Tôi ở Trùng-khánh ước được 10 ngày còn đương lạ nước lạ non, lại gặp cơn binh-hỏa, không có thể nào mà đi lưu-lãm phong-cảnh. Nay chỉ đem lịch-sử địa-lý lược-thuật như sau này, để độc-giả tham-cứu.

Phủ Trùng-khánh ở Vũ-cống thuộc về châu Lương. Thời nhà Chu là Ba-tử-quốc, Tần-Hán là Ba-quận, Tùy gọi là Du-châu, Đường gọi là Nam-bình, đến Tống đặt làm Phủ, như tên ngày

(1) Khi ấy tầu công-ty mới được phép cho chạy đến Trùng-khánh.

nay. Nguyên, Minh, Thanh cũng theo tên ấy. Trùng-khánh ở về phía nam phủ Thuận-khánh, có lục-quân đóng đấy, là một chỗ trọng-trấn ở tỉnh Tứ-xuyên.

Nói về địa-thế, mạch núi Ba-sơn khởi-đỉnh từ núi Đồng-lương và núi Trùng-bích, phía nam đối với núi Cửu-bàn. Sông Dương-tử đi xế vào giữa, sông Gia-lăng hiệp với nước sông Ba-cử, sông Bồi-giang đều chảy vào đấy; nước toàn-tỉnh Ba-thục xô vào một chỗ, cho nên nước nhiều mà vận-tải cũng tiện.

Phủ-thành ở trên cửa sông Dương-tử và sông Gia-lăng. Phố-xá thịnh, dân-cư đông, có học-đường, có báo-quán, có sở thư-tín, có sở điện-báo, có xưởng nhà máy, có ngân-hàng. Quán-xá sạch-sẽ không khác gì Thượng-hải. Tiền trọ mỗi ngày 2 đồng đã là hạng nhất. Nhân-công cũng rẻ. Tôi nhớ thuê 2 tên khiêng kiệu một ngày phí có một đồng bạc.

Tại Trùng-khánh ít bạc đồng, mua bán dùng tiền đồng, và bạc khối. Khối bạc lớn nhỏ không nhất-định, phải lấy cân mà nhắc nặng nhẹ. Giấy bạc cũng tự chính-phủ Tứ-xuyên chế ra, chỉ dùng trong tỉnh, không thông ra ngoài được, cho nên người đi ra tỉnh khác phải đem bạc giấy đổi lấy bạc khối cũng là một đều bất-tiện.

Tôi nghe người bạn nói từ Trùng-khánh lên Thành-đô (tỉnh lị Tứ-xuyên) đi thủy phải 10 ngày. Tiếc tôi không được lên tỉnh-lị mà xem cái thắng-cảnh «long-trì phượng-các» ra thế nào.

Trong 3, 4 tháng ấy, tôi từ Bắc-kinh về Thượng-hải, lại từ Thượng-hải đi Nghi-xương, từ Nghi-xương đi Trùng-khánh, lại từ Trùng-khánh đi Thượng-hải, đều đi mất công không. Lúc thời Nam-phương đang chực đánh, lúc thời Bắc-phương đang trú-phòng, mà mình cứ lận-lội ra vào những nơi phòng-thủ chiến-đấu, nguy-hiểm không biết thế nào mà kể.

Sơ-tuần tháng 9, mới đến Thượng-hải. Tôi ở đấy vài tháng đến ngày tháng giêng năm 1914, mới từ Thượng-hải mà về Quảng-đông, để dự-bị về nước. Sơ-tuần tháng 7, tôi đi Hương-cảng, tìm thuyền mà đáp về Saigon. Vừa về nước nhà được mấy ngày, liền nghe Âu-châu sinh ra việc chinh-chiến, cái cuộc phiêm-du của tôi cũng đến đấy là kết-cục. Nay đem phong-cảnh tỉnh Quảng-đông phụ chép một chương như sau này.

XIV

Tỉnh-thành Quảng-đông

Tôi đã quyết lòng về nước cho nên 5, 6 tháng ở tỉnh-thành chỉ là một người nhân-tản vô-sự. Sớm chơi hoa-tỷ, tối dạo trăng-dê cho thỏa tình lưu-lãm, vì chẳng bao-lâu sẽ cùng nước non này cáo-biệt.

Quảng-đông thuộc về phủ Quảng-châu, Tần là quận Nam-hải, đến Hán về Triệu Úy-Đà chiếm-cứ. Năm Nguyên-đỉnh thứ 6, Hán lại đặt làm quận, đến Ngô (Tam-quốc) mới đặt làm Quảng-châu; Nam-Hán (Ngũ-đại) Lưu-Ẩn đóng đô ở đó, gọi là Hưng-vương phủ. Tống lại đặt là Quảng-châu, Nguyên làm lộ, Minh làm phủ, Thanh cũng nhân đấy làm tỉnh-lỵ. Đến Dân-quốc bỏ phủ, nay là huyện Phiên-ngung là nơi phủ-trị cũ.

Xét tỉnh-thành đắp tự tay người Việt tên là Công Tôn-Ngung hiệu là Nam-vũ. Đến thời Uy-vương mới đắp lại, nhân có cái điềm 5 con dê ăn lúa, mới gọi là Ngũ-dương-thành, cũng danh là Tuệ-viên. Đến đời Nhâm-hiêu, Triệu Đà định đô ở đó, mới thành đô-hội. Ngô Bộ-Chát đắp thêm ra phía bắc; đến Tống đắp thành nhỏ lên trên và mở rộng ra hai cánh để bảo-hộ cư-dân. Vĩnh-gia-hầu triều Minh là Chu Lương-

Tổ tháo luôn 3 thành làm một. Nhà Mãn-Thanh chia ra thành cũ thành mới, và thành ngoại. Thành cũ là nơi cho Kỳ-quân đóng; thành mới là nơi dinh-thự các quan ; thành ngoại là từ năm Hàm-phong có giặc Quảng-đông tên là Tiêu Triều-Quí mới đắp thêm, đến nay hãy còn cố-chỉ. Lúc giặc đã bình, dinh các quan thiên về cả thành cũ. Người Hán ở phía đông, người Kỳ ở phía tây, lấy vương-phủ của Thượng-Khả-Hỉ làm dinh quan tướng. Từ khi dân-quốc thành-lập, người Kỳ đi mất tích, mới đặt phủ Đô-đốc và sảnh dân-chính ở trong thành.

Gần đây nghe nói Chính-phủ Quảng-đông đã phá thành để đắp đường giao-thông cho tiện.

Tỉnh-thành ở về phía bắc sông Châu-giang. Châu-giang trước gọi là Việt-giang, bao nhiêu nước sông về Nam-lĩnh đều chảy vào đó. Giữa sông có nổi lên cái gò tròn, nhân gọi là « Hải-châu », mà Châu-giang cũng lấy nghĩa thế. Tục truyền rằng xưa có người lái-buôn rợ Hồ đi đến đó đánh chìm hai hòn châu lớn liền biến thành cái gò ấy. Lại có kẻ nói Hải-châu nguyên là một chất nổi, quanh năm nước cách mặt bờ chỉ vài thước tây ; nhưng đến kỳ nước lớn, cũng không thấy ngập. Ấy là những lời hoang-đàng không tin được. Trên bãi có cất nhà ; chung-quanh xây đá, phong-cảnh thanh-u, mây quang gió tĩnh ; mỗi khi bóng trăng in nước, mấy chiếc thuyền câu theo ngọn trào lên xuống, thực là một cảnh Bồng-lai. Xưa có người đề vào một cái bia ở đó hai chữ « 虫二 », ngụ-ý là « phong nguyệt vô-biên » (風月無邊).

Đến bây giờ ngày càng phồn-hoa, một giẻo Tràng-đê, đã thành ra cái trường náo-nhiệt. Đêm đến đèn điện như đuốc, bóng trăng không còn có nhan-sắc gì nữa. Giữa sông có đội thủy-cảnh đóng, trừ tiếng còi tầu đi lại, không còn có thú-vị thanh-phong minh-nguyệt như là ngày xưa.

Bờ bắc sông Châu-giang gọi là Tràng-đê, bờ nam gọi là phố Hà-nam, và các đất Hòa-lệ, Phương-thôn. Bên Tràng-đê có những tửu-lâu khách-sạn rất là đẹp-đẽ, là nơi ăn chơi của bọn vương-tôn qui-khách. Bên phố Hà-nam đầy những cửa hàng lớn, nhà chứa hàng. Phương-thôn là nơi có những Giáo đường của các nước ; Hoa-lệ là nơi thi hoa cho người ta du-thưởng. Quãng giữa Tràng-đê là những bến đỗ tầu lớn. Đầu đàng đông giáp đến ngoài cửa đông ; đầu đàng tây giáp đến Sa-diện là đất tô-giới của các nước.

Lối giao-thông trên bộ thời có các đường xe hỏa : 1° con đường Quảng-cửu (Quảng-đông, Cửu-long), bến xe ở ngoài cửa đông, đi đến Cửu-long, Hương-cảng; 2° là con đường Việt-hán (Việt-đông, Hán-khẩu), bến xe ở Hoàng-sa về Tây-quan, đi từ Tỉnh-thành đến Phật-sơn, cứ bờ bắc sông Châu-giang mà đi cho đến Tam-thủy. 3° lại còn một con đường đi từ tỉnh-thành lên Thiều-châu, cho đến đất Hồ-nam.

Đường thủy có tầu hỏa chạy sông chạy bể. Chạy bể có tầu đi Thượng-hải, đến đấy thời giữ hàng. Còn các tầu nhỏ đi lại các phụ như : Hương-cảng, Áo-môn, Huệ-châu, Thuận-đức, Phật-sơn, Hương-sơn, Triệu-khánh, Tam-thủy, Quỳnh-lôi. Tầu đi như mắc cửi, không ngày nào không. Tầu binh các nước cũng có đậu ở đó. Còn thuyền vận của dân ở trong sông thời đông như kiến : có thuyền chở hàng, có thuyền chở khách, và thuyền nhỏ cho người ta đi thưởng hoa uống rượu cũng nhiều.

Dân ở trên sông, có một giống người gọi là « Tạn-hộ », sinh-tụ ở mặt nước,

cũng có phân ra từng hộ, có hộ-trưởng cung sưu-thuế, theo pháp-luật như dân trên đất.

Chung-quanh Hoàng - sa, có thứ thuyền hoa, chở đi chơi đêm có làm rượu, có con hát, như một phố ả-đầu vậy. Người chơi phải có ý, vì ở đó có lắm đĩ mắc bệnh-phong là một sự rất nguy-hiểm cho du-khách.

Trong thành ngoài thành nhân-số có đến hơn 200 vạn thực là một nơi đông-đúc quá ; phố-xá lịch-sự, buôn bán thịnh-vượng ; hàng bầy liền mái, người đi chen vai.

Ngoài Tây-quan có lắm nhà giầu; đường phố ngang giọc hơn 900 lối. (Thành Quảng-đông có 72 phố, mà phố thứ 18 十八 thời thịnh hơn cả.) Chính người sinh-trưởng ở tỉnh-thành cũng không thuộc tên cho hết, hay là đi cho khắp.

Các phố ở Tây-quan còn đông gấp mười ở trong thành, có lắm hàng buôn lớn, hàng hóa xếp như núi. Học-đường, báo-quán phần nhiều ở đấy. Duy mặt phố hẹp lắm, đường đi lát đá, trên lợp vỏ chai, không-khí không được sạch-sẽ ; người đi lại dã chen vào giữa đám đông người, mình như chiếc lá, chỉ phải theo nước triều mà trôi, mờ-mịt đông tây, không còn biết phương-hướng nào nữa.

Phụ-cận Hoàng-sa là đất Sa-diện, là nơi Lĩnh-sự các nước ở, người Hoa không được đi lại. Bên trong đường-xá rộng-rãi, không-khí mát-mẻ. Lĩnh-sự nước Pháp cũng ở đó. Công-nghiệp của nước Pháp gây-dựng ở tỉnh-thành Quảng-đông, thời có một cái Y-viện rất lớn, người Trung-quốc ca-tụng công-đức vô-cùng. Nhà Y-viện ấy ở quãng giữa Tràng-đê. Nghề thuốc đã tinh, đồ dùng cũng tốt, làm phúc cho người Quảng-đông nhiều lắm.

Tính-chất và phong-tục người Quảng-đông.

Quảng-đông ở về phía bắc giáp với xứ ta, người Hoa-kiều ở trong nước ta cũng người Quảng-đông nhiều hơn. Đây tôi lược kể tính-tình lề thói của dân Quảng-đông trong nội-địa, thiết-tưởng cũng là sự có ích cho người mình biết tính-tình của một dân-tộc lân-bạn vậy.

Người Quảng-đông tri-thức khai-thông, tính-chất chịu khó, vì đông người quá phải tản ra ngoài mà kiếm ăn. Trên thế-giới này, phàm chỗ nào đã có giống người, là cũng có người Quảng-đông đi đến. Nhất là ở mấy cái cù-lao Nam-dương và trong nước ta thời càng đông hơn. Những kẻ cùng-đinh chịu ra ngoài làm ăn khó nhọc chừng 20 năm thời giầu, khi về náo-động làng sóm, ai nấy nở-nức bắt chước, giủ nhau mà đi.

Người hương-thôn ít có tính nhớ nhà, có người bỏ cha mẹ vợ con, một thân ra ngoài 5, 6 năm, 9, 10 năm chưa về, mà người vợ ở nhà cũng lấy việc nuôi công-cô giữ dỗ-tết là phận-sự đàn-bà, không hề có oán-hận người chồng khinh-li trọng-lợi. Cũng nhờ người dân có tính-chất ấy, mới mở - mang được những sự-nghiệp kinh-tế ở bên ngoài ; thu được lợi lớn đem về làm giầu cho xứ-sở. Hồi-tưởng như người mình chỉ luẩn-quẩn trong nhà không dám đi ra khỏi cửa, để tìm lối sinh-nhai. Biết bao nhiêu tiền rừng bạc bể mà để cho người phải đói nước phải cùng, thực chịu hổ thẹn với người ta nhiều quá.

Trong tỉnh Quảng-đông, giầu-có nhất là đất Trào-châu, Cung-châu, rồi đến Quảng-châu, Huệ-châu, mà căn-nguyên làm giầu là do những của ngoại-dương đem về cả.

Một người mà làm giầu đến nghìn vạn cũng nhiều.

Nhất là những người đi Mĩ-châu ở Tân-kim-sơn về, thời lại giầu-có lắm. Những nhân-vật ấy, người ta gọi là « Kim-sơn-đinh ». Những người hào-phú ở hải-ngoại về trong nước, hoặc đặt ra các xưởng máy, hoặc lập ra các hội thương, để mở-mang cho người trong nước được tiến-hóa. Không như thế nữa cũng bỏ của ra mà ăn chơi, để cho những người trong nước nơi mở khách-sạn, nơi mở trà-lâu, cho đến nghề này nghiệp khác, kẻ nghèo người hèn đều được nhờ một phần huệ-trạch. Ấy kẻ Hoa-kiều làm lợi cho nước là thế.

Người Quảng-đông hay phụ-khí, cho nên ở trong làng hay sinh ra sự giới-đấu. Tục giới-đấu ở trong làng cũng là bởi bản-tính người Trung-quốc. Xem gần đây trong nước năm nào là không có việc chiến-tranh, thời trong làng ngày nào cũng có việc đánh nhau là phải.

Bình-nhật hay tập quyền tập gậy, hễ khích-bác với ai thời sinh ra vũ-đoán, gọi là « đả-oán-gia » ; có khi tụ-đảng đến trăm người nghìn người, phạm đến năm mạng bảy mạng. Trong làng những họ lớn ở quần với nhau vào một khu, ngoài có xây tường đắp lũy, nhà nào cũng sắm khí-giới ; giả-danh là phòng-bị trộm cướp, kỳ-thực khi có bất-bình với họ nào, thành ngay ra một địch-quốc. Họ ít người phải thuê người ngoài đánh giúp. Kẻ đi đánh giúp, bị chết thời họ phải đền mạng, bị thương thời họ phải nuôi báo-cô. Lúc đánh nhau có kéo cờ nổi trống, súng nổ người reo, như là trận giặc, hết ngày ấy sang ngày khác, chiến-họa càng ngày càng lớn.

Bấy giờ hoặc hai bên tự mời các thân-hào trong làng ra mà phân-xử, hoặc quan sở-tại sức cho kỳ-dịch phải thiết-pháp mà khuyên-giải. Nếu đôi bên còn không nghe, phải đem quân-đội đến mà đàn-áp : trước bắt hai bên phải đình-chiến, rồi sau mới tra hỏi nguyên-ủy. Tuy-nhiên, vẫn thấy có đám đánh nhau đã chết nhiều người mà quan vẫn chưa biết.

Việc chế đồ ăn, người Quảng-đông khéo hơn các tỉnh. Xem đơn liệt đồ ăn trong các hàng cơm, thực thiên-hình vạn-trạng. Có phân ra tiệc Mãn, tiệc Hán, toàn-quốc chỗ nào cũng vậy, mà ở Quảng-đông thời có điều đặc-sắc hơn. Quảng-đông, đồ sào hay ăn cay, đồ nước hay ăn ngọt ; còn mấy tỉnh đàng Bắc, đồ ăn hay dùng nhiều mỡ và thịt. Người Quảng-đông hay ăn thịt « rắn », cho rắn là thứ quí nhất trong đồ ăn : thịt rắn nấu với gà gọi là « Long-phượng-hội » ; thịt rắn nấu với thịt mèo gọi là « Long-hổ-hội ». Rắn mua đắt tiền, cũng ít khi có. Canh rắn, rượu rắn, không phải là vật thường dùng. Có người nói thịt rắn có hàm chất sắt hay bổ sức, không biết có phải chăng. Điều ấy chúng ta xin thụ-chánh ở các ngài y-học chuyên-khoa vậy.

Kiểu áo-mặc, đàn ông hay mặc ngắn, chỉ người thân-sĩ mới mặc áo dài. Học-sinh hồ hết mặc đồ tây. Áo đàn bà ngắn hơn áo dài đàn ông, ống quần và tay áo cũng rộng. Gần đây, nhiễm theo lối mới : nữ-học-sinh hay mặc lối Thượng-hải, búi tóc lên đỉnh đầu, tay cầm cái túi da ; trên mặc áo vắn, dưới mặc quần dài, chân đi giầy tây, như thế mới là « tân-nhân-vật ».

Người Quảng-đông chẳng những đàn ông khéo buôn bán, đàn bà con gái bây giờ cũng theo đòi thực-nghiệp trên xã-hội như : sở « Tập-nghệ », sở « Chức-tạo », đều là chỗ đàn bà con gái, còn ít tuổi tập-tành. Như nghề đan bít-tất, thêu khăn tay, chế thuốc đánh răng vân vân, đều là nghề của đàn bà Quảng-đông cả.

Quảng-đông có nhiều công-xưởng, cho nên người nghèo dễ kiếm chỗ làm công. Những người thiếu-niên vô-nghiệp vào các xưởng mà học nghề, hoặc vào các cửa hàng mà học buôn bán, gọi là « học-công ». Khi mới vào, trong xưởng cấp cho đồ ăn đồ mặc. Chờ 5, 6 tháng hoặc một năm đã thành nghề, mới có tiền công, từ ấy tuần - tự gia - công như mọi người. Chỉ một điều là phải ở làm công cho trong xưởng hạn là mấy năm, hết hạn mới được ra làm công nơi khác. Ôi! Trong nước người ta những nhà tư-bản biết hợp sức mở ra công-xưởng để tiện-lợi cho dân nghèo là thế.

Lễ hôn. — Lễ hôn-thú của người Quảng-đông cũng lấy làm phiền lắm. Chẳng những người ngoài coi làm bất-tiện, mà chính những kẻ chí-sĩ trong nước cũng đương hết sức sửa đổi những tục-lệ vô-vị ngày xưa. Thế mà thành-phố Hanoi ta ngày nay lại lắm kẻ đua nhau bắt-chước những cách kỳ-khôi ấy, coi mà chán thay!

Tục Quảng-đông, lúc làm lễ nghênh-hôn, nhà trai dẫn đồ cưới cho nhà gái : nào chăn màn, quần áo, đồ trang của cô dâu, cho đến cái bàn, cái ghế, thùng rửa, thùng tắm, nhà trai phải sắm cho đủ.

Hôm dẫn lễ, phải có một đội dân phu kéo đi một thôi dài ở trên phố. Đến ngày nghênh-hôn, nhà trai thuê kiệu đến đón cô dâu. Kiệu làm bằng ván gỗ, sơn thiếp thật đẹp, chung-quanh không hở một khe thủng, dùng 8 người khiêng kiệu. Vì tục không để người ngoài biết mặt nàng dâu. (Tục Bắc-kỳ nước ta, nàng dâu lấy nón che mặt cũng là nghĩa thế).

Lúc đến nhà trai, chú rể ra mở kiệu đón cô dâu vào ; lễ nhà thờ rồi mới ra tiếp khách. Hôm nàng dâu mới về nhà chồng tối thứ nhất, có tục « náo-động-phòng » : 5, 6 người thân-hữu vào trong phòng hai vợ chồng mới, làm các cách diễu-cợt, gọi là « náo phòng » cho đến nửa đêm mới ra.

Sau hôm hoa-chúc, không cứ nhà giầu hay nhà nghèo, phải có mươi con heo quay. Cô dâu còn trinh-tiết, thời đem heo quay về lại mặt để tặng nhà gái mà khoe với họ-hàng. Nếu nàng dâu đã mất con gái, nhà gái phải bồi tiền sính-lễ; không thời có sự kiện ngay. Cũng nhân có cái tục ấy, mà con gái biết giữ mình, không giám trăng hoa suồng-sã. Gần đây cái, phong-hóa tự - do đã tiệm-tiệm mở rộng, cô dâu có khuyết-điểm thế nào, nhà chồng cũng ẩn-nhẫn mà chịu vậy, chỉ lúc đưa heo quay lại-mặt, cắt cụt cái đuôi heo cho nhà gái biết ý.

Lúc con gái về nhà chồng, còn có cái tục «canh nhân thôi trang»: Rể đến đón dâu phải chọn mấy người bằng trạc người rể, và có tài ứng-biến để khi cô-dâu có thách làm thơ, thời tá-tài cho rể. Thơ ca phải xuất-khẩu thành-chương, có tình-tứ thanh-nhã, áp-đảo được nhà gái mới là giỏi.

Ngày đón dâu về, tối thứ nhất, hai họ có làm tiệc. Các thân-hữu đến dự tiệc đều hát xướng làm vui, gọi là « tọa-ca-đường». Tiệc rồi, cắt người tôn-quí đưa rể vào phòng, gọi là « tống-hoa», bấy giờ cũng hát; rồi lại đòi lấy đồ đường mứt mà ăn, gọi là «đả-đường-mai», ăn rồi lại hát. Tục ấy tưởng còn văn-nhã hơn là tục « náo-phòng».

Khả-quái là cái tục «khóc chiếu lệ»: con gái về nhà chồng phải khóc ít lâu để tỏ ý thương cha nhớ mẹ. Có người khi sắp về nhà chồng phải học khóc trước. Khi tôi ở Quảng-đông, nghe nhà một bên cạnh ngày nào cũng có tiếng khóc. Hỏi ra mới biết là nhà có con gái sắp đi lấy chồng, tiên-kỳ phải tập khóc chiếu-lệ.

Còn cái tục lấy vợ sớm và cưới «đồng-dưỡng-tức» (là nuôi đứa bé con để làm dâu) thời ở đâu cũng có. Gần đây, học-giới mở-mang, tân-trào kích-thích, những kẻ thiếu-niên, đang cổ-vũ cái nghĩa «văn-minh kết-hôn» bỏ hết lễ thói cũ, theo thời Âu-hóa. Song chỉ ở trong gia-đường phải mời thân-hữu đến làm lễ, và ký tờ hôn. Còn cái thói « tự-do kết-hôn », chẳng qua là những bọn phóng-đãng, giả-danh văn-minh làm cho bại-hoại phong-tục. Những người có kiến-thức đang lấy làm lo.

Lễ tế. — Người Quảng-đông hay lễ-bái. Mỗi ngày, sớm tối thắp đèn đốt hương, lễ các bàn thờ. Bàn thờ thần cũng không được biệt-tịch, hoặc để góc tường, hoặc để bên phố, hay thờ thần Thổ-địa và thần Quan-công, tưởng bao nhiêu sự giàu sang mạnh khỏe là nhờ thần phù-hộ cho cả. Cho nên đàn bà con gái lại càng mê-tín.

Cái tục « đả thành-hoàng miếu» cũng lạ: mỗi năm có một ngày tiết, đàn bà con gái đều đến miếu Thành-hoàng ở trong thành mà lễ; có người nằm đêm giữa sân trước miếu để cầu-tự. Nghe từ ngày Dân-quốc đã thành-lập, có các quan đương-đạo cho cảnh-binh khua đuổi, vì tục ấy có hại đến phong-hóa và việc vệ-sinh.

Các chùa thờ phật trong tỉnh-thành, có lắm sư nữ, nhân thế mà sinh ra nhiều việc dâm-loạn. Nay Dân-quốc đã lấy đình chùa để mở nhà học và đuổi sư nữ về hoàn-tục. Còn tục cúng tế tổ tiên cũng sùng-thịnh như nước ta vậy.

Lễ táng. — Lễ táng của người Quảng-đông cũng như các tỉnh, áo mới may để liệm cho người chết, phải đem ra cái đàn thờ Hậu-thổ ở ngoài đồng lấy hương lửa mà châm, gọi là « quá-xã». Vì để cho công-chúng biết rằng áo đã châm thủng không dùng được nữa, để khỏi sinh ra sự đào mả lấy của.

Lại có tục tin về phong-thủy. Tiên-nhân đã chôn rồi, sau lại đào lên, lấy xương xếp vào cái cóng, gọi là «cóng vàng» để vào khe núi hay bờ ruộng, đợi tìm nơi đất tốt mới chọn ngày cát-táng. Ay thực là cái ác-tục mê-tín về phong-thủy.

Hết

NGUYỄN BÁ-TRÁC

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

VII

Vương Sung 王充

Đời nhà Hán, ngoài họ Đồng họ Dương ra, lại còn người trứ-thư lập-ngôn như là Lưu Hướng 劉向 làm ra sách *Thuyết-uyển* 說苑; Hoàn Đàm 桓譚 làm ra bài *Tân-luận* 新論; Tuân Duyệt 荀悅 làm ra sách *Trung giám* 中鑑; Từ Cán 徐幹 làm ra bài *Trung-luận* 中論; đều không thẹn là một nhà nho-gia; song những lời bàn cũng không có sáng-kiến gì mấy. Lúc bấy giờ có người hoài-bão cái tư-tưởng cách-tân mà dám bài-bác đối-địch với

(1) Dịch sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông SÁI-CHẤN 蔡振. tiếp theo kỳ 42, trang 472-482.

cả phổ-thông xã-hội, là ông Vương Sung.

Tiểu-truyện. — Vương Sung tên tự là Trọng-Nhâm 仲任, người đất Thượng-ngu, theo học ông Ban Bưu 班彪, nhà nghèo không có sách, thường phải đến chơi các hàng sách ở chợ Lạc-dương để xem nhờ, bèn thông suốt cả sách các lưu-phái trăm nhà, làm ra bài *Luận-hành* 85 thiên, sách *Dưỡng-tính* 16 thiên, nay truyền lại còn có sách *Luận-hành* mà thôi.

Tư-tưởng cách-tân. — Tư-tưởng phổ-thông của học-trò nhà Hán, có hai điều làm ngăn-trở cho đường học-lý tiến-bộ : một là mê-tín, hai là tôn-cổ. Vương Sung đối về điều mê-tín thời làm ra những thiên : Biến-hư 變虛, Dị-hư 異虛, Cảm-hư 感虛, Phúc-hư 福虛, Họa-hư 禍虛, Long-hư 龍虛, Vũ-hư 雨虛, Đạo-hư 道虛, phàm nhất-thiết những thuyết âm-dương, tai-dị, thần-tiên, đều hết sức bài-bác đi, lại lấy điều kinh-nghiệm mà phán-đoán, thuần-túy là phái triết-học kinh-nghiệm vậy. Đối về điều tôn-cổ thời có thiên : Thích-Mạnh 刺孟, Phi-Hàn 非韓, Vấn-Khổng 問孔, dẫu bàn ra cũng không có ý gì rộng xa quan-hệ, song cái tinh-thần không dua-nịnh, cũng nên khen vậy.

Bàn về vũ-trụ vốn không có ý-chí gì. — Vương Sung cứ lấy loài người làm tỉ-lệ, bảo rằng phàm có ý-chí thời tất phải có cái cơ-quan gì để biểu-hiện cái ý-chí ra, vũ-trụ thời không có cái cơ-quan ấy, hẳn là không có ý-chí gì, cho nên nói rằng : « Trời đất không phải có làm gì, hễ có làm thời phải có bụng dục, mà biểu-hiện ra mồm mắt, nay trời thời như mây mù, đất thời là cái thổ-chất, trời đất không có mồm mắt thời là không có làm gì vậy. »

Muôn vật sinh ra đều bởi tự-nhiên cả. — Vũ-trụ vốn không có ý-chí gì, chỉ là cái nguyên-khí hồn-nhiên, khi vận-động cũng là vô-ý-thức, mà trời đất, muôn vật bởi đó tự-nhiên sinh ra, Vương Sung lấy cái ý ấy bác cái thuyết cũ bảo là trời đất sinh ra muôn vật, nói rằng : «Phàm gọi là sinh ra, tất phải có chân tay, nay bảo trời đất sinh ra cái nọ cái kia, song trời đất không lẽ nào có chân tay, cho nên trời đất với muôn vật sinh ra là tự-nhiên cả. »

Bàn về khí với hình với mệnh. — Trời đất, muôn vật đều tự-nhiên sinh ra, vật nào sinh ra đều bẩm-thụ cái khí nhất-định, mà sở-dĩ duy-trì được cái khí ấy, thời phải có cái hình tương-đương, cái hình đã thành ra từ lúc sơ-sinh, thời cái vận-mệnh và tính-chất đều định sẵn ra từ đó, cho nên nói rằng : « Cái gì cũng đều bẩm-thụ tự nguyên-khí, hoặc sinh ra là cầm-thú, hoặc sinh ra độc là người, hoặc sang hoặc hèn, hoặc nghèo hoặc giầu, không phải là bẩm-thụ tự trời có hơn kém, là tự cái tính nhân-vật bẩm-thụ có hậu bạc khác nhau vậy ; » nên lại nói rằng : « Hình cái đã thành rồi, không thể làm nhỏ đi hay lớn ra được nữa ; thể người đã định rồi, không thể giảm đi hay tăng lên được nữa; người ta thụ-dụng nguyên-khí thành ra tính, tính đã thành rồi thời mệnh cũng định, thể-khí cùng nương dựa với hình-hài, sống chết cùng chờ đợi kỳ-tiết.» Lại nói rằng : «Người nào mệnh giầu ấy, gân sức tự mạnh, người nào mệnh qui ấy, tài trí tự cao». (Ban Bưu thường làm bài « Vương-mệnh luận», Sung học Ban Bưu cho nên cũng nói mệnh).

Cốt-tướng. — Cái vận-mệnh và tính-chất nhân-vật, đều định từ lúc hình sơ-sinh, cho nên biết cốt-tướng thời vận-mệnh cát hay hung, tính-chất tốt hay xấu có thể biết được, bèn nói rõ chứng-cớ vì cốt-tướng mà biết được tính-chất rằng : « Tướng vua Câu-Tiễn nước Việt cổ dài mồm nhọn như quạ,

ông Phạm Lãi biết rằng khá cùng lo-lắng lúc hoạn-nạn thời được, chớ không cùng hưởng lúc yên-vui được. Tướng vua Thủy-hoàng nhà Tần trán cao tai dài, ngực như ngực chim cắt, tiếng như tiếng con tê, thời biết là tính tàn-nhẫn mà thiếu nhân-ân. »

Tính. — Vương Sung bàn tính là tổng-hợp cả các thuyết của người trước, bảo rằng ông Mạnh-tử bảo là tính thiện là tính tự bậc người trung-nhân trở lên, như là đức Khổng phu-tử sinh ra là yêu muốn lễ nghĩa. Tuân-tử bảo là tính ác là tính tự bậc người trung-nhân trở xuống, như lúc còn bé mà đã không có cái tính suy-nhường. Đến như Dương Hùng bảo tính người lẫn cả thiện với ác, là tính bậc người trung-nhân vậy. Tính làm sao lại có thiện ác, là vì bẩm-thụ nguyên-khí có hậu bạc nhiều ít khác nhau, người nào bẩm-thụ càng hậu càng nhiều thời điềm-đạm vô-vi giống như nguyên-khí, ấy là người chí-đức như ông Lão-tử vậy. Rồi càng bạc càng ít mãi đi, dần-dần không giống như nguyên-khí nữa. Đó là Vương Sung theo cái nghĩa họ Lão họ Trang mà lấy vô-vi làm bậc thượng-đức vậy.

Ác. — Vương Sung bảo tính người có thiện ác là bởi tại bẩm-thụ nguyên-khí có hậu bạc nhiều ít khác nhau ; gọi là ác là trỏ về một phương-diện tiêu-cực không hay làm thiện mà nói, cho nên bảo là tại bẩm-thụ nguyên-khí bạc mà ít. Còn như cái nguyên-nhân tính ác thuộc về tích-cực thời lại nói rằng: « Muôn vật có cái tính-chất độc là bởi thụ cái nhiệt-khí mặt trời, như là khói lửa vào trong mắt, thời mắt sinh ra đau, vì lửa là nhiệt-khí của mặt trời biến ra, chịu cái nhiệt-khí ấy lắm thời có nọc độc, như là loài trùng có con ong, loài cỏ có hột ba-đậu, loài người có kẻ tiểu-nhân.» Xem thế thời ý Vương Sung cho trong nguyên-khí cũng hàm có phần chất độc, mà lấy cái nhiệt-khí của mặt trời để nói tỏ ra vậy.

Kết-luận. — Cái đặc-kiến của Vương Sung là không tin cái thuyết trời người cảm-ứng của học-trò nhà Hán, mà bàn đến vận-mệnh và tính-chất người ta thời cho là quan-hệ với cốt-tướng, cũng giống như lẽ «duy-vật luận» đời nay cho các hiện-tượng ở tinh-thần-giới đều bản ở sinh-lý, bàn như thế cũng là trác-thức vậy. Song ông ấy muốn lấy cái hình lúc sơ-sinh, đoán-định cả vận-mệnh và tính-chất một đời người, mà không biết cái giáo-dục và thể-dục và trí-đức-dục, đều có thế-lực rất lớn, biến-hóa được cả thể-chất và tinh-thần, ấy là điều sở-đoản của ông ấy vậy. Nói tóm lại, Vương Sung thực là một người đại-biểu tư-tưởng lúc bấy giờ, nhân-tâm lúc ấy đã chán nản về đạng kinh-học, và không tin cái thuyết trời người cảm-ứng, ngũ-hành tai-dị; lại đem cái tư-trào phương Bắc nhập vào với tư-trào phương Nam, cho nên thời ấy như người Hoàn Đàm 桓譚, Phùng Diễn 馮衍 đều không nói đến những lời sấm, mà Vương Sung thời có thiên Biến-hư, Dị-hư, khen ông Lão-tử là bậc thượng-đức, bởi thế tư-tưởng phương Nam mới càng ngày càng tiến mãi lên, các nhà thanh-đàm ở đời Tấn Ngụy mới nổi lên vậy.

Các nhà thanh-đàm

Từ đời Hán trở về sau, học-thuyết nhà nho vẫn là cái luật dùng quen ở trong luân-lý học-giới, dẫu không phải tất cả mọi người ai cũng thực-hành được cả, song không ai dám xướng lên phản-đối, không những là vì sức chính-phủ bảo-trì cho, cũng là vì dân-tộc ta tập-quán mãi rồi thành tính di-truyền, lại bởi tính di-truyền mà diễn ra tập-quán, vẫn quanh-quẩn ở trong phạm-vi Nho-giáo, làm nhân-

quả lẫn cho nhau, cái cỗi-rễ nó sâu bền không thể lay được. Trong khoảng ấy chợt có một thời-đại phản-động lại, hiển-nhiên lấy lý-luận phản-kháng lại thuyết nhà Nho, là phái các nhà thanh-đàm ở về đời Tấn Nguy sau này, dẫu lúc ấy chửa thành ra ngôn-luận một nhà, mà thực là một cái sóng đả-động đến luân-lý học-giới, nên đây kê-cứu sự-trạng, nhặt lấy những đoạn nói, mà kể đại-lược cái lẽ của các nhà thanh-đàm bàn về nhân-sinh-quan.

Các nhà thanh-đàm khởi-nguyên ra tự đâu ? — Các nhà thanh-đàm khởi-nguyên phát-sinh ra từ đời Tấn Nguy, kể cái nguyên-nhân cũng nhiều : 1° là tại phản-động với Kinh-học, học-trò nhà Hán học chuyên-kinh, chỉ nệ về huấn-thích từng chương từng câu, khiên-dẫn những điều ngũ-hành tai-dị, để ứng-dụng về việc người, lâu dần các bậc cao-minh cũng là chán câu-nệ vu-khoát ; 2° là tại cái lỗi tín-dụng về đạo-đức-giới. Đời nhà Hán lấy bốn khoa : kinh-minh, hạnh-tu, hiếu-liêm, phương-chính, để tuyển-cử kẻ lại-sĩ, thời lắm khi có người cái nết lại không phó cái danh ; mà những bậc như : Nghiêu, Thuấn, Châu-công là nhà nho vẫn sùng-bái, lại phải những kẻ quyền-gian như Tháo, Mãng họ giả-thác lợi-dụng, vì thế những người phẫn-khích mới sinh lòng hoài-nghi cả sự thực ở trong lịch-sử ; 3° là tại nhân-sinh gặp nỗi nguy-hiểm. Đời nhà Hán những kẻ hoạn-quan, ngoại-thích đắc-thế lộng-quyền, còn người nho-học phương-chính thời thường phải mắc thảm-họa, mà không bổ-cứu gì được sự nguy-vong, sinh ra bình-đạo loạn-lạc luôn mãi, hiền, ngu, quí, tiện, ai cũng lo-sợ không biết sớm tối thế nào, nên cái học-thuyết cũ để duy-trì xã-hội, đều coi làm thừa cả ; 4° là tại cái tiềm-thế-lực của tư-tưởng phương Nam nó phát-siển ra. Từ đời vua Vũ-đế nhà Hán trở về sau, học-thuyết của Nho-gia dẫu nhân được cái sức của chính-phủ, chiếm được cái quyền thống-nhất cả học-giới, nhưng vì cái cớ lược bỏ không bàn đến lẽ vũ-trụ, nên những người cao-minh không lấy làm thích, cho nên cái lẽ triết-học của họ Lão họ Trang vẫn tiềm-lưu ở trong tư-tưởng-giới người ta, xem như Dương Hùng là đương lúc Nho-học thịnh-hành, mà làm sách cũng kiêm-thái cả sách Lão Trang, thời đủ biết vậy ; đến thời Vương Sung thời dòng tiềm-lưu ấy lại phát-siển mãi ra ; đến thời Tấn Nguy thời ba cái nguyên-nhân trên kia đã đạt đến cực-điểm, nên các nhà tư-tưởng phải viện lấy cái lý-luận của Lão Trang tiêu-dao phương-ngoại để tự yên-ủi, từ đó mới lênh-láng mãi ra ; 5° là tại Phật-giáo thâu-nhập : Đương lúc tư-tưởng-giới dao-động, thời Phật-giáo ở phương An-độ mới thừa-cơ mà thâu-nhập, cái quan-niệm khổ-chán đời này, siêu-độ cõi kia, bàn ra lại càng có cớ có lẽ lắm, thực là có trợ-lực cho tư-tưởng phương Nam, bởi thế cái lẽ nhân-sinh-quan của các nhà thanh-đàm mới phát-sinh ra vậy.

Yếu-tố. — Tư-tưởng của các nhà thanh-đàm, không phải là tiệt-nhiên bỏ phái Nho-gia mà hợp với phái Đạo-gia, Phật-gia, họ chỉ hợp-thái hỗn-tạp cả, họ lấy cái « chủ-nghĩa vô-vi » của phái Đạo-gia làm gốc, mà về Phật-giáo thời họ chỉ lấy cái « tư-tưởng chán đời ». Về Nho-giáo thời họ giữ cái « tư-tưởng giai-cấp » (1) và cái luận « hữu-

(1) Tư-tưởng giai-cấp phát-nguyên từ đời thượng-cổ, có phân ra trăm họ lê-dân. Ông Khổng ông Mạnh mới chia ra làm bậc quân-tử, bậc tiểu-nhân ; qua đến đời Tần thời không còn cái dấu-tích ấy nữa. Song cái tư-tưởng nhân-loại không bình-đẳng vẫn hãy còn, xem như lúc đời Đông-Tấn còn chia ra các nhà dòng-dõi thế-phiệt thời biết.

mệnh»[1]; vì có cái tư-tưởng giai-cấp, nên cái thuyết « nhân-loại bình-đẳng » của phái Đạo-gia Phật-gia, và cái « chủ-nghĩa lợi-tha » của phái Phật-giáo, đều cho là không hợp mà bỏ đi. Vì theo cái tư-tưởng yếm-thế, nên cái đạo « tu-kỷ » của phái Nho-gia, cái đạo « thanh-tĩnh » của phái Đạo-gia, và cái đạo « khổ-hạnh » của Phật-giáo, đều cho là câu-nệ khổ-sở mà bỏ đi. Vì theo cái luận « hữu-mệnh » và cái « chủ-nghĩa vô-vi », nên những thuyết « tích-thiện » của Nho-gia, đạo « tế-độ » của Phật-giáo, cũng đều cho là không hợp mà bỏ đi cả. Cái quan-niệm còn lại chỉ là yếm-thế, tự-phân-đẳng, hữu-mệnh và vô-vi, bèn tập-hợp lại mà lập ra cái luận « duy-ngã », chỉ lấy cái thiên *Dương-Chu* ở trong sách *Liệt-tử* giả (2) ấy làm đại-biểu, nay lược kể cái thuyết ấy ra sau này.

Đời người vô-thường. — Thiên *Dương-Chu* nói rằng : « Trăm tuổi là bậc thương-thọ, song nghìn người không được một người trăm tuổi, nếu có một người trăm tuổi, từ lúc bé cho đến lúc già, đêm ngủ đi mất nửa phần, ngày quên đi mất cũng gần đến nửa phần, nào là lúc đau ốm khổ-sở, lúc sợ-hãi lo-thương, cũng hầu mất đi một nửa, tính cả trong và mươi năm, những lúc được tiêu-dao tự-đắc, không phải lo một chút gì có được mấy lúc đâu, thế thời đời người có vui-sướng gì ! » Lại nói rằng : « Mười tuổi cũng chết, trăm tuổi cũng là chết, sống làm vua Nghiêu, vua Thuấn, chết cũng là đống xương nát ; sống làm chúa Kiệt, chúa Trụ, chết cũng là đống xương nát, rút cục lại cũng như một cả. » Đó là nói cái đời người rất là ngắn-ngủi hèn-yếu, không làm gì được, truyện Đại-nhân tiên-sinh của Nguyễn Tịch 阮籍 ý cũng giống như thế, đều cho là hữu-mệnh mà rút lại chỉ là vô-vi mà thôi.

Theo bụng dục. — Thanh-đàm-gia gọi là vô-vi, nghĩa là không làm gì mà vẫn có làm, là chỉ coi cái sức mình đến đâu thời làm để đạt cái ý-hướng của mình cho đến đấy mà thôi, thiên *Dương-Chu* nói rằng : « Người đời Thái-cổ biết lúc sống là tạm lại, mà lúc chết là tạm đi, cho nên cứ theo bụng muốn của mình mà không trái lẽ tự-nhiên. » Lại rằng : « Cứ tha-hồ phóng-túng cho tai muốn nghe gì thời nghe, mắt muốn trông gì thời trông, mũi muốn ngửi gì thời ngửi, mồm muốn nói gì thời nói, thân-thể muốn yêu thích gì thời thích, ý muốn làm gì thời làm ; tai muốn nghe thanh-âm mà không cho nghe, gọi là « át-thông » ; mắt muốn trông sắc đẹp mà không cho trông, gọi là « át-minh » ; mũi muốn ngửi mùi thơm mà không cho ngửi, gọi là « át-chiên [3] » ; miệng muốn nói điều phải lẽ trái mà không được nói, gọi là « át-trí » ; thân-thể muốn thích đồ tốt đẹp, mà không được thích, gọi là « át-thích » ; ý-muốn được phóng-dật, mà không được làm, gọi là « át-vãng » ; phàm những cái át bỏ đi ấy là bởi tại mình phế-ngược ;

---

(1) Đời nhà Hạ tôn-mệnh, nghĩa ấy trải qua đời Thương, Chu vẫn còn. Ông Khổng-tử dẫu ít nói đến mệnh, song cũng thường nói rằng : biết mệnh, đợi mệnh, có mệnh. Nho-gia nói mệnh chỉ cốt cho người ta làm hết nghĩa-vụ, chớ không phải cái cảnh-ngộ nó suy-đi đi được ; Hán-nho những người không ngộ-thời cũng đổ tại mệnh ; Vương Sung cho an-mệnh là hợp với chủ-nghĩa vô-vi, phái Đạo-gia, nhà thanh-đàm nói mệnh cũng bản tự đó.

(2) Thiên *Dương-Chu* dẫu không biết ai làm giả ra, song cái lý-luận cũng hợp với ngôn hành phái thanh-đàm, nên cũng cho là học-thuyết phái thanh-đàm vậy.

(3) Át-chiên 閼 顫 là ngăn-cấm cái thần-kinh ngửi ở mũi, không cho ngửi.

nên bỏ cái chủ-ý phế-ngược ấy đi, cứ hớn-hở ăn chơi để đợi chết, một ngày, một tháng, một năm, mười năm, ấy là cái cách ta dưỡng-sinh vậy ; nếu chỉ câu-nệ cấm bỏ cả đi, chỉ lo ngày-ngày để cầu sống lâu, dẫu sống đến trăm năm, nghìn năm, muôn năm, không phải cách ta dưỡng-sinh vậy. » Lại dẫn các việc để chứng-minh rằng : « Đương lúc ông Tử-Sản làm tướng nước Trịnh, có anh là Công-tôn-Triều tính ham rượu, em là Công-tôn-Mục tính hiếu-sắc ; đương lúc Triều say rượu thời không còn biết đời yên-nguy, lẽ lầm-lẫn, trong nhà có hay không, người họ thân hay sơ, dẫu nước lửa binh đao, giao đến trước mặt cũng không biết ; khi Mục đương say-đắm về sắc đẹp, bỏ cả thân-thích, tuyệt cả giao-du. Tử-Sản răn bảo, Triều, Mục thưa rằng : « Phàm người ta gặp được sống khó, mà gặp phải chết thời dễ, đời người sống khó mà chết dễ, cần gì mà phải lo nghĩ ; nay muốn giữ lễ-nghĩa để khoe người, uốn tình-tính để vụ-danh, tôi bảo như thế thời không bằng chết đi cho rảnh ; vậy tôi muốn cùng-cực sự vui-sướng suốt năm suốt đời, chỉ sợ bụng đầy quá không thể uống được rượu nữa, sức mệt quá không thể ham về sắc được, chớ còn sợ gì tiếng xấu, lo gì chết nữa.» Ấy các nhà thanh-đàm như là : Nguyễn Tịch, Lưu Linh 劉伶, Tất Trác 畢卓 đều túng-tứ về rượu ; Vương Trừng 王澄, Tạ Côn 謝鯤 thời ngông-nghênh phóng-đạt ; đều là theo cái lý-tưởng trên đó mà diễn-dịch ra vậy.

Bài-bác thánh triết. — Thiên *Dương-Chu* rằng : « Phàm tiếng tốt trong thiên-hạ đều về ông Thuấn, Vũ, Châu, Khổng, tiếng xấu trong thiên-hạ đều về chúa Kiệt, chúa Trụ, song-le ông Thuấn là kẻ thiên-dân cùng-độc, ông Vũ là kẻ thiên-dân lo-lắng khổ-sở, ông Châu-công là kẻ thiên-dân sợ-hãi nguy-ngập, ông Khổng-tử là kẻ thiên-dân long-đong vội-vàng, bốn ông thánh ấy lúc sống không được một ngày nào vui, lúc chết để tiếng muôn đời, cái danh ấy vẫn không phải là thực, dẫu khen cũng không biết, thưởng cũng không hay, chết đi rồi có khác gì cái cục đất. Ông Kiệt là kẻ thiên-dân dâm-đãng, ông Trụ là kẻ thiên-dân phóng-túng, hai kẻ hung ấy sống thời tha-hồ túng-dục cho sướng, chết thời mắc tiếng ngu-bạo, cái sự thực ấy vẫn không ai khen, chết đi rồi dẫu chê cũng không biết, khen cũng không hay, có khác gì cái cục đất. » Những cái tư-tưởng ấy là vì cảm-kích về những sự thoán-thí đời Tấn Ngụy mà nói ra, như là Trang-tử cảm về sự ngươi Điền Hằng cướp nước Tề, mà nói rằng thánh-nhân bày ra nhân-nghĩa, chỉ làm trò cho kẻ đạo-tặc mà thôi. Kê-Khang 嵇康 thường nói chê vua Thang Vũ, bài-bác ông Châu Khổng cũng là vì nghĩa thế vậy. Song những vấn-đề ấy phải xét cả xã-hội, cả lịch-sử mới so-sánh biết được, các nhà thanh-đàm thời chỉ xét từng người một, hay trong phạm-vi từng đời người một, rồi đổ cho tại mệnh, sinh ra nghi-ngờ mà phán-đoán liều, rồi thành ra một cái tư-tưởng chán đời, chỉ túng-dục phóng-đãng mà thôi.

Phóng-khí cả đạo-đức cũ. — Thiên *Dương-Chu* rằng : « Trung không thể làm cho vua yên được, trung lắm thời chỉ hại thân ; nghĩa không thể làm cho vật lợi được, nghĩa lắm thời chỉ hại sinh ; hễ yên vua không bởi tại bụng trung, mà giệt-bỏ tiếng trung đi ; lợi vật không bởi tại bụng nghĩa, tuyệt-bỏ tiếng nghĩa đi, thời tự-nhiên vua tôi đều yên, vật đều lợi cả, ấy mới là đạo cổ vậy. » Những tư-tưởng ấy là bởi những kẻ hiền-sĩ không gặp thời mới phát-luận ra như thế, rồi

sinh hoài-nghi mà vô-đoán liều, phóng-khí cả đạo-đức cũ. Nguyễn Tịch rằng : «Lễ có phải vì lũ chúng ta mà đặt ra đâu,» cũng là nghĩa thế vậy. Tào Tháo tâu vu cho Khổng Dung 孔融 rằng : « Dung cùng với Nễ-Hành 禰衡 mặc áo trắng ngồi xổm nói càn rằng : « Cha với con có thân-tình gì, bản-ý là chỉ vì tình-dục mà thôi ; con với mẹ có can-hệ gì, chẳng qua như một cái vật để gửi trong cái lọ, đến khi ra thời nó lìa cái lọ ra vậy. » Những lời ấy chẳng qua là nói bịa ra đó mà thôi, song thời ấy sao đã có cái tư-tưởng ấy ? Lại như Tạ An 謝安 rằng : « Con cháu có việc gì đến ta mà muốn cho chúng nó tài-giỏi. » Tạ Huyền 謝玄 thưa rằng : « Con cháu tài-giỏi cũng như là mầm lan cây ngọc, muốn cho sinh ở thềm sân vậy. » Xem những lời nói ấy thời biết được chút-đỉnh cái tư-tưởng về thời ấy vậy.

Không có làm ác. — Các nhà thanh-đàm chỉ theo cái chủ-nghĩa tiêu-cực, cho nên phóng-khí cả đạo-đức không làm thiện, mà cũng không chịu làm ác. Khi Phạm Phang mắc phải tai-vạ, có bảo con rằng : « Ta muốn cho mày làm ác, nhưng ác không nên làm ; ta muốn cho mày làm thiện, nhưng ta vẫn không làm thiện. » Cái tư-tưởng thuộc về tiêu-cực ấy, đã mầm-mống ra tự các bậc thanh-lưu cuối đời nhà Hán. Thiên *Dương-Chu* nói rằng : « Sinh-dân mà không được yên nghỉ là vì có bốn việc : 1° thọ, 2° danh, 3° vị, 4° của, vì bốn việc ấy mà phải sợ quỉ, sợ người, sợ uy, sợ hình ; chỉ có hạng người ẩn-độn, phàm những điều bắt mình phải sống phải chết, chế được mệnh mình, đều gác ra ngoài cả: không trái mệnh thời có ham gì thọ ; không khoe sang thời có ham gì danh ; không cầu thần-thế thời có ham gì vị ; không tham giầu thời có ham gì của, ấy là hạng người thuận-dân.» Lại rằng: « Không xem như ông lão-nông kia ư, sớm ra tối về, vẫn là sự thường; ăn ngô ăn rau, đã lấy làm ngon ; bắp thịt đầy-đà, gân guốc thô-lộ, nếu nhất-đán mà cho nằm màn the đệm bông, cho ăn đồ cao-lương mĩ-vị, thời bụng đau khó chịu, nóng-nẩy mà sinh ra bệnh. Giả-thử cho ông vua nước Lỗ mà xử vào cảnh chú nông-phu, thời cũng không được một lúc mà sinh ốm ; cho nên người điền-dã lấy làm yên, tức là người điền-dã lấy làm tốt, thiên-hạ không có cái gì hơn nữa. » Đó là các nhà thanh-đàm bởi cái luận « hữu-mệnh », luận « vô-vi » mà diễn-dịch thành ra cái quan-niệm an-phận, tri-túc, cho nên những kẻ ấy dẫu là theo bụng dục nhưng không phải là túng-dục mà làm càn vậy.

Bài-bác kẻ tự-sát. — Kẻ chán đời hay sinh cái ý tự-sát, nhà thanh-đàm thời chủ-trì cái luận « vô-vi », nên cũng bác cái nghĩa tự-sát. Thiên *Dương-Chu* : « Mạnh Tôn-Dương nói rằng : « Chết chóng còn hơn là sống lâu, thà rằng giẫy vào giáo mác, nhảy vào nước lửa, còn đắc-chí hơn. » Dương-Tử đáp rằng : « Không phải, sống ở đời cứ bỏ liều phó mặc kệ nó, phóng-túng bụng dục mình cho đến cùng-cực, sống chết lúc nào cứ phó mặc nó, chống với chậm có làm gì. » (Phật-giáo cũng cấm tự-sát, nhà thanh-đàm cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy)

Chủ-trì cái luận duy-ngã mà không xâm đến người. — Phàm chủ-nghĩa lợi-kỷ không khỏi tổn đến người, song nhà thanh-đàm chủ-trì nghĩa lợi-kỷ mà không xâm đến người, thuần là cái nghĩa vô-vi, cho nên nói rằng : « Người đời xưa tổn một mảy lông để lợi thiên-hạ cũng không làm ; đem hết cả thiên-hạ để cung-phụng một mình cũng không lấy, làm sao cho ai ai cũng không tổn một tí gì, ai cũng không phải làm lợi thiên-hạ, thời thiên-hạ tự-trị. »

Ý-kiến của phái phản-đối. — Đương lúc thanh-đàm thịnh-hành, cũng có một vài nhà phản-đối, như thời vua Võ-đế nhà Tấn, Phó Huyền 傅玄 dâng sớ nói rằng: « Đấng tiên-vương trị thiên-hạ, ở trên thời trọng giáo-hóa, ở dưới thời có thanh-nghị. Mới rồi vua Ngụy-Võ chuộng pháp-thuật, cho nên thiên-hạ quí hình-danh; vua Ngụy-Văn mộ thông-đạt, cho nên thiên-hạ khinh thủ-tiết. Về sau này kỷ-cương không có thống-nhiếp, đầy trong triều những kẻ phóng-đản, thiên-hạ không còn có thanh-nghị gì cả. » Thời vua Huệ-đế, ông Bùi-Quĩ 裴頠 có làm bài luận *Sùng-hữu* nói rằng: « Lợi-dục dẫu nên tiết-chế, nhưng không thể tuyệt bỏ đi được; việc người dẫu nên tỉnh-tiết, nhưng không thể toàn không được; nay những kẻ thanh-đàm sợ cái lụy hữu-hình, mà thịnh khen cái tốt hư-vô, bỉ-bạc việc đời, khinh-dể sự lợi-dụng, trái cả lẽ cát-hung, bỏ cả phép cử-chỉ, nhàm cả thứ-tự trưởng ấu, hỗn cả giai-cấp sang hèn, thực là thậm tệ. Phải biết rằng tính của muôn vật, cái gì cũng phải có, cái tâm không phải là việc, mà tiết-chế mọi việc tất phải do cái tâm, chớ không bảo là vô-tâm được; người thợ không phải là cái đồ, mà sáng-chế ra mọi đồ tất phải cần đến thợ, chớ không bảo là không có thợ được; xem đó thời biết giúp về sự có, cái gì cũng cần phải có, loài người đã có, hư-vô có ích gì đâu? » Lời nói ấy không phải là không thâm-thiết, song cũng là thường-thức, không đủ phá được cái cơ-sở tư-tưởng của thanh-đàm, cho nên không thành-hiệu được.

Kết-luận. — Cái tư-tưởng của nhà thanh-đàm, rất là thiện-bạc vô-liêu, loài người ta có tính hợp-quần không thể quen chịu được, cho nên cái thuyết nhà thanh-đàm không bao lâu cũng suy đi hết, không thể lay-động được cái nền học-thuyết luân-lý của nh nho vậy.

Hàn Dũ 韓愈

Đương lúc phái thanh-đàm thịnh-hành, kẻ học-giả phương Nam như là lũ Vương Bột 王勃 thường viện sách Lão Trang để giải kinh; mà kẻ học-giả phương Bắc như lũ Từ Tuân-Minh 徐遵明, Lý Huyền 李玄, vẫn cố-thủ cái thói học-trò nhà Hán; đến đời Tùy Đường lại càng suy kém. Từ đời Tề Trần trở xuống, kẻ học-giả phương Nam, đã chán thói thanh-đàm, tranh-xu về văn thơ, rút lại đều không quan-hệ gì đến học-lý cả. Thời nhà Tùy có ông Vương Thông 王通 ở đất Long-môn, mới tự-nhiệm muốn noi-nối cái tư-tưởng phương Bắc, thường bắt-chước đức Khổng-tử làm sách gọi là *Vương-thị lục-kinh*, đều thất-truyền cả, chỉ có truyền lại một bài *Trung-luận*, là học-trò biên-tập lại để tỉ với sách *Luận-ngữ* của đức Khổng-tử, song những lời đều nói khoe-khoang mà không có tinh-nghĩa, bàn về cái tư-tưởng căn-bản thời nói là nghĩa «trấp-trung», cái ý-kiến điều-hòa các giáo khác thời nói là «tam-giáo nhất-trí», song đều là tiêu-yết cái đề-mục ra đó, chớ không có thuyết-minh gì cả. Đến khoảng giữa đời nhà Đường có ông Hàn Dũ ở đất Nam-dương, phản-nàn về những lối văn-chương từ đời Lục-triều trở về sau, thể-cách hèn-hạ, nội-dung thiện-bạc, nên ông muốn tầm-nguyên từ lối văn lục-kinh chư-tử đời trước mà cải-cách mới cả lại, từ đó mới chăm về đàng kê-cứu học-lý, làm tiên-khu trước cho các nhà lý-học đời nhà Tống.

Tiểu-truyện. — Hàn Dũ tên chữ là Thoái-chi 退之, người đất Nam-dương, lên tám tuổi mới đi học, đến lớn lên thông suốt cả sáu kinh và sách của trăm nhà. Năm Trinh-nguyên thứ

tám, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Lại-bộ Thị-lang, song thường vì trực-gián bị biếm-truất. Thời vua Hiến-tôn, ông có dâng bài biểu ngăn vua đừng đón rước phật-cốt, rất là có tiếng; đến thời vua Mục-tôn, ông mất, tên thụy là Văn.

Luận về nho-giáo. — Ý ông Hàn Dũ bảo rằng nho-giáo ấy là nhân cái tính-chất phổ-thông của loài người mà tự-nhiên phát-siển ra, thực là hợp với phép-tắc luân-lý, không còn chê được, chớ không nên bỏ đi mà cầu giáo khác, cho nên nói rằng: « Giáo của đấng tiên-vương lập ra là những gì? Bác-ái gọi là *nhân*; làm mà hợp-nghi gọi là *nghĩa*; cứ bởi thế mà đi gọi là *đạo*; đã có đủ ở mình rồi không phải cần ở ngoài nữa gọi là *đức*; văn-chương thời ở kinh *Thi*, kinh *Thư*, kinh *Dịch*, *Xuân-thu*; phép tắc thời có lễ, nhạc, hình, chính; dân thời có sĩ, nông, công, thương; vị-thứ thời có vua, tôi, cha con, thầy, bạn, khách, chủ, anh, em, vợ, chồng; tang-chở thời có gai-vải, cư-xử thời có cửa-nhà, thức ăn thời có thóc, gạo, rau, quả, cá, thịt; đạo rất rõ-ràng, giáo rất dễ theo; cho nên đem ra thi-hành vị mình thời thuận mà dễ, vị người thời yêu mà công, vị tâm mình thời hòa-bình, vị thiên-hạ quốc-gia thời sử điều gì cũng đáng cả; lúc sống thời được thỏa tình, lúc chết thời hợp lẽ thường; tế Giao thời thiên-thần giáng, tế Miếu thời nhân-quỉ hưởng. » Đó là ông lịch-tự cái đạo-giáo thực là giản-ước mà đủ cả, song chỉ nói về đàng tích-tượng, chớ không quan-hệ gì đến học-lý cả.

Bài-bác Lão Trang. — Hàn Dũ đã cho phái nho-gia làm chính-tôn, thời phải bài-bác Lão Trang, nói rằng: « Lời Lão Trang bảo rằng: « Ông thánh-nhân không chết đi, thời kẻ đạo-tặc lớn không chỉ được, hễ có chẻ bỏ đấu, bẻ bỏ cân đi, thời dân mới không tranh nhau. » Than ôi! Sao không nghĩ vậy, nếu cổ-giả không có ông thánh-nhân thời loài người tuyệt-diệt đã lâu. Sao vậy? Là ví như không có cánh lông, vẩy giáp, để phòng giữ nóng rét vậy. » Lại rằng: « Lời nói họ Lão rằng: « Sao không làm vô-sự như đời thái-cổ », thế có khác gì trách người mùa đông muốn áo cừu, lại bảo rằng sao không đổi lối đi lấy áo cát mà mặc; trách người đói muốn ăn, lại bảo rằng sao không đổi cách đi lấy nước mà uống. » Lại nói rằng: « Lão-tử coi nhỏ nhân nghĩa, là ý-kiến nhỏ-hẹp. Những kẻ làm nhân mà nhù-nhì, làm nghĩa mà tặt-vặt, khinh nhỏ đi là phải. Còn nho-gia gọi là đạo-đức là hợp cả nhân và nghĩa mà nói, là lời nói công trong thiên-hạ vậy. Lão-tử gọi là đạo-đức bỏ mất cả nhân và nghĩa, là lời nói tư của một người vậy. » Đó là đối với tư-tưởng phương Nam thuộc về phương-diện tiêu-cực, chỉ lấy cái lẽ thường mà công-kích; còn cái tư-tưởng căn-bản thuộc về phương-diện tích-cực thời chửa bàn đến.

Bài-bác Phật-giáo. — Vương Thông bàn đạo Phật nói rằng: « Phật là ông thánh-nhân, Phật-giáo là giáo ở phương Tây, truyền sang bên Trung-quốc thời mắc bùn, như là xe lớn không thể đi thông sang nước Việt, mũ miện không thể bán sang rợ Hồ được. » Đó là nói Phật-giáo cùng với phong-thổ lịch-sử bên Trung-quốc không hợp vậy. Hàn Dũ bài-bác đạo Phật cũng như ý ấy mà có ý khinh-dể nói rằng: « Cứ như phép nhà Phật, thời phải bỏ đạo vua tôi đi, bỏ đạo cha con đi, cấm hẳn cái đạo cùng sinh nuôi nhau đi, để cầu cho được thanh-tĩnh tịch-diệt. Than ôi! cũng may mà sinh ra ở sau đời tam-đại, nếu không thời phải vua Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu-Công, Khổng-tử truất đuổi đi vậy. » Đó là Hàn Dũ chỉ bài-bác cái hình-thức của Phật-giáo mà thôi.

Tính. — Thuyết của ông Hàn Dũ mà hợp vào trong phạm-vi nghiên-cứu học-lý là những lời bàn tính, có nói rằng : « Tính người ta có ba bậc : bậc thượng chỉ có thiện mà thôi ; bậc trung có thể dẫn thượng dẫn hạ cũng được ; bậc hạ chỉ có ác mà thôi. » Ông Mạnh-tử thời bảo rằng người ta tính thiện ; Tuân-tử thời bảo rằng người ta tính ác; Dương-tử thời bảo rằng tính người ta có lẫn cả thiện ác; đến Hàn-tử lại phân ra tính có ba bậc, lại có nói rằng:« Trong tính phàm có năm phần : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín ; người bậc thượng thời chủ được một phần mà làm được cả bốn phần nữa ; người bậc trung hơi có một phần mà cũng hơi biết phản-tính nên bốn phần hỗn-hợp có cả ; người bậc hạ một phần cũng không, mà làm trái cả bốn phần. » Cái thuyết trên này cũng là bản ở lời nói đức Khổng-tử bảo rằng : « Tính người ta gần giống nhau, mà lại có một bậc thượng-trí và một bậc hạ-ngu không biến-đổi đi được. » Cũng giống như lời nói của Đổng Trọng-Thư, mà phân-biệt ra lại rõ-ràng hơn. Song lấy năm đạo thường[1] làm cái phần yếu-tố của tính người, mà lại chia ra ba bậc tính người mỗi bậc hàm có mấy phần yếu-tố, đó cũng là ức-thuyết, chớ không có chứng-cứ vào đâu cả.

Tình. — Hàn Dũ phân-biệt tình với tính ra làm tiên-thiên với hậu-thiên, cho nên nói rằng : « Tính ấy là cùng với người ta cùng đều sinh ra ; tình ấy là sau khi người ta ứng-tiếp sự-vật mới sinh ra vậy. » Lại chia ra tình cũng có ba bậc, theo như tính mà chia ra bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, nói rằng : « Tình người ta có bảy : mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn ; bậc thượng thời bảy tình động mà xử được thích-trung ; bậc trung thời có điều thậm-tệ, có điều sai mất, song vẫn cầu cho được hợp-trung ; bậc hạ thời sai mất đi thậm-tệ, cứ thẳng theo tình mà làm. » Cứ như lời nói ông ấy thời tính với tình chia ra là thể với dụng có quan-hệ với nhau, cho nên phẩm người cũng nhân đó mà chia ra thượng hạ, song ông ấy chửa hay nói rõ cái nguyên-do ra thế nào vậy.

Kết-luận. — Ông Hàn Dũ là kẻ văn-nhân, chớ không phải là một người học-phái riêng, có làm ra thiên *Nguyên-đạo* nói rằng : « Vua Nghiêu lấy đạo trung truyền cho vua Vũ ; vua Vũ truyền cho vua Thang ; vua Thang truyền cho vua Văn, Võ, Châu-công ; Văn, Võ, Châu-công truyền cho đức Khổng-Tử ; đức Khổng-Tử truyền cho ông Mạnh Kha, ông Kha mất đi rồi thời thất-truyền. » Ông ấy nói thế là có ý tự-nhiệm cái trách truyền-đạo ; song ông lập-thuyết hay phụ-diễn ra nhiều mặt, chớ không có nghĩa tinh-thâm ; cái công ông không thể mất đi được là tại cái điều suy-tôn ông Mạnh-tử lên để nối ông Khổng-tử, lại tiêu-biểu được những cái danh tính-tình, đạo-đức, nhân-nghĩa, bài-sích họ Phật họ Lão, khiến người đời biết những vấn-đề ấy là có cái giá-trị nghiên-cứu đặc-biệt, mà đã gọi là bậc nho-học, không phải là chỉ học-tập kinh-huấn mà thôi.

Lý Cao 李翺

Tiểu-truyện. — Lý Cao tên chữ là Tập-Chi 習之, học-trò ông Hàn Dũ, năm Trinh-nguyên thứ 14 đỗ tiến-sĩ, làm đến chức Tiết-độ-sứ đất Sơn-nam, rồi mất ở đó.

Học-thuyết. — Cao thường làm ra sách *Phụ-tính* ba thiên, đại ý bảo rằng tính thiện mà tình ác, tình ấy là tự tính phát-động ra, cho nên người hiền-giả nên tuyệt-tình mà phục-tính lại.

---

(1) Tứ là : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín năm phần đã nói ở trên.

Tính. — Cao thường nói rằng: « Giữ được tính là khiến người nên được bậc thánh-nhân, yên-lặng không động, quảng-đại thanh-minh, cảm-thông được đến trời đất; hành, chỉ, ngữ, mặc, lúc nào cũng xử được rất phải, động ra là hợp tiết-độ. » Lại rằng: « Thành-thực ấy là tính ông thánh-nhân; cái tính thanh-minh soi sáng đến trời đất, không phải là tự ngoài mới phụ vào vậy. » Những nghĩa ấy đều bản ở sách *Trung-dung*, cho nên ông Âu Dương-Tu bảo rằng sách *Phục-tính* tức là giải nghĩa sách *Trung-dung* vậy.

Tính, tình quan-hệ với nhau. — Cao lại bàn đến tính tình ở trong tâm-ý người ta có lúc xung-đột, nói rằng: « Người ta sở-dĩ làm nên được bậc thánh-nhân là tại tính, mà người ta sở-dĩ mê-hoặc mất tính đi là tại tình; mừng, giận, thương, sợ, yêu, muốn, ghét, bảy điều ấy là tại tình làm ra cả, tình mà hôn-mê thời tính dời đi mất, chớ không phải là lỗi tại tính: nước kia đục là tại dòng không trong; lửa kia mà khói là tại đèn không sáng. » Xem đó thời biết tính vốn không ác, vì tại tình mới sinh ra ác, tình thường che mất tính đi, làm cho nhụt mất tác-dụng của tính, cùng với lời Hoài-nam-tử bảo rằng: « Lúc mới sinh ra tĩnh, vốn là tính trời, có cảm-tình mà động là làm hại cho tính. » Ý cũng giống như thế. Cao lại bàn cái phép phục-tính, nói rằng: « Không tư không lự, thời không sinh tình, tình không sinh thời nghĩ-ngợi mới chính. » Lại rằng: « Ông thánh-nhân là bậc tiên-giác ở trong loài người ta, vì có tri-giác mới sáng-láng, không thể thời nghi-hoặc, nghi-hoặc thời hôn-mê, cho nên phải thường giác-ngộ. » Đó cũng là lấy cái nghĩa của Trang-tử bảo rằng: « Tuyệt bỏ cái vật-dục đi thời sáng-láng. » Đó là bắt-chước lời Phật giáo bảo rằng: « Bỏ cái Vô-minh đi mà đem cái chân-như lại. »

Tình khởi-nguyên ra tự đâu. — Tính bởi trời phú-bẩm cho, còn tình thời khởi ra tự đâu? Ông Lý Cao bảo rằng tình ấy là cái vật phụ-thuộc của tính, nói rằng: « Không có tính thời không sinh tình, tình ấy là bởi tính mà sinh ra; tình không phải là tự tình, nhân có tính mới sinh ra tình; tính không phải là tự tính, nhân tình mới tỏ biết tính. »

Chỉ-tĩnh. — Ông Lý Cao rằng: « Ông thánh-nhân há phải vô-tình đâu, tình có điều thiện, có điều bất-thiện; không tư-lự thời không sinh ra tình, tuy vậy mà cốt phải cho tĩnh; tĩnh thời tất có động, động thời tất có tĩnh, động tĩnh luôn mãi không thôi mới sinh ra tình. Đương lúc tĩnh, tâm không có nghĩ gì, ấy là trai-giới cho tĩnh cái tâm; tâm đã không nghĩ thời không có động tĩnh gì cả, tịch-nhiên bất-động, ấy là chỉ-tĩnh vậy. » Đó là ông ấy cho cái bản-thể chỉ-tĩnh là tính, còn về phương-diện phát-động của tính là tình, cho nên tính vốn là chỉ-tĩnh vượt ra ngoài cái cơ động tĩnh, mà tức là chỉ-thiện vượt ra ngoài cái vòng thiện ác; đến khi phát-động ra mà là tình, mới có động với tĩnh đối nhau, thời tức là có thiện với ác đối nhau, nên người ta phải trai-giới cái tâm, để trở về cõi chỉ-tĩnh chỉ-thiện, ấy gọi là phục-tính.

Kết-luận. — Thuyết của ông Lý Cao là bắt-chước ở sách *Trung-dung* và tham-khảo sách Trang-tử, mà qui-túc về Phật-giáo, không có sáng-kiến gì mấy, mà lời bàn cũng hơi mập-mờ. Song ông Cao thừa sau ông Hàn Dũ mà hay bởi trong các giáo-nghĩa dò xét ra được những tư-tưởng căn-bản, bàn-luận cho nhất-quán lại, cũng là đủ chứng rằng học-thuyết tiến-bộ vậy.

Tổng-luận cả kỳ thứ hai trên này

Tự đời nhà Hán đến đời nhà Đường,

những nhà bàn về luân-lý-học, hay lập-thành ra học-thuyết một nhà cũng không có mấy. Song độc-tôn Nho-học thời về đời Hán có ông Đổng Trọng-Thư, đời Đường có ông Hàn Dũ. Hấp-thâu cả lời dị-thuyết thời về đời Hán có ông Hoài-nam, ông Dương Hùng, đời Đường có ông Lý Cao, giá-trị đại-lược cũng bằng nhau cả. Song đại-khái các nhà học-giả đời Hán là nhân cái dư-ba tự các nhà học-giả đời nhà Tần; các nhà học-giả đời Đường là làm cái lối xe cho các nhà lý-học đời nhà Tống. Khoảng đời Tấn Ngụy, Phật-giáo thâu-nhập, vốn có cái thế-lực xung-kích đến tư-tưởng-giới; song chủ-nghĩa xuất-thế thời không hợp với lịch-sử dân-tộc Tàu; những bậc người dĩnh-đạt như các nhà thanh-đàm, thời chỉ chủ cái nghĩa tiêu-cực, không có trợ-lực gì đến phương-diện tích-cực, thế cho nên Phật-giáo thâu vào nước Tàu, về đàng triết-học thời chỉ thêm một thứ tài-liệu để nghiên-cứu; về đàng xã-hội, thời chỉ thêm một cái nhà ở cho những kẻ cùng-dân vô-cốc; về đàng tâm-lý của nhân-dân thời thêm một cái quan-niệm sợ báo-ứng về đời sau; về đàng nghi-thức thời chỉ thêm những cái điều-mục lễ sám-hối tục bố-thí; thế-lực Phật-giáo dẫu không tiêu-diệt đi được, song cũng không hay lay-chuyển được cái nền tổ-chức gia-tộc và xã-hội của dân-tộc nước Tàu vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

MẤY NGHĨA NÊN BÀN LẠI

Đại-phàm xem sách và nghe truyện, có nghĩa nào ngờ thời phải xem xét cho khỏi ngờ, có nghĩa nào không ngờ thời lại nên nghĩ cho có ngờ, thế mới là xem sách nghe truyện. Lại có câu xem hiểu ngay được ý-nghĩa, cũng có câu phải xem câu chỗ khác, nghe câu truyện khác, và lại phải biết được cái tính-chất người nói câu ấy cùng là sự-thế đời ấy thế nào, rồi mới vỡ được cái ý-nghĩa câu ấy.

Chúng tôi bình-nhật xem sách có mấy nghĩa ý-kiến riêng xin viết ra đây, để chất-chính cùng các ngài khảo-cổ, có nghĩa nào sai xin bác đi cho, mà chẳng những mấy nghĩa sau này của tôi, phàm các bài lai-cảo nào có nghĩa sai cũng nhất-nhất bác đi cho cả, như là những bài *bác bỏ chữ Hán* và bài *bác việc cúng dỗ* khi trước ấy, thế mới là tương-tư tương-ích cho nhau, kẻo thiếu-niên ta cứ thấy bài nào in vào tờ báo là lấy làm hay cả, rồi in sâu vào óc, thành sau khó sửa lại được. Tôi bàn lại mấy nghĩa lược-kê sau này.

P.-H.-Hồ.

1. — Phương-ngôn : Phép vua thua lệ làng

Nghĩa là : phép vua nghiêm không bằng lệ làng, lệ làng nghiêm hơn phép vua. Vì rằng vua ở cao xa, ngộ phạm phải pháp-luật, còn có thể giấu-giếm trốn-tránh được ; chớ làng gần đó, ngộ trái lệ làng thời làng bắt khoán bắt vạ ngay, không thể chối được, mà lại làm bia miệng đời, nhục đến con cháu, cho nên sợ lắm, không dám trái lệ, thế là phép vua thua lệ làng.

Nay có lắm người lầm nghĩa rằng : «Dân cứ theo tục-lệ làng, không tuân phép vua. » Ôi! các nước dân-chủ cũng chẳng

có cái nghĩa dám phản-đối nhà-nước thế, huống-chi nước ta nguyên là nước quân-chủ chuyên-chế, tôn vua là trời là thánh, dầu quan phủ quan huyện cũng tôn làm phụ mẫu, dân đã quen cái tính-chất phục-tòng, hiệu-lệnh gì mà chẳng phải theo. Cho nên tục-ngữ đã có câu : « Dân như cây gỗ tròn, muốn lăn đằng nào thời lăn. » Vả lại nước ta vốn là một nước ăn ở rất có trật-tự luân-lý, có lẽ nào lại có cái nghĩa lầm thế, chẳng hóa ra dân ta là một dân vô-quân phạm-thượng rư !

Dễ-thường Chính-phủ bảo-hộ cũng tin cái nghĩa lầm ấy nên chi Nghị-viện tư-vấn và các nhà nhật-trình hằng xin cải-lương hương-lệ mãi, mà nay Chính-phủ mới thấy dục-dịch cải-lương. Vì-thề cải-lương ba bốn mươi năm xưa, thời dân ta giầu-thịnh đã lâu rồi, tiếc thay ! Thôi, cũng là cái vận-mệnh nước ta đến giờ mới khá, nên mừng rồi, không nên tiếc nữa,

2. — Phương-ngôn : Một miếng giữa làng hơn một sàng só bếp

Nước ta là nước theo cách công-dân tự-trị, nên tục-ngữ có câu : « Hương-đảng tiểu triều-đình. » Đã là triều-đình thời phải có vua quan, có bằng-sắc, có phẩm-cấp, có bổng-lộc. Dân-gian ta làm gì mà có được những sự quí-báu ấy. Bởi vậy dân mới gọi Thành - hoàng bằng vua, bằng đại-vương, bằng nhà thánh. Đồ thờ ngai kiệu, tàn tán, long-đình, lỗ-bộ y như vua. Tôn gọi kỳ-mục là chức-dịch, là quan-viên, khi tế đình, áo xiêm hia mũ y như quan. Viết đơn bầu hương - mục tổng - lý tức là bằng-sắc. Vị-thứ chiếu trên chiếu dưới tức là phẩm-cấp ; phần ban kính biếu tức là bổng-lộc. Nghi-vệ thề-thống, nghiễm-nhiên một tòa triều-đình con.

Người ở đời, lớn có sự-nghiệp danh-phận lớn, nhỏ cũng có sự-nghiệp danh-phận nhỏ, người ta mới nức lòng ra lo việc với đời. Ở chốn hương-thôn được hưởng những quyền-lợi danh-dự ấy là ai ? là người có chân làm lý-trưởng vậy. Cho nên mới có người chịu ra làm lý-trưởng với dân, chẳng có ai dại gì mất trăm mất ngàn tranh nhau ra làm cái chức không lương, để hứng lấy cái khổ nhục « đầu chầy đít thớt » ấy, mang lấy cái lo sợ « quyền rơm vạ đá » ấy.

Nay trong dân có ai đã được phần biếu, thời cũng đã tốn biết bao nhiêu công-của khó-nhọc rồi, nếu dân làng lại vô-cố mà cất phần biếu đi, thời khác nào như người làm quan bị tội cách-chức phạt-bổng. Đã cất phần biếu thời mất cả vị-thứ chân quan-viên, hồ-thẹn biết dường nào. Chẳng những thế, « rậu đồ bìm leo », ai cũng khinh-bỉ, rồi người ta bắt-nạt mất cả đến cơ-nghiệp. Vì-dù miếng phần biếu ấy là một khẩu trầu, thời cũng phải mất trăm mất ngàn mà đi kiện lấy bằng được, là chủ-ý giữ lấy quyền-lợi, lấy danh-giá, lấy cơ-nghiệp, chớ không phải tham ăn. Nên biết câu phương-ngôn này là câu cổ-nhân nói khích-khuyến để người ta ra lo việc với dân, không phải là câu nói mỉa-mai xôi thịt. Những người không ở nhà quê không hiểu tục dân mà cười, là không phải. Nhưng nay đồi đồ biếu bằng trầu cau, thời không ai còn cười được nữa.

Xem thế biết rằng rồi ra ta cũng có ngày cải-lương phong-tục, tục cũ bỏ đi nhiều, duy tục phần biếu vị-thứ thời không bỏ được. Nếu bỏ đi thời chẳng ai chịu ra làm tổng-lý nữa, mà dân làng rồi không có trật-tự, rối bét bòng-bong.

3. — Phương - ngôn : Sống lâu hơn ở sạch.

Câu này là có người đang lúc đau-

yếu cũng cứ năng tắm gội sạch-sẽ quá, để nhọc mệt thêm bệnh. Như là bệnh lên đậu, lên sởi, cùng là bệnh cúm, bệnh ghíp ấy, mà tắm nước, thời có khi chết cũng nên. Vậy cổ-nhân răn thế. Chớ không phải nghĩa khi bệnh-tật không nên sạch-sẽ để được sống lâu. Này lúc có bệnh lại càng nên ở sạch lắm mới được chóng khỏi. Có người xem thấy câu ấy bảo tục ta quen ở bẩn, thế thời không được nghe câu : «Ăn có sở ở có nơi, khó cho sạch rách cho thơm » Mấy câu ấy lời nói giản mà ý-nghĩa thật nhiều, đem thích nghĩa ra thành mấy chục trang giấy đó.

4. — Phương-ngôn : Khỏi nhà ra thất-nghiệp.

Nghĩa là mình ở nhà mình, cái gì cũng được tùy-ý tự-do ; đi ra ngoài, chỗ ăn chỗ nằm, khi tắm khi gội, nhiều cái không được tự-do, khó chịu, hình như người thất-nghiệp. Cổ nhân bảo thế để cho ta biết rằng hễ đi ra ngoài thời phải phòng-bị, đem đủ những đồ cần-dùng. Chớ không phải nghĩa đi ra ngoài khó làm-ăn đâu. Này người ta hễ có chịu khó đi xa buôn bán thời mới lịch-duyệt khôn-ngoan, làm nên giầu có. Xem như câu : «Gà quê ăn quần cối xay», và câu: « Khôn-ngoan đi kiếm ăn ngoài, mạt-kiếp đời người chỉ kiếm-ăn quanh », thời biết.

Phương-ngôn tục-ngữ ta, nhận sai ý-nghĩa còn nhiều, đây tôi hãy thích mấy câu ở trong quyển « Phương-ngôn-chú-thích» của tôi ra, rồi sau xin đem cả toàn-quyển chất-chính cùng các ngài xem báo.

5. — Luận-ngữ : Bất tại kỳ vị bất mưu kỳ chính.

不在其位不謀其政

Vị là ngôi quan, chính là công-việc. Nghĩa là chẳng là chức-vị quan ấy thời chẳng mưu-nghị đến chức-việc quan ấy. Đại-khái như mình làm quan bộ hình thời chỉ biết việc bộ hình, chẳng dự gì đến việc bộ binh mà bàn, mình làm quan bộ binh thời chỉ biết việc bộ binh, chẳng biết đâu đến việc bộ hộ mà bàn, vân vân. Chớ không phải nghĩa như nhật-báo Tàu họ bảo rằng : «Dân không làm quan thời mặc việc chính trị nhà-nước, chẳng dự đến.» Xem như sách *Tả-truyện* rằng : « Gái góa chẳng lo tơ chỉ thiếu, chỉ lo nhà Chu suy ; » ông Cố Đình-Lâm rằng : « Thiên-hạ mất hay là còn, dẫu người phu hèn cũng dự có trách-nhiệm, » thời biết. Cho nên đức Khổng-phu-tử cùng các môn đệ nhiều lúc chẳng làm quan gì, mà bàn-luận biết bao nhiêu là chính-trị các nước

6. — Thiên-hạ hữu-đạo, thứ-nhân bất nghị

天下有道庶人不議

Thứ-nhân nghĩa là hạ-chúng, cũng như nay ta gọi là hạ-lưu. Đã là hạ-lưu thời dốt nát còn biết gì nữa mà bàn việc nhà-nước. Cho nên đức Thánh nói rằng khi thiên-hạ có đạo thời kẻ thứ-nhân không được bàn, mà ngài không bảo rằng kẻ sĩ không được bàn, là kẻ sĩ có học-thức mới bàn được. Ở đời Tam-đại học-trò có trách-nhiệm được nói, đến cuối đời Hán các quan tức-giận học-trò bàn chê, bắt tội đảng-cố, từ ấy học-trò mới không dám nghị gì đến việc triều-đình.

7. — Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi.

民可使由之不可使知之

Dân nghĩa là « manh nhi vô-thức », là non-nớt chẳng biết gì. (Tự-điển có thích nghĩa chữ dân thế). Cho nên đức Khổng-tử rằng : «Những người dân ấy, chỉ hay dạy cho họ nghe lời ta, họ theo họ làm đó mà thôi, chớ cái ý-nghĩa sở-dĩ nhiên làm sao mà nên theo thế, thời khó lòng mà dạy cho mọi người đều hiểu

cả được. Vì cái thế nó sử-nhiên, bao giờ bậc trung-lưu cũng ít, bậc hạ-lưu thời nhiều. Cũng giống câu : «Trung-nhân dĩ thượng khả dĩ ngữ thượng, trung-nhân dĩ hạ bất khả dĩ ngữ thượng» (中人以上可以語上, 中人以下不可以語上) ấy. Lại ví như dạy đánh chữ giây-thép, dạy cầm máy hỏa-xa, thời ai cũng học được, nhưng sở-dĩ làm sao mà giây thép truyền nhanh, hỏa-xa chạy chóng, thời khó bảo cho ai cũng đều hiểu cái lẽ được: cho nên chữ «khả» này nên coi như là chữ «năng» ; chữ « bất khả » này nên coi như là chữ « bất năng », hoặc như là chữ «nan» ấy, thời mới khỏi sai nghĩa sách. Chớ không phải như nghĩa nhật-báo Tầu họ cho chữ « khả » giống nghĩa chữ « nghi 宜 » ấy. Ôi ! đức Thánh ngài đang mong cho thiên-hạ « đại-đồng » 大同, có lẽ nào ngài lại hiểm giấu làm ngu dân hay sao ?

8. — Việc thần, việc chết.

Ông Tử-Lộ hỏi việc thờ thần. Đức Khổng-tử rằng: «Chưa hay được việc thờ người thời sao hay được việc thờ thần.» Lại hỏi việc chết. Đức Khổng-tử rằng, « Chưa biết được việc sống thời sao biết được việc chết » (子路問事鬼神子曰未能事人焉能事鬼敢問死子曰未知生焉知死.)

Nay xem bốn chữ « sao hay, sao biết » thời cũng giống như ta bảo rằng chưa biết được việc nọ thời sao hay biết được việc kia, là việc nọ thế nào thời việc kia cũng vậy.

Ông Tử-Lộ nghe hiểu rồi, nên ông ấy không hỏi lại nữa. Lại xem như ngài rằng : « Thờ thần kính mà xa ra, không phải thần nhà mình mà mình cũng cúng là siểm-nịnh đó. » Lại xem như ông Tử-Cống hỏi : «Người ta chết rồi có biết gì không hay là chẳng biết gì ? » Ngài đáp rằng : «Ta bảo rằng có biết, thời e người hiếu-tử chết theo cha mẹ cả, ta bảo rằng không biết gì, thời e người bất-hiếu bỏ cha mẹ chết mà không chôn, thôi điều ấy không cần, sau ngươi tự-khắc biết. » Xem thế thời Khổng-phu-tử ngài bảo việc thờ thần và việc chết rõ lắm vậy.

Tóm lại, chữ « thần » ngài nói là trỏ vào tổ-tiên, cũng giống câu phương-ngôn ta : « Bụt chùa nhà chẳng thiêng ; chẳng cầu bụt trong nhà, lại đi cầu ma ngoài đường. » Ngài nói việc chết thời cũng giống câu phương-ngôn ta : « Sống khôn chết thiêng, dương sao âm vậy. » Khôn là như những bậc thánh-hiền quân-tử, anh-hùng hào-kiệt, trung-hiếu tiết-nghĩa, đạo-đức văn-chương, vân vân. Những bậc ấy thời chỉ cái thể-phách chết thôi, còn cái linh-hồn tinh-anh sống mãi vô-cùng, không đời nào tiêu-duyệt được. Nhật-báo Tầu họ cho nghĩa rằng ngài bảo ngài không biết việc thờ thần và việc chết ra thế nào, nếu thế thời chữ «vị năng sự nhân » và chữ « vị tri sinh » ở trên, chẳng hóa ra ngài bảo ngài không biết đạo thờ người và không biết đạo sống làm người thế nào rư ?

Bốn nghĩa trên ấy các người tân-học Trung-hoa duy-tân quá hóa ra lầm, tôi không dám theo.

9. — Quách Cự chôn con.

Nay xét Quách Cự bán con đó, có chôn con đâu. Chỉ tại người chép truyện trước nghe lầm chữ *Mại* (賣) ra làm chữ *Mai* (埋), làm cho đời sau kẻ khen người chê mãi. Ông huyện Ngô Vi-Lâm ở Nam-định đã hai lần bạch nghĩa đăng ở báo-chương, nhưng ông không dẫn sách, nên còn có người ngờ là ông cưỡng-giải, để cứu lấy chữ từ. Nay bất-tất phải xem sách nào cho lâu, cứ giở quyển Lịch Tầu ra mà xem thời biết. Nhưng từ đời ông Cự đến nay đã cách hằng hai ngàn năm, cũng chưa thấy có ai nghe lầm mà dám bắt chước chôn sống con.

10. — Một bọc trăm trứng

Quốc-sử chép ông Lạc-Long lấy bà Âu-Cơ, đẻ một bọc trăm trứng, thành một trăm con trai. Ông Lạc-Long trăm con là nhiều bà sinh, không phải một mình bà Âu-Cơ. Nói rằng một bọc là ý đồng-bào để biết yêu-quí nhau, cho nên tục ta nay dẫu con thứ-thiếp bao nhiêu người cũng gọi đích-mẫu bằng mẹ cả, mà anh em dị-bào cũng gọi nhau bằng bào-huynh bào-đệ cả. Vả đời thượng-cổ hay lấy việc thần-quyền dạy dân, dẫu nước nào cũng vậy. Còn một người trăm con là sự thường. Bản-triều vua Hiển-tôn, vua Thánh-tổ, gần đây đức ông Thọ-Xuân-vương đều ngoại một trăm con cả, chẳng có lạ gì.

11. — Con rồng cháu tiên

Bà cụ tổ nước ta tên là Vụ-Tiên, ông vua cha tên là Lạc Long, cho nên nay chúng ta tự-xưng làm con rồng cháu tiên, chớ không phải rồng thật tiên thật. Một trăm con nửa cho ở mạn rừng, nửa cho ở mạn bể, người sau thấy chữ bể chữ rồng, bảo ngay rằng một nửa xuống ở dưới nước thủy-phủ. Bà Âu-Cơ là con vua Đế-Lai, lấy ông Lạc-Long là chú cháu tái-tụng lấy nhau, có phải ở dưới nước đâu.

12. — Xích-Quỉ

Cổ-sử có bản chép rằng xưa vua Kinh-Dương đặt tên nước ta là Xích-Quỉ. Các cụ chép thế chân-thật quá. Kinh-Dương Lạc-Long hai đời ấy cũng như một người tù-trưởng, đã có ra vua ra nước gì đâu mà có quốc-hiệu. Vả lại cổ-lai chẳng có ai lại tự đặt tên làm « thằng quỉ đỏ » bao giờ. Xích-Quỉ là người Tầu họ gọi mình. Tầu họ vốn tính kiêu-căng, chỉ tự-tôn một nước mình làm trung-quốc, làm thiên-triều, làm dòng-giống thần-thánh, còn các nước bên ngoài thời họ cho làm ma-quỉ mán-mọi cả. Tây thuộc sắc trắng, thời họ gọi các nước phương Tây làm « bạch-quỉ », làm « tây-nhung ». Nam thuộc sắc đỏ, thời họ gọi các nước phương Nam làm « xích-quỉ », làm « nam-man ». Ta thấy họ gọi thế đồ ngay là ông quốc-tổ mình đặt, đem chép ngay vào Sử. Nay Tầu họ còn có một quyển sách *Vạn-bảo-toàn-thư*, chép rằng : « An-nam là dòng-giống hồ-khuyển. » Thế cũng tin mà nhận thật rư? Quyển sách ấy ý chừng họ mới soạn ra năm đánh thua trận Mã-An hay là năm đánh trận Đống-Đa thời phải.

13. — Văn-lang mười lăm bộ

Xưa vua Hùng-vương chia trong nước Văn-lang làm mười-lăm bộ, Quốc-sử gán mười lăm bộ vào những địa-phận nước ta hiện-thì bây giờ. Nay xét, như Văn-lang, Phúc-lộc, Chu-diên ba bộ nhỏ thế mà gán vào một tỉnh Sơn-tây trước, Hưng-hóa, Tuyên-quang hai tỉnh trước lớn thế mà bảo là một bộ Tân-hưng, thời đều không có lẽ. Thiết-tưởng Phúc-lộc, Chu-diên cũng là hai huyện nhỏ như là huyện Mí-linh ở trong bộ Văn-lang đời ấy mà thôi, không gọi làm một bộ được. Như giả-sử chép thời thường phải, giả-sử không có Phúc-lộc, Chu-diên và Bình-văn, mà thêm Quảng-đông, Quảng-tây, Ai-lao. Như Ai-lao thời chưa tra được đích, còn Lưỡng-Quảng thời quả phải rồi. Nguyên bên Lưỡng-Quảng và Quí-châu có 16 phủ huyện, các Địa-Chí Tầu đều chép rõ rằng nguyên đất cũ của Giao-chỉ. Thế thời mười lăm bộ đời Hùng chỉ chắc có Việt-thường, Cửu-chân, Dương-tuyền, Võ-ninh, Văn-lang, Giao-chỉ mấy bộ ấy ở địa-phận nước ta này, còn thời đến một nửa ở địa-phận Lưỡng-Quảng. Sử xưa không biết cương-giới, không chịu khuyết-nghi, chỉ ức-đạc biên chép. Xem như mười hai châu trong phủ An-nam-đô-hộ đời Đường, sử Tầu đã chép, mà sử ta còn chẳng kê-cứu ra,

huống-chi mười lăm bộ đời Hùng, sử Tầu không biết đến.

14 — Hùng-vương mười tám đời

Quốc-sử chép vua nước ta ông thứ nhất là Kinh-Dương-vương, ông thứ hai là Lạc-Long-quân, rồi đến mười tám đời Hùng-vương, tại vị cộng 2622 năm. Thế là mỗi vua tại-vị một trăm ba mươi năm linh ; tại-vị lâu đời thế thời ai cũng phải ngờ. Có người rằng : « Sách *Sáng-thế-ký* Âu-châu nói rằng : « Đời thượng-cổ sống lâu tới 6, 7 trăm năm », chẳng những một sách ấy nói thế, sách thuốc họ Hợp-Tín nước Anh mới soạn ra đời nay cũng nói : « Người đời xưa sống hằng và trăm tuổi. » Như thế thời họ Hồng-Bàng mỗi vua tại-vị lâu thế cũng có lẽ. Hỏi, thế thời các vua bên Tầu sao không thấy ông nào tại-vị lâu thế ? Rằng, đại-phàm người ta hễ dùng trí-khôn và phải lo sợ thời tổn-thọ, các vua Tầu như từ vua Hoàng-Đế trở xuống làm biết bao nhiêu là công - việc thiên - hạ, đến đời Chu chế - tác đã cực-kỳ hoàn-toàn. Đời Hoàng-đế đã có giặc Suy-Vưu, đời Đường-Ngu có giặc Tam-Miêu, nào đại-thủy chín năm, nào đại-hạn bảy năm, còn biến-loạn luôn-luôn, sử không xiết chép. Vua Tầu dùng trí khôn và phải lo sợ như thế, nên ít được hưởng-thọ. Nhược-bằng họ Hồng-Bàng nước ta, phong-tục chất-phác, dân-sự yên-ổn, ông vua trừ ngoại việc dạy dân cày ruộng đánh cá ra, còn chẳng phải lo sợ gì hình-thể tinh-thần đều được hoàn-toàn, lẽ nào mà chẳng thượng-thọ. Song các vua Tầu trước vua Hùng-vương như vua Thần-Nông tại-vị một trăm bốn mươi năm, đồng-thời với vua Hùng-vương như Hoàng-đế Đường-Nghiêu tại-vị một trăm năm chẵn, Thiếu - Hiệu, Chuyên-Úc, Cao-Tân các đời ấy cũng tại vị bảy tám mươi năm, ở nước ta như vua Triệu-Đà sau đời Thục cũng thọ đến một trăm hai mươi mốt tuổi. Thế thời các vua Hùng tại-vị lâu thế cũng phải lẽ.

Một người rằng : Dưới vua Lạc-Long trên vua Hùng-vương thứ nhất, tất còn có nhiều vua nữa, duy lâu đời quên mất tên, từ Hùng-vương thứ nhất trở xuống cứ lấy số mục đặt tên hiệu cho nên dễ nhớ mà biên chép được. Nay tại đền Hùng-sơn còn một câu-đối cung-tiến kể Hùng-vương phàm bốn-mươi-hai đời. Thế thời Hùng-vương mỗi vua tại có sáu mươi linh hai ba năm. Lời ấy có khi phải lầm, tiếc rằng không biết tác-giả kê-cứu ở sách nào. Câu đối biên sau này :

Nhị thiên lục bách dư niên, dữ Đường Ngu Thương Chu nhi thượng tỉ long, Cổ Việt Hồng Bàng khai tịch.

二千六百餘年與唐虞商周而上比隆古越鴻厖開闢.

Tứ thập nhị truyền hiền hiệu, lịch Đinh Lý Trần Lê hất kim sùng tự, tam hà ngũ lĩnh cao thâm.

四十二傳顯號歷丁李陳黎迄今崇祀三河五嶺高深.

15. — Thục An-Dương-vương

Quốc-sử chép Thục An-Dương là người đất Ba-thục, đánh duyệt đời Hùng-vương, đổi quốc-hiệu Văn-lang làm Âu-lạc. Xem sự-tích bách-thần các tỉnh đường ngược, thời ông Thục An-Dương trước đánh nhau với vua Hùng-vương thứ mười-tám bị thua, sau kéo quân từ Ai-lao ra đóng chật cả Mai-châu Mộc-châu nhiều lắm. Ông Nguyễn Công-Tuấn là rể vua (nay ta gọi là thần Tản-viên) khuyên vua Hùng rằng Thục cũng là họ Hồng-Bàng với ta, thời nên nhường ngôi để khỏi hại dân, vua Hùng nghe lời, bèn cùng ông Tuấn lên ở núi Tản-viên, vua Thục cảm ơn, mới lập đền Hùng và đền Tản, lại phong lại dùng cho các quan cũ nhiều.

Nay xét Quốc-sử chép như trên ấy thế, là chừng thấy quân Thục kéo ở mặt Tây-lâm Vĩnh-phong hai huyện ở tỉnh Quí-châu Tầu ra (hai huyện ấy nguyên đất của Giao-chỉ ta) gần mạn Tứ-xuyên là đất Ba-thục, lại vua An-Dương họ là Thục, cho nên bảo là người Ba-thục. Song vua Thục nếu phải là người Ba-thục thời là người Tầu, sử Tầu đã chép, nay xét sử Tầu không biết đâu đến việc Thục. Vả lại Thục đổi quốc-hiệu làm Âu-lạc, vương đặt hiệu làm An-Dương, vẫn phỏng chữ Lạc-Long chữ Kinh-Dương, thời biết Thục cũng là một họ Hồng-bàng, sự-tích bách-thần chép phải.

16. — Cương-giới Văn-lang ta xưa

Quốc-sử chép cương-giới nước ta đời Hùng, tây giáp đất Ba-thục, bắc đến hồ Động-đình. Nay xem nước ta mặt tây với Ba-thục còn cách một tỉnh Quí-châu, mặt bắc từ dẫy núi Ngũ-lĩnh dĩ bắc đến Động-đình còn cách một tỉnh Hồ-nam nữa. Thế mà Sử chép như trên ấy thế, ai xem cũng phải cho là lời vu-khoát thật. Song có xem các Địa-chí Tầu và xét tình-thế đời Hùng, thời mới biết Quốc-Sử chép thế là phải. Nguyên châu Vĩnh-phong và huyện Tây-lâm thuộc tỉnh Quí châu Tầu nay là đất của ta (Vĩnh-phong nhà Tống chiếm của ta, tường sách *Đại-Thanh-nhất-thống-chí-tập-yếu*. Tây-lâm là Hồ Quí-Ly lễ đút nhà Minh), Quí-châu giáp Tứ-xuyên, Tứ-xuyên tức là Ba-thục xưa. Còn mặt bắc, thời ở đời Hùng từ núi Ngũ-lĩnh đến hồ Động-đình, chưa có nước nào vua nào cả. Vua Hùng lập-quốc ở phương nam này ngoại ngàn năm, rồi ở Động-đình mới có người Hung-Dịch lập nên thành nước Sở. Thế thời khi Động-đình chưa có ai cai-trị, Vua Kinh-Dương quê vợ ở Động-đình sinh ra vua Lạc-Long, hai ông ấy nhận lấy đất thê-hương mẫu-quán làm bờ-cõi mình cũng chẳng ai ngăn giữ. Con cháu sau nhớ tương-truyền lại thế, nên Quốc-Sử cũng theo mà chép vậy.

17. — Nam-Việt

Nước Việt-Nam ta nay, ai cũng biết rằng cùng với Lưỡng-Quảng Tầu nay, ngày xưa nguyên làm một nước. Nhưng lại bảo rằng xưa nước ta cũng là một nước nhỏ linh-tinh ở trong đám Bách-Việt, đến đời Triệu-Đà mới thu-hợp lại làm một nước lớn. Nói thế thời không xem các sách Tầu. Sách *Văn-hiến-thông-khảo* rằng: « Đời Đường Ngu phân thiên-hạ làm chín châu, mà Nam-Việt chẳng dự vào châu nào Đời Tam-Đại đặt thiên-hạ ra từng chức-phương, mà Nam-Việt chẳng liệt vào chức gì. Lưỡng-Quảng chỉ trừ Nam-hùng, Huệ-châu, Triều-châu ba phủ ra là đất của Tam-Miêu, còn thời là đất của Nam-Việt Bách-Việt cả. »

Lại nên nhận hai bài biểu-sớ sau này thời lại càng rõ nữa.

Đời Hán, bài biểu Chu-Sưởng có câu rằng: « Giao-chỉ là cái nêu Bách-Việt, xin đặt chức Phương-bá ở đó. 交趾百粵之表請設方伯.» Ta thử nhận chữ « nêu » xem. Đời Ngô, bài sớ Tiết Kính-Văn có câu rằng « Triệu-Đà đánh phục được ông vua Bạch-Việt tại phía nam quận Châu-quan ấy (趙陀懷服百粵之君在珠官之南者). Nay xét Châu-quan là Liêm-châu Lôi-châu hai phủ bên Quảng-đông giáp nước ta, thế thời phía nam Châu-quan chẳng phải nước ta nay còn là nước nào? Vua Bách-Việt chẳng phải ông Thục An-Dương ở Cổ-loa lại còn là ông vua nào? Xem thế thời Lưỡng-Quảng nay vẫn thuộc Việt-nam từ xưa làm một nước, không phải đến đời Triệu Đà mới thu-hợp làm một vậy.

18. — Đời Tần lập ba quận.

Sử Tầu sử ta có chép rằng đời nhà Tần sang đánh Bách-Việt, chia ra làm ba quận, một rằng quận Nam-hải là Quảng-đông nay, hai rằng quận Quế-lâm là Quảng-tây nay, ba rằng quận Tượng là từ tỉnh Quảng-nam ta đến Liêm-châu, Lôi-châu, Tư-ân, Khánh-viễn, bốn phủ bên Lưỡng-Quảng Tầu nay. Song xét ra, Tần mới lấy được có quận Nam-hải cho Nhâm Ngao làm quan úy, Triệu Đà làm quan lệnh đó, rồi đại-tướng là Đồ Thư bị tử-trận, Quế-lâm và Tượng mới chỉ đặt giấy không, nhà Tần chưa từng lấy được. Cho nên vua Thục mới được trị dân như cũ, đánh Nhâm Ngao Triệu Đà phải thua chạy về, Nhâm Ngao ốm chết, Triệu Đà nghe lời Nhâm Ngao di-chúc, phải giảng-hòa kết-hôn với Thục. Kịp hai năm sau nhà Tần loạn, Triệu Đà bội-ước đánh mất nhà Thục, tính được cả quận Quế-lâm và quận Tượng, rồi mới lên làm vua. (Quốc-sử, chữ Quế-lâm in lầm làm Lâm-ấp, cho nên ai cũng tưởng rằng nhà Tần lấy hết được cả Quảng-tây và nước ta nay). Thế là Triệu Đà lấy nước ta, chớ không phải nhà Tần lấy.

19. — Giao-chỉ Giao-châu.

Giao là Nam-giao, Chỉ là cơ-chỉ. Nghĩa là cơ-chỉ ở phương Nam. (Năm trước Tây-lịch 1110 vua Đường-Nghiêu sai ông Hi Thúc sang Nam-giao chiêm-nghiệm tiết-hậu và xét việc làm cho có thứ-tự). Các sách Tầu đều chép chữ chỉ 趾 là cơ-chỉ, duy có nhà chú-thích *Lễ-ký* viết chữ chỉ là ngón chân 趾, mà thích nghĩa là hai ngón chân giao soạc nhau. Ta có lầm người nghe các khách-trú, cũng tin nghĩa ấy, thỉnh-thoảng nom thấy có người ngón chân cái soạc, bảo rằng giống Giao-chỉ xưa hãy còn sót lại. Người thức-giả nghe phải phì cười. Là các nước đâu cũng gián-hoặc có người ngón chân thế là thường. Vả lại bà Trưng-vương lấy hai chữ Giao-chỉ đặt tên nước, vua Hán Võ-đế cũng lấy đặt tổng-danh một châu lớn mới, có lẽ nào lại nhân cái tên cũ nôm-na mách-qué ấy mà không bỏ đi ? Là Giao-chỉ là một bộ hữu-danh đầu cả Bách-Việt, cho nên hai đời ấy cứ nhân cũ mà không đổi lại.

Giao-chỉ, Giao-châu, địa-phận mỗi đời mỗi khác : Giao-chỉ đời Hùng không tra cứu sách nào biết từ đâu đến đâu được. Đời Hán chiếm thời từ tỉnh Nam-định ta nay đến Tư-ân Khánh-viễn phàm mười bốn phủ huyện Lưỡng-Quảng Tầu nay làm quận Giao-chỉ ; từ tỉnh Quảng-nam ta nay đến toàn cả Lưỡng-Quảng Tầu nay làm bộ Giao-chỉ (trừ hai quận Châu-nhai Đam-nhĩ là Hải-nam ra). Đời Hán Hiến-đế, người nước ta là ông Sĩ-Nhiếp làm quan thái-thú quận Giao-chỉ, muốn nước nhà được bình-đẳng với các châu bên Tầu, mới cùng quan thứ-sử là Trương Tân biểu xin Giao-chỉ đổi tên làm Giao-châu ; thời từ núi Hoành-sơn tỉnh Hà-tĩnh ta nay đến cả Lưỡng-Quảng làm Giao-châu (từ Hoành-sơn trở vào đến Quảng-nam, ông Khu-Liên đã độc-lập làm nước Lâm-ấp Chiêm-thành rồi). Đời Ngô Tôn-Hiệu, từ núi Hoành-sơn trở ra huyện Lục-Xuyên và huyện Dung ở tỉnh Quảng-tây nay làm Giao-châu. Đời Tấn lại lấy thêm Lôi-châu Liêm-châu Quỳnh-châu ba phủ làm Giao-châu. Đời Đường Cao-tôn bỏ tên Giao-châu, chia từ phủ Khánh-viễn đến Hoành-sơn ta làm An-nam-đô-hộ-phủ, trong phủ đặt làm mười hai châu, lấy Hà-nội, Hà-đông, Hà-nam, Nam-định, Thái-bình, Hưng-an, Bắc-giang nay làm Giao-châu. Đến đời Đinh nước ta thời còn gọi Hà-đông Hà-nội Hà-nam nay làm Giao-châu. Ấy Giao-chỉ Giao-châu mỗi đời canh-cải như thế.

20. — Chiêm-thành.

Nước Chiêm-thành địa-phận từ bên

nam Hoành-sơn đến phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam nay. Nguyên là một bộ Việt-thường đời Hùng. Hồi đời Triệu lấy thuộc vào quận Cửu-chân, đời Hán đặt làm quận Nhật-nam. Đến đời Hán Thuận-Đế khoảng năm Tây-lịch 136, ông Khu-Liên đánh lại quân Hán, độc-lập làm nước Lâm-ấp, sau lấy thêm được nước Hồ-tôn là từ Quảng-nghĩa đến tỉnh Bình-thuận nay, đổi tên làm nước Chiêm-thành. Bách-thần sự-tích có chép rằng : « Hồng-bàng trước ở Ngũ - lĩnh, sau ở Nghĩa - lĩnh (Hùng-sơn), trước ở Việt-thường, sau ở Việt-trì. » Lại rằng : « Họ Hồng-bàng có một chi họ tên là Hùng-bảo vào ở trong Việt-thường. » Xem các tích trên ấy thời Chiêm-thành cũng là đất nước Hồng-bàng, dòng giống Hồng-bàng, có phải là đất nào giống nào đâu. Duy Chiêm-thành từ khi độc-lập thời cứ đánh các quận ngoài này, cự lại với Tầu, mà lại ở gần nước Phù-nam (tức là Nam-kỳ nay, mà xưa Cao-miên kiêm-tính), nước Cao-miên, thông-hiếu đi lại với hai nước ấy ; cho nên không nhiễm văn-hóa Tầu mà lại nhiễm văn-hóa Cao-miên, là văn-hóa gốc từ nước Ấn-độ. Ta thấy họ ngôn-ngữ phong - tục khác ta, ta cũng có tính kiêu-căng giống Tầu, cho ngay họ làm loài mán-mọi, không biết rằng Chiêm-thành nhỏ thế mà độc-lập trước ta tám chín trăm năm, giữ nước lâu dài hơn ngàn rưởi năm, là văn-minh hơn ta. Chỉ vì ta hiệp-lực với Tầu đánh mãi họ suy-nhược dần. Nay mất cái hiệu nước Chiêm-thành rồi, chớ cái dòng-giống Chiêm-thành vẫn còn ở đó.

Nói tóm lại, từ Ngũ-lĩnh đến nước ta nay, vẫn nguyên làm một, Bách Việt, Nam-Việt, Lĩnh-nam, Giao-chỉ, Giao-châu, sau Tầu chiếm mất đến đâu thời gọi là đất Tầu người Tầu, ta giữ được từ đâu thời gọi là đất Nam-Việt người Nam-Việt, ngôn-ngữ phong-tục nơi nào giống ta thời gọi là người Kinh, người Hán, nơi nào khác ta thời gọi là Thổ, Mán, Mường, Mọi, Thai, Hời, chớ vẫn là một giống cả. Xem ngay các biên-viễn Bắc-kỳ như Cao, Lạng, Tuyên, Thái, Hà-giang, Lào-nhai, vân vân, đều nói tiếng Quảng-tây cả, có lẽ nào ta lại chiếm được đất được dân của Tầu.

Chúng tôi nói mấy đoạn trên ấy tự-hồ như nói nghĩa chủng-loại, nhưng không phải. Nay phong-khí ngày mở, trí-khôn ngày rạng, đã vỡ hết cái nghĩa « tứ-hải huynh-đệ, dân dai ngô-bào » rồi. Hễ đã được cùng làm một loài người với nhau là quí-báu nhau, còn phân-biệt gì chủng-loại nữa. Vả cái thế cũng chẳng phân-biệt được, hội này là hội thiên-hạ đại-đồng, năm châu họp chợ. Trắng, vàng, đen, đỏ, nhem, nâu, dần-dần pha lẫn với nhau một mầu, kể gì Á, Mĩ, Phi, Âu !

21. — Tượng Mã-Viện bên Khâm-Châu

Ở phố Đông - hưng bên Khâm-châu tỉnh Quảng-đông có một đền thờ Mã-Viện, tạc tượng một tay nắm bới tóc một người, một tay giơ thanh kiếm chém, ta nom thấy ai cũng tức giận rằng người xứ ấy làm nhục ta. Tôi bảo rằng không phải ý làm nhục ta. Nguyên hồi Mã-Viện sang đánh nhau với bà Trưng-vương là thế-kỷ thứ nhất, chỉ người Tầu có bới tóc, ta còn gọt đầu đã bới tóc đâu. Mãi đến thế-kỷ 15, nhà Minh sang chiếm ta 21 năm, cấm ta gọt đầu, ta mới theo Tầu bới tóc (xem thế thời nay ta gọt đầu là phục-cổ, chưa phải duy-tân).

Tượng ấy tất hẳn nhà Mãn-Thanh mới tạc ra chừng đầu thế-kỷ 17 trở lại. Một là hồi nhà Thanh vào làm vua Tầu, bắt Tầu bỏ bới tóc gióc đuôi sam. Cái lệnh « ai muốn có đầu thời đừng có tóc, ai muốn có tóc thời đừng có đầu »

ấy, không thi-hành bắt được ta. Khâm-châu ấy ở kề nước ta, lại là đầu quận Hợp-phố đời Hán, hồi bà Trưng-vương độc-lập, quận Hợp-phố theo ta. Bởi vậy nhà Thanh e dân đó nom thấy bọn bới tóc này mà động lòng nhớ cũ, cho nên tạc tượng Mã-Viện ở Khâm-châu, làm cái gương chấn-áp dân xứ ấy.

Một là tượng ấy mới tạc ra khoảng năm 1864, là hồi ấy Hồng Tú - Toàn người huyện Hou tỉnh Quảng-đông cách-mệnh, hằng mấy trăm vạn quân cắt đuôi sam lại bới tóc, hạ được bảy tỉnh miền nam, đóng đô Kim-lăng, xưng hiệu Thiên-vương, thanh-thế lừng-lẫy 14 năm trời, người Tầu gọi là phát-tặc là giặc tóc. (Những người tân học Tầu làm báo, có chê rằng gọi thế chẳng hóa ra bảo tổ-tiên mình là giặc cả ư). Vì-thử hồi ấy nước Anh đừng cứu-viện cho nhà Thanh, người Hán đừng tận-trung với người Mãn, thời Tầu đã phục-quốc ngay từ bấy giờ rồi. Chừng khi phát-tặc ấy tan rồi, nhà Thanh mới tạc ngôi tượng ấy để đe-nạt dân Quảng-đông. Nếu phải thế thời khắp tỉnh Quảng-đông đều nên tạc tượng ấy, mà tượng thường lại có đuôi sam, không phải Mã-Viện.

Cái tượng ở Khâm-châu kia, Mã-Viện mà có thiêng, tất không khi nào dám giáng cái đền ấy, mà tất hối-hận cái việc đi bình Giao-chỉ. Vì rằng Mã-Viện nguyên người Quảng-đông là dân Bách-Việt, Nam-Việt, Giao-chỉ, Giao-châu. Bách-Việt, Nam-Việt, Giao-chỉ, Giao-châu thời tức là người Việt-Nam ta nay vậy. Quảng-đông là dân văn-vật, lại đi ra xa nhiều, lịch-duyệt lắm, há lại không biết nghĩa ấy ! Xem ở tỉnh-thành Quảng-đông còn có đền thờ hai bà Trưng kia mà ! (tường sách *An-nam chí-lược* của Lê Tắc). Cho nên biết rằng cái tượng Mã-Viện ở Khâm-châu quyết không phải người Quảng-đông tự tạc. Thế thời cái tượng ấy người xứ ấy nhục tức lắm, có can-hệ gì đến ta mà ta tức ! -- Nay nhân có truyện cái tóc mà ôn lại truyện đầu đuôi cái tóc. Thế kỷ 14 trở về trước người nước ta vốn gọt đầu, Tầu vốn bới tóc. Thế kỷ 15 Tầu cấm ta gọt đầu theo Tầu bới tóc. Thế-kỷ 17 Mãn cấm Tầu bới tóc theo Mãn gióc đuôi sam. Thế-kỷ 19 bảy tỉnh miền nam Tầu lại cắt đuôi sam, bới tóc ngược lên mười mấy năm trời, làm cho những người đuôi sam bối-rối. Thế-kỷ 20 này nước ta mới một ít phần phục-cổ bỏ bới tóc lại gọt đầu, mà Tầu cắt đuôi sam, Mãn cũng theo cắt đuôi sam. Đến năm nọ ở miền bắc Tầu lại có một ít phần đuôi sam thập-thò ra một tuần chủ-nhật rồi cụp.

Cái đầu, cái tóc, cái đuôi, quanh đi quẩn lại lôi-thôi nực cười ! Á-đông có một truyện cái tóc, mà dằng-dai đến bốn năm trăm năm, lại hại biết bao nhiêu vạn cái đầu chọc, cái bới tóc, cái đuôi sam ! Bây giờ cái đầu đã văn-minh rồi, thôi hẳn xong đứt đuôi câu truyện cái tóc !

Tùng-sơn PHẠM HUY-HỒ

TIỂU-THUYẾT

I

CHUYỆN CÔ CHIÊU-NHÌ

Cổ-nhân có câu cảnh-ngôn rằng : « Con nhà giầu hay xa-xỉ, con nhà sang hay kiêu-căng. » Thật như vậy, nhà giầu ăn tất cao-lương, mặc tất gấm-vóc, ở tất lâu-đài, đi tất xe ngựa, thị-dục ngày càng nhiều, dụng-độ ngày càng rộng ;

như thế muốn cho con em có thói cần-kiệm làm sao được. Thực chưa hề có dạy con xa-xỉ, mà xa-xỉ đã thành ra cái thói quen. Nhà sang gọi có người dạ, bảo có người vâng, nói dở không ai dám chê, làm dở không ai dám bẻ, tai chỉ nghe những tiếng phỉnh-nịnh, mắt chỉ trông những người su-phụ. Như thế mà muốn cho con em có thói khiêm-nhường làm sao được. Thực không hề dạy con kiêu-căng, mà kiêu-căng đã thành ra cái thiên-tính. Than ôi ! xa-xỉ tất là bại-gia, kiêu-căng tất là bại-đức ; vậy giầu sang là cái hạnh-phúc hiện-thời, biết đâu không phải là cái di-hoạn cho con cháu ! Cổ-thi có câu rằng :

Phú quí bất dâm bần tiện lạc,
Nam-nhi đáo thử thị hào-hùng.

Người không hào-hùng mà phú-quí, chẳng cũng nguy lắm ru ! Cho nên giáo-dục ở trong nhà nghèo-hèn thời dễ, giáo-dục ở trong nhà phú-quí thời khó. Nếu cho câu nói này là không thật, xin đọc câu cảnh-thế-tiểu-thuyết như sau này.

Ký-giả vốn là người Kinh-đô, nhân đi thiết-trướng và lưu-ngụ tỉnh xa, cứ mỗi ngày hưu-hạ, lại về câu-lưu ít ngày mà hưởng cái cố-viên phong-vị. Mới hơn mười năm nay, phong-khí mở-mang, việc đời thay-đổi, y quan đệ-trạch đều không còn cái quang-cảnh cựu-thời, khiến người lưu lãm mỗi nơi, đều có cái tích-kim quan-cảm.

Một hôm tôi với người bạn đi chơ các phố đã hơi mỏi, đưa nhau vào nghỉ trong một cái trà-lâu. Vừa ngồi, trông ra ngoài bao-lan, thấy người bạn tôi nói : « Kìa cô Chiêu-Nhì đã đến ! Cô Chiêu-Nhì đã đến ! » Mới nghe hai tiếng « Cô Chiêu », tôi tưởng là một vị nữ-công-tử nào, lạc-lối Đào-nguyên đâu mà đến đó, tôi cứ chú-ý mà xem. Ai ngờ bước vào là một con ăn-mày, chừng 30 tuổi, đầu bù tóc rối, mặt bủng da chì, quần không che đùi, yếm để hở ngực, tả-tơi như hoa gặp gió đã tàn, ủ-ám như trăng tuần mưa đã úa. Thế mà bước đi ưỡn-ẹo, vẫn ra cái phong-vận đại-gia. Một tay cầm mẩu « xì-gà » hút lấy hút để, một tay giắt đứa con chừng ba bốn tuổi, mặt mũi bẩn-thỉu, mới trông không biện là con nhà nào, đầu không có mũ, đít không có quần, mình đeo cái áo tướp như bươm-bướm.

Người con gái đi đến từng khách ngồi mà hỏi xin ; tiếng nói khê mà nhỏ như tiếng ve-sầu, mới nghe không rõ là nói gì. Người ta cho một đồng kẽm, không chịu lấy, cứ nằn-nì, đổi cho đồng su, mới nhặt lấy mà đi chỗ khác.

Tôi đang trông đang nghĩ, người bạn tôi vừa cười vừa nói : « Bác có muốn nghe cái lịch-sử cô Chiêu-Nhì này không ? » — Tôi cũng cười mà nói : « Có ». Nhân giót một chén nước chè đầy. Bạn tôi vừa dấp giọng vừa nói : « Cô này, lúc còn nhỏ, tôi biết, là con gái một nhà phú-quí, đây tôi không muốn nói tên, là để danh-dự cho một người tai mặt. Cô là con thứ hai, cho nên gọi là « Nhì ». Cha anh đều phát-đạt sớm, có danh-vọng thế-lực một thời, không may đều thất-lộc đi sớm ; chỉ còn có một mẹ hiền-lành quá, không có tư-cách giáo-dục. Hiếm-hoi chỉ còn một cô là con gái, nưng-niu như hòn ngọc trên tay, không nỡ để một chút gì cho trái ý con cả.

« Bấy giờ cô Chiêu còn nhỏ, đã có tính hay hỗng hay hờn, cả ngày chỉ hát hỗng cười đùa, mắng đày sai tớ, phàm trong nhà vá-may nấu-nướng không biết một việc gì. Năm 14, 15 tuổi đã biết vuốt-ve làm dáng, hộp son bình phấn, ấy là cái đồ nữ-tắc nữ-công. Mẹ thấy con hoa ướp hương xông, cũng ra ý mừng thầm : con trẻ đã ra vẻ người lớn. Gặp những ngày

thanh-minh trùng-cửu tất cho con sửa xe sắm ngựa, để đi khoe cái tốt cái đẹp với người.

« Từ bấy giờ cô Chiêu tính càng kiêu-ngoa, nết càng phóng-túng, nay chán thứ mặc cũ này, mai sắm thứ thời-trang khác, hết sức chua-ngoa, cùng-cực sa-sỉ. Không hội-hè đình-đám nào cô không đi xem ; không ngõ liễu đường hoa nào cô không đi giạo. Những lũ thiếu-niên hoàn-khóa ở hai bên đường, khêu cô bằng mắt, ghẹo cô bằng lời, cô càng ngẩm-nghĩa càng vui, lấy thế là người ta khen cô xinh cô đẹp. Cho đến phu-xe con hát không ai là không biết cô, tranh nhau đón rước chào mời, cô lại càng ra mặt hào, càng lên vẻ quí ; còn bao nhiêu lời vật-nghị cùng danh-tiếng ông cha, cô không đoái-hoài chi đến cả.

« Chẳng bao lâu, lời ve tiếng én nghe đã ỏi cả tai, người mẹ muốn làm thinh không được. Một tối chờ con đi chơi về, đuổi cả con ăn cái ở ra bên ngoài, sẽ gọi cô Chiêu đến mà nói : « Mẹ xem nay con đã lớn, chưa có chỗ xứng đôi, mà con cứ suồng-sã giong-chơi, không giữ giá con nhà, mẹ e không có người hay chuộng đến con nữa. Nay mẹ những lo đêm lo ngày vì con, nếu con không sửa đổi tính nết con đi thế nào, con để phiền cho mẹ mà cũng tự khổ cho con nữa. » Cô Chiêu nghe mấy lời từ-huấn, như gió thoảng ngoài tai, cứ thảng-nhiên, không cảm-động, lại bảo mẹ rằng : « *Gái có chồng như gông mang cổ* ; người ta ở đời ăn chơi cho thỏa, con ơn cha nhờ mẹ được no cơm lành áo, ấy là có phúc có phận, chồng mà làm gì. Mẹ, khóc nữa ! nào ai phiền-não mẹ, chẳng qua là mẹ tự cầu lấy phiền-não ! » Nói rồi, nguây-nguẩy đi về chỗ ngủ.

« Người mẹ nghe bấy nhiêu lời, biết con mình đọa-lạc đã sâu, không sao mà cứu-vớt được nữa, càng hối từ khi còn nhỏ mình quá yêu con mình chính mình hại con mình đó. Cứ một mình ưu-ưu uất-uất, đau ngấm đau ngầm, không được bao lâu mà chết. Lúc sắp chết còn cầm lấy tay con ứa hai hàng nước mắt ; muốn khuyên con hối-cải, song nói đã không nên lời, mà cô Chiêu cứ dạ sắt gan vàng, không đau cũng không ngứa.

« Khi người mẹ đã chết, cô càng không cố-kỵ gì nữa ; bao nhiêu của tư-trang đồ tế-nhuyễn cầm bán huy-hoắc cho hết. Nước bạc đã thạo, lược rượu cũng cao, tinh-thần ngày một hao-tổn, ngọc-thể ngày một vô-vàng ; lại mượn ả Phù-dung, để làm đồ bổ-trợ. Ngày đêm đi theo một chàng đăng-tử, như điên như dại, như mộng như say. Ít lâu, thấy mình đã có mang, trước còn cấm con ăn đứa ở không được hở-han ra ngoài. Sau nhân sự nhỏ-mọn trong nhà đánh chửi đứa đày tớ, tức mình nó đem cái bí-sử của cô mà tuyên-bố ra ngoài, tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa, thực cô đã đứng đầu con gái tự-do ở nhà Nam-Việt.

« Người trưởng-tộc nghe biết, giận lắm, bắt cô uống thuốc sổ, rồi đuổi cô ra khỏi nhà, nỡ nào để danh-giá một nhà trâm-anh ô-nhục vì một đứa con bất-tiếu. Bấy giờ cô Chiêu như bông liễu đã dính đất bùn, hoa thơm đã rơi lỗ hỗn ; bao nhiêu người khi trước được biết cô là vinh, đến bấy giờ lại lấy quen cô là nhục ; thấy bóng cô ai cũng lánh mặt, nghe tiếng cô ai cũng bĩu môm. Thương ôi ! vừa mới ngày nào thân vàng vóc ngọc, mĩ-miều thay ! một vị tuyệt-diệu giai-nhân, nay đã bẽ-bàng thay lá dụng hoa rơi, thành ra một cái uế vật trong đường, không ai thèm ngó đến !

« Đang lúc nghiêm-đông, mưa phùn gió bấc, đường vắng người đi, trời đen như

mực, cô Chiêu mình mặc cái áo bông rách, so-ro như con cò bị bão, đứng dưới đầu hè nhà người ta, ruột đói như cào, cơn nghiện vừa đến, đứng không vững, giựa mình vào tường mơ-màng trông thấy mẹ, mặt giận hầm hầm, như tức-tối vì thấy con không nghe lời di-chúc. Than ôi! nhớ-nhàng một giọt mưa sa, đường cùng thân gái biết là về đâu! Bất-đắc-dĩ, cô gõ cửa một cái nhà láng giềng cũ, xin ngủ nhờ một tối, sớm mai sẽ nhờ người tìm nơi cho mà đi ở vú. Nhà kia đánh lửa ra mà xem; biết là cô con gái nhà ông Mỗ bà Mỗ, tủm tỉm mà nói rằng: « Con nhà khuê-tú, sang-trọng đã quen, xưa nay chỉ biết sai người, nay chịu cho người sai sao được. Nhà chúng tôi đây không phải là lữ-quán, không dám dung quí nhân. » Nói rồi, tặng cô một bát cơm và mấy đồng tiền, mời cô đi chỗ khác.

« Cô Chiêu nghe bấy nhiêu lời mai-mỉa đau-đớn hổ-thẹn nghìn phần, vội lùi chân ra, vừa được mấy gian nhà, liền ngã xuống bên đường, mê mẩn không biết gì nữa.

« Đêm đã khuya, mưa đã tạnh, mây vừa quyến, trăng vừa lên, chợt nghe tiếng chân người từ xa lại gần, ấy là cái cứu-tinh của cô Chiêu đã đến. Khán-Xuân là một người phu-điếm trong phố, tuân lệ vừa đi tuần. Bên đường chợt thấy có thây người, lại gần mà xem là một người con gái. Sờ ngực còn có hơi thở, vội công ngay về điếm Lấy cơm mà sưởi, lấy nước cho uống; dần Cô Chiêu tỉnh lại. Khán-Xuân mừng lắm, hỏi nhân sao mà nằm đấy. — Cô-Chiêu nhân kể lể sự mình và có ý hối-hận, nghĩ mình sống không bằng chết, nay đã đội ơn cứu-tử, cam lòng kết-nghĩa ba-sinh. Khán-Xuân vốn là anh lạc-phách gặp cô Chiêu là ả hàng-cơm; hai bên liền kết bạn cùng giao, cũng là cái tiên-duyên túc-đế. Được một năm sinh được đứa con, cứ ban ngày Khán-Xuân đi làm tôi trong phố, cô Chiêu bế con đi ăn mày, tối tối lại về cùng hưởng cái tư-vị đoàn-viên nơi điếm-sở.

« Cái lịch-sử Cô Chiêu-Nhì kết-quả là thế, hồng-nhan mạt lộ nghĩ cũng nên thương, ai biết rõ câu truyện này, cũng đồng-thanh thái-tức. »

Tôi ham nghe câu truyện, trông ra trời đã chiều hôm. Tôi từ bạn về nhà, còn bâng-khuâng như có điều gì nghi-ngợi. Bên khêu đèn mà chép kỹ-càng, để bạn nữ-lưu đọc xem, cũng có điều cảnh-giới.

NGUYỄN BÁ-HỌC.

II

MỘT CÁI BI-KỊCH NGOÀI BỂ

(Tiểu-thuyết Pháp)

Mới rồi, ở các báo có đăng mấy giòng này:

« Tại cửa Bộ-long, ngày 22 tháng giêng. — Bản-báo nhận được tin sau này:

« Dân-cư ở bờ bể từ hai năm nay đã rất là khốn-đốn, bây giờ lại xảy ra một cái bi-kịch gớm-ghê, khiến cho ai nấy đều buồn-rầu. Chiếc thuyền đánh cá của lái Gia-viên, khi vào trong bến thời bị tạt sang phía tây, rồi đập vào rẫy đá cản sóng mà vỡ tan ra. Người ta đã hết sức bơi thuyền và bắn thừng ra cứu, nhưng không

công-hiệu gì, bốn người thủy-thủ và một tên thuyền-đồng bị chết.

« Sóng gió còn dữ-dội lắm, sợ rằng có sự chẳng may nữa. »

Chú lái Gia-viên là ai thế ? có phải là anh thằng cụt tay đó không ?

Người đáng-thương ấy bây-giờ đang bị cát vùi sóng rập, mà có khi đã chết ở dưới chiếc thuyền tan-nát kia rồi, nếu có phải là anh người mà tôi vừa nói đó, thời 18 năm nay anh ta đã chứng-kiến một cái bi - kịch khác, tuy rất tầm-thường mà cũng ghê-gớm như các bi-kịch xảy ra trên mặt bể vậy.

Chú Gia-viên bấy-giờ là chủ một chiếc thuyền lưới. Thuyền lưới là thuyền đánh cá tốt nhất. Vững-vàng không còn sợ gì phong - ba bão-táp, đáy thời tròn, tha-hồ cho sóng vỗ, rập-rềnh chìm-nổi như cái nút trai ; lúc nào cũng lênh-đênh trên mặt nước, lúc nào cũng chống với ngọn gió mặn ngoài bể Măng-sơ, đi lùng khắp mọi nơi, không lúc nào để không, cánh buồm căng gió, chiếc lưới kéo bên sườn ; cái lưới to rộng lắm, lặn-mò đáy bể, vơ-vét những hải-vật bám vào các hòn đá dưới bể, những loài cá giẹp nằm ép trên các bãi cát ngầm, những giống cua to mình-mẩy nặng-nề, chân càng cong-vắt, những giống tôm lớn râu-ria nhọn-hoắt.

Khi nào ngọn gió nhẹ-nhàng, làn sóng tăn-teo, thời chở thuyền ra đánh cá. Cái lưới buộc vào con sào to nạm sắt ; khi thả xuống nước thời thòng hai chiếc thừng buộc vào hai cái quận ở mũi và ở đuôi thuyền. Rồi chiếc thuyền theo chiều gió làn sóng mà ra xa bờ, lê-thê cái lưới ở đằng sau, quét sạch một vùng đáy bể.

Bữa đó trong thuyền có hai anh em Gia-viên, bốn người thủy-thủ với một tên thuyền-đồng. Một buổi trời êm sóng lặng, chiếc thuyền từ bến Bộ-long đi ra thả lưới. Chẳng mấy chốc, nổi cơn giông, chiếc thuyền vội-vàng chạy trốn, đi tạt về bờ bể bên nước Anh. Nhưng mà sóng lớn đập bờ, chồm lên trên đất, không sao vào bến được. Chiếc thuyền lại phải quay ra bể mà trở về phía đất Pháp. Nhưng bão vẫn còn mạnh, sóng to tiếng dữ, bọt nước đùn lên cuồn-cuộn, các bến thành ra những nơi nguy-hiểm không sao vào được. Lại phải quay ra, chạy trên lưng sóng, nổi chìm lên xuống, rập-rờn lướt-thướt, gió tạt sóng vùi, nhưng vẫn như điềm-nhiên mặc dầu, vì rằng xưa nay đã quen sóng gió như thế, có khi trong năm sáu ngày trời, chỉ lênh-đênh trong giữa khoảng hai nước Pháp Anh, mà không thể ẩn đậu vào bờ bên nào được. Về sau, đương lúc thuyền còn giữa bể, thời cơn bão ngớt đi, tuy rằng sóng còn to, mà chú lái cũng bảo thả lưới.

Thả lưới thời phải đem cái lưới to lớn như thế, vật qua bên này thuyền sang bên kia, hai người ở đằng mũi, hai người ở đằng lái, quay hai quận thừng cho thừng rẫn ra. Phút-chốc, lưới đà xuống đáy bể ; ngay lúc ấy thời ngọn sóng to làm nghiêng thuyền, Gia-viên-em đứng ở đầu thuyền, đương coi cho lưới xuống, cũng nghiêng người đi, và cánh tay bị cái giây thừng ban nãy trùng lại, rồi lại thẳng ra, kẹp chặt vào ven thuyền. Nó cố hết sức lấy tay kia nừng cái thừng lên ; nhưng lưới đã kéo đi rồi, mà cái thừng thời đã thẳng-băng, không trùng lại được nữa.

Đau quá, nó kêu lên. Mọi người đều chạy đến, Gia-viên-anh cũng bỏ tay lái, cùng xúm nhau đến chỗ nguy-cấp, để cố gỡ cho ra cái cánh tay. Hết sức không sao được. Một người thủy-thủ nói : « Phải cắt mới xong », rồi rút con dao rộng bản ở trong túi ra ; giá chỉ cắt hai nhát là cứu khỏi được cánh tay Gia-viên-em.

Nhưng cắt thừng thời mất lưới, mà lưới ấy thời đắt tiền, — nhiều tiền chớ không ít, một vạn rưỡi quan kia, — lưới ấy lại là của Gia-viên anh, Gia-viên-anh là người thiết của.

Trong lòng đau xót vì của, Gia-viên-anh, bèn kêu lên rằng : « Chớ, đừng cắt, thong-thả để ta lái lại đã. » Rồi hẳn chạy ra bành lái, lái quay lại.

Chiếc thuyền vẫn không chuyển, vì cái lưới đằng sau nặng quá, thuyền không thể quay đi được, mà sóng gió lại cứ kéo trôi đi.

Gia-viên-em ngã qui xuống, răng nghiến lại, con mắt thất-lạc, nhưng vẫn không nói gì hết. Anh nó lại chạy lại, vẫn sợ cái con dao của người thủy-thủ : « Thong-thả, thong-thả, chớ cắt, phải thả neo. »

Neo thả xuống, giây xích kéo hết rồi, quăng giây thừng để cho trùng giây lưới, giây lưới trùng lại, mới gỡ được cái cánh tay ra, thời đã cứng đờ ra rồi, mà tay áo đầm-đìa những máu.

Gia-viên-em hình như ngây-dại cả người, người ta cởi áo nó ra thấy một nắm thịt nát như tương, đụng đến máu bắn phọt ra chan-chứa như ở một cái « bơm » thụt ra vậy. Nó nhìn vào cánh tay mà lầm-bầm nói : « Hỏng ! »

Máu cứ chảy ra mãi, thành vũng ở trên ván thuyền, một tên thủy-thủ kêu lên rằng : « Máu chảy ra hết bây giờ, phải buộc mạch máu lại. »

Mấy người lấy một sợi giây to, mùi nâu, sơn hắc-ín, buộc lấy cánh tay ở trên chỗ thương và buộc chặt hết sức. Mạch máu bớt dần đi, rồi chỉ hẳn.

Gia-viên-em đứng giậy, cánh tay bỏ thòng-lòng bên cạnh. Nó lấy tay kia cầm lấy nhắc lên, xoay đi xoay lại mà rung xem. Thời ra đã nát bét cả, xương thời gẫy hết, chỉ còn có nắm thịt dính vào thân-thể mà thôi. Nó nhìn cánh tay, con mắt lờ-đờ ra dáng nghĩ-ngợi. Rồi ngồi lên trên cái buồm gập lại, các bạn khuyên nên lấy nước tầm luôn vào chỗ thương cho nó khỏi thối.

Họ để cho một thùng nước bên cạnh, chốc chốc lại lấy cái cốc nước trong thùng mà tưới vào vết thương ghê-gớm ấy. Anh nó bảo : « Mày xuống dưới khoang thời hơn. » Nhưng nó xuống độ một giờ nó lại lên, hình như ngồi một mình khó chịu, vả tính thích chỗ không-khoáng. Lại ra ngồi trên cái buồm, cứ lấy nước tưới vào cánh tay.

Hôm ấy đánh được nhiều cá, những cá to, bụng trắng như bạc, chất nằm thành đống ở bên cạnh, còn ngắc-ngoải giẫy chết. Nó mắt thời nhìn mà tay vẫn lấy nước tưới vào đống thịt nát bên tay.

Thuyền sắp về bến Bồ-long, thời trời lại nổi bão, lại phải chạy rông một hồi nữa. Ngọn sóng rập-rờn xô-đẩy, làm khổ người đau.

Đến đêm, trời vẫn gió bão cho đến sáng ngày. Rạng đông, lại trông thấy bờ nước Anh, nhưng bể đã hơi êm, cho nên thuyền lại đi ngược gió, quay về bên Pháp được. Đến chiều, Gia-viên-em gọi chúng bạn lại, và chỉ cho xem những vệt đen ở cánh tay, xem ra như thối cả rồi, các thủy-thủ đứng nhìn mà mỗi người nói một câu :

— Một anh nói : « Có lẽ thối thật. »

— Một anh nói : « Phải tưới nước mặn vào mới được. »

Bèn lấy nước mặn tưới lên chỗ đau. Người bị-thương sám-ngắt đi, nghiến răng lại, hơi quằn-quại, nhưng không kêu tiếng nào.

Khi bớt xót, nó nói với anh nó : « Cho mượn con dao. »

Anh nó đưa dao ra. Nó nói : « Anh cầm cánh tay này dơ thẳng lên, kéo ra. » Anh nó cứ theo lời nó bảo. Nó bèn cầm dao cắt lấy, cứ từ-từ mà cắt, ra dáng nghĩ-ngợi ; cắt thịt rồi cắt đến gân, cắt xong thời tay cụt, chỉ còn một nửa trên mà thôi. Nó bèn thở dài mà rằng : « Hỏng rồi, phải thế mới được. » Bấy giờ coi hình như bớt đau, thở hổn-hển. Rồi lại lấy nước tưới vào mẩu cánh tay còn lại.

Đến hôm ấy bể vẫn dữ, không sao vào bờ được.

Sáng ngày Gia-viên-em cầm lấy cái cánh tay đã cắt ra ngắm-nghía hồi lâu : thịt đã bắt đầu thối rồi. Chúng bạn cũng đến xem, truyền tay cho nhau, mó vào, xoay đi xoay lại, đem lên mũi ngửi.

Gia-viên-anh nói : « Bây giờ thời ném nó xuống bể xong. »

Nhưng Gia-viên-em nổi giận lên rằng : « Đời nào, không, không, tôi không ưng thế, máu-mủ tôi, tay này là tay tôi. » Nó cầm lấy cánh tay kẹp vào hai chân. Anh nó nói : « Rồi cũng đến thối thôi. » Bấy giờ nó mới chợt nghĩ ra một cách. Khi thuyền ở bể lâu, mà muốn giữ cá cho khỏi thối, thời phải bỏ cá vào thùng muối. Nó bèn nói : « Tôi để nó vào thùng muối chẳng được ư ? »

Các người khác đều nói : « Ừ, phải ! »

Họ bèn đổ một thùng muối còn đựng cá mới đánh được mấy hôm trước ra ; để cánh tay vào dưới đáy thùng, đổ muối lên trên rồi lại xếp từng con cá vào.

Một người thủy-thủ pha trò nói : « Nhưng mà nhớ đừng đem bán rao, nhé ! »

Trừ hai anh em Gia-viên, mọi người đều cười.

Gió vẫn thổi luôn. Thuyền quay về nẻo Bộ-long cho đến 10 giờ hôm sau. Người bị-thương vẫn cứ tưới nước vào chỗ đau. Thỉnh-thoảng nó lại đi từ đầu này đến đầu kia thuyền. Anh nó thời ngồi cầm lái, trông theo, vừa trông vừa lắc đầu.

Mãi thuyền mới vào được bến.

Thầy thuốc khám chỗ thương, bảo khỏi được, rồi buộc lại cẩn-thận, mà khuyên phải nghỉ-ngơi. Nhưng mà Gia-viên muốn lấy cái cánh tay ướp muối ra đã, rồi mới đi nghỉ, nó vội-vàng chạy về bến, tìm cái thùng cá mà nó đã đánh dấu chữ thập. Người ta đổ thùng ấy trước mặt nó, và nhặt lấy cánh tay ra, muối chín đã rắn lại mà còn tươi. Nó bọc vào trong cái khăn đem sẵn đi, rồi trở về nhà.

Thôi vợ con ngắm-nghía cái di-vật ấy, nào sờ vào các ngón tay, nào cạy những hột muối dắt trong móng ; rồi gọi thợ mộc đến đóng một cái săng con.

Hôm sau, tất cả thủy-thủ ở thuyền lưới, đều đi đưa đám cái cánh tay chết. Hai anh em Gia-viên đi cạnh nhau. Thầy sãi nhà thờ cặp cái quan-tài vào bên nách.

Gia-viên em từ bấy-giờ thôi không đi bể nữa. Xin được một việc làm nhẹ-nhàng ở bến, về sau hễ khi nào kể đến truyện ấy cho ai nghe, thời sẽ nói nhỏ với người ta rằng : « Nếu anh tôi chịu cắt cái thừng lưới, thời tôi chắc hẳn còn tay. Thế nhưng mà anh tôi thiết của lắm kia. »

BIÊN-XA

dịch trong thuyết-bộ của ông

GUY DE MAUPASSANT

III
LÀM ƠN NÊN OÁN
(*Tiểu-thuyết tầu*)

Đời vua Huyền-tôn nhà Đường, có một người học trò nghèo, tên là Phòng-Đức, nghi-dung tuấn-nhã, trạng-mạo khôi-ngô, vợ là Bối-thị, tính-khí biền-lận, điêu-ác, Phòng-Đức quần áo rách-rưới, xin một tấm vải may áo, Bối-thị không cho, bất-đắc-dĩ phải đi tìm bạn vay mượn ít nhiều.

Phòng-Đức đi nửa ngày, không gặp người nào quen biết, gặp cơn mưa gió, tránh vào trong chùa, thấy một người cường-tráng ngồi dưới hành-lang, trông lên trên tường thấy một con chim vẽ mực, đủ cả cánh lông mà không có đầu, bụng nghĩ rằng ai vẽ chim cũng phải vẽ đầu trước, sao chim này lại thiếu cái đầu, liền mượn lão-tăng ngọn bút, đứng dậy vẽ nốt cái đầu, vừa đặt bút xuống, thời thấy người cường-tráng chạy đến, vừa nói vừa cười, mời đến một chỗ nói truyện. Phòng-Đức không biết ý thế nào, theo người cường-tráng vào trong vườn hoang, ở giữa có một cái đình, lại thấy mười bốn mười lăm người chạy ra nghênh-tiếp, kể hết họ tên mà nói rằng: « Chúng tôi đều là giang-hồ hào-kiệt, chuyên nghề kiếm ăn ban đêm, nhưng chưa có ai làm chủ-tướng, vậy nên vẽ một con chim không đầu, và cầu khẩn rằng hễ ai vẽ nốt cái đầu thời xin cử làm đầu-mục; nay tiên-sinh vẽ nốt cái đầu chim, thực là lòng trời xui-khiến, vả lại tiên-sinh khí-tượng hùng-vĩ, vậy chúng tôi xin cử tiên-sinh làm đầu. » Phòng-Đức nghĩ mình là con nhà học-trò, có lẽ nào theo bọn cường-đạo, làm điều bất-nghĩa, có ý ngần-ngừ không muốn theo, sau thấy mỗi người tuốt một thanh gươm ra, sợ-hãi thất-kinh, bất-đắc-dĩ phải xin nhận làm đầu-mục, bọn cường-đạo mừng lắm, giết lợn ăn thề, làm tiệc khoản-đãi.

Đêm hôm ấy đem nhau vào cướp nhà Vương Nguyên-Bảo ở ngoài kinh-thành, không ngờ mấy hôm trước Nguyên-Bảo mất trộm, cho nên canh phòng nghiêm-mật lắm, bọn cường-đạo vào đến nơi, gia-hạ kéo ra đuổi đánh, đánh nhau xô-xát một hồi, Phòng-Đức và mấy người bị bắt, còn thời chạy tán-loạn mất cả, hôm sau giải trình quan Kinh-triệu-doãn, Kinh-triệu-doãn lại giao cho quan kỳ-úy là Lý Miễn tra xét.

Lý Miễn tiểu-tự là Lý Huyền-Khanh, giữ đạo công-bằng, mà tính hay minh-sát, thường thân-oan cho được nhiều người. Khi giải bọn cường-đạo đến, Lý-công thấy Phòng-Đức giáng người học-trò, đã có lòng thương, tra xét mấy người kia, đều thú tội cả; sau đòi Phòng-Đức ra hỏi. Phòng-Đức chảy nước mắt mà bẩm rằng: « Tiểu-sinh vốn là học-trò, vào chùa tránh mưa, thấy trên tường vẽ chim không có đầu, tiểu-sinh vẽ nốt cái đầu, bị bọn cường-đạo cưỡng-bách, cử làm đầu-mục, tiểu-sinh không theo thời không giữ được tính-mệnh, nên bất-đắc-dĩ phải theo, xin đại-nhân soi xét. » Lý-công nghe nói muốn tha cho một mình Phòng-Đức, nhưng lại sợ tình tiết, gọi ngục-tốt là Vương Thái đến gần, đưa cho ba lạng bạc mà bảo rằng: « Phòng-Đức là người hiếp-tòng, vậy nhà ngươi cho nó trốn đi, và cho nó ba lạng bạc làm tiền hành-lý, rồi ngươi về tránh ở nhà ta. » Vương Thái vâng lời, đưa bạc cho Phòng-Đức, và mở cửa ngục cho trốn. Phòng-Đức nhờ ơn Lý-công, vượt ngục trốn thoát, đến Phạm-dương theo An Lộc-San, Lộc-

San thấy người khôi-vĩ, bổ cho làm tri-huyện Bách-hương, Phòng-Đức sai người đón vợ con đi cung-chức.

Ngục-quan không thấy Phòng-Đức và Vương Thái đâu, vào trình Lý-công. Lý-công giả cách đật mình mà nói rằng : « Vương Thái to gan thật, dám tha tù cho nó trốn thoát ; » nhất-diện làm tờ bẩm, nhất-diện sai đi tầm-nã. Sau Lý-công vì cớ để cho tù trốn phải cách-chức về nhà.

Lý-công làm quan thanh-liêm, cho nên trong nhà vẫn thanh-bạch, được hơn ba năm, càng ngày càng sa-sút, nghe tin bạn cũ là Nhan Chân-Khanh làm tri-phủ Thường-sơn, muốn đi yết-kiến, đem Vương Thái vào hầu, đi qua huyện Bách-hương, hay đâu lại gặp Phòng-Đức.

Phòng-Đức nhân đi việc quan, gặp Lý-công và Vương Thái ngang đường, xuống ngựa vái chào, đón vào trong huyện, Lý-công lâu ngày quên mất, không biết là ai, khi vào đến công-đường, Phòng-Đức bẩm rằng : « Tiểu-sinh tên là Phòng-Đức, khi trước nhờ tướng-công tha tội cho, và cấp tiền lộ-phí cho tiểu-sinh trốn thoát, theo An Lộc-San, được bổ tri-huyện này, không biết tướng-công nay thăng chức gì ? và đi chơi đâu mà qua đây ? » Lý-công nói : « Lão-phu vì cớ cho đại-nhân trốn thoát, phải cách-chức về nhà, nay nhân đi thăm quan phủ Thường-sơn, ngẫu-nhiên đi qua không ngờ lại gặp đại-nhân, thực là hân-hạnh lắm. » Phòng-Đức đón Lý-công vào phòng riêng, làm tiệc khoản-đãi, hầu-hạ ân-cần, như thể con hầu cha mẹ, sai Lộ-Tín và Văn-Thành thay đổi ứng-trực, Phòng-Đức cùng Vương-Thái trò-truyện, hàn-huyên, dặn Vương-Thái rằng chớ đem việc ngày xưa lộ cho ai biết. Lý-công ở chơi 10 ngày, muốn cáo-biệt xin đi. Phòng-Đức mời lại đến hôm sau, để làm thượng-mã-bôi tiễn-biệt.

Đêm hôm ấy Phòng-Đức bàn với Bối-thị biện lễ tiễn-tặng. Bối-thị vốn là người biển-lận, bàn đưa tiễn 20 tấm lụa. Phòng-Đức cười rằng : « Vương Thái thời phải tặng 100 tấm, còn như Lý-công ít ra cũng đưa tiễn 1000 tấm mới phải. » Bối-thị nghe nói hậu-lễ như vậy, lập tức khởi bất-lương, bảo Phòng-Đức rằng : « Xưa có câu « ơn to không báo », chi bằng đem giết quách thày trò Lý-công, về sau khỏi sinh phiền-nhiễu. » Phòng-Đức mắng rằng : « Sao nhà ngươi độc-ác làm vậy, trước ta xin manh áo, nhà ngươi không cho, đến nỗi ta phải phạm vào tội chết, nếu không có tướng-công thời còn sống đâu đến giờ, nay nhà ngươi lại xui ta làm điều bạc-ác, là nghĩa-lý gì ? » Bối-thị đấu dịu mà cười rằng : « Lý-công đi với Vương Thái, chủ-ý đến đây sách-nhiễu, chẳng qua nói thác rằng đi Thường-sơn mà thôi, hậu lễ tiễn-tặng thời thường-thường đến luôn, nếu bạc-đãi thời không bằng lòng, lại đem truyện cũ phát-giác ra, không những mất quan, mà tội vượt ngục không tránh khỏi được, chi bằng giết quách thày-trò Lý-công đi, trước là không mất lễ tiễn-tặng, sau là khỏi đem việc cũ tiết-lộ ra ngoài. » Phòng-Đức nguyên sợ việc trước tiết-lộ ra thời xấu-hổ, nghe Bối-thị nói có lẽ, tấm lòng báo ơn đem đổ xuống sông xuống bể hết sạch, liền hỏi rằng : « Vậy thời lập-mưu thế nào ? » Bối-thị nói : « Đêm nay cho Lý-công uống rượu rõ say, sai người hạ-thủ, rồi đốt cái phòng riêng lên, giả làm thất-hỏa bị chết cháy, hôm sau thu nhặt hài-cốt mang táng, lập mưu như vậy, thời dẫu trời cũng không biết. »

Vợ chồng Phòng-Đức bàn thầm với nhau, không ngờ rừng mạch vách tai, Lộ-Tín đã nghe rõ mười phần, lập tâm cứu mạng cho thày trò Lý-công, đội khăn mặc áo đâu đấy, lấy tiền bỏ vào túi, rồi chạy đến phòng riêng

sẽ nói thầm với Lý-công, và xin theo đi Thường - sơn. Lý - công dật mình kinh-sợ, bỏ cả đồ hành-lý, cùng Vương-Thái Lộ-Tín lẻn ra ngoài thành. Lộ-Tín nói dối tên hầu-ngựa, mượn hai con ngựa cho thày trò Lý-công; ra khỏi thành không may lại gặp Trần-Nhan, Lộ-Tín nói dối rằng quan huyện sai đưa Lý-công đi tiếp khách; ba người lên ngựa, chạy suốt một ngày đến Tỉnh-hình.

Phòng-Đức vào phòng riêng, thấy thày trò Lý-công trốn mất, mà không thấy Lộ-Tín đâu, biết rằng Lộ-Tín tiết-lộ cơ-mưu, vào nhà trong bàn với phu-nhân, cho gọi Trần-Nhan thương-nghị. Trần-Nhan nói : « Ngoài thành có một người dị-nhân, anh-hùng nghĩa-hiệp, đi nhanh như bay, giết người như chớp, thường hay giúp người ta báo-thù. Nếu nhờ người ấy làm thích-khách, thời tính-mạng Lý-công không thoát được. » Phòng-Đức nghe lời sai Trần-Nhan đưa đến yết-kiến hiệp-sĩ, giả cách khóc rằng : « Khi trước Lý Miễn vu cho tôi tội chết, nhờ quan trên được tha, nay lại đến sách - nhiễu nghìn vàng, thông-mưu với Lộ-Tín định giết tiểu-sinh, không ngờ cơ-mưu tiết-lộ, đem cả Lộ-Tín đi Thường-sơn, nhờ tráng-sĩ báo - thù giúp cho, cám ơn vạn-bội. » Nghĩa-sĩ tưởng thật, lấy làm giận lắm, tình nguyện đi lấy đầu Lý-công. Phòng-Đức bái-biệt trở về. Nghĩa-sĩ đi đánh vụt một cái không thấy hút đâu.

Thày trò Lý-công đi đến Tỉnh-hình, vào nghỉ nhà trọ. Vương Thái chửi mắng thằng giặc phụ-ơn, liên-thanh bất-tuyệt, quán-chủ thấy vậy, hỏi duyên - cớ làm sao. Lý - công nói : « Nguyên Phòng-Đức phải tội gian-đạo, lão-phu thương là học-trò, cho tiền hành-lý, và cho trốn đi, vì thế lão-phu phải cách-chức, sau Phòng-Đức được làm tri-huyện Bách-hương, lão-phu ngẫu-nhiên đi qua, Phòng-Đức đón vào trong huyện khoản-đãi, không biết thế nào, đêm hôm qua nghe lời vợ là Bối-thị lập-mưu định giết lão-phu, may nhờ có Lộ-Tín báo tin mới trốn thoát được. Khi bấy giờ hiệp-sĩ nấp dưới gậm dường, nghe hết sự-tình minh-bạch, vội-vàng vác gươm chạy ra, thày trò Lý-công sợ hãi kinh hồn mất vía, qui xuống đất mà lạy, hiệp-sĩ nâng lên mà bảo rằng : « Mỗ là nghĩa-sĩ, sinh-bình chỉ giết những kẻ phụ-tình, vừa rồi Phòng-Đức vu cho đại-nhân âm-mưu giết nó, nhờ mỗ đi báo thù, mỗ vừa nghe lời đại-nhân nói với quán-chủ, mới biết Phòng-Đức chính là người bội-ơn, suýt nữa mỗ giết lầm phải đại-nhân, xin đại-nhân thứ lỗi cho. » Nói đoạn, đi đánh vụt một cái không thấy hút đâu. Thày trò Lý-công lắc đầu lè lưỡi, vừa sợ vừa mừng.

Vợ-chồng Phòng-Đức thắp đèn ngồi đợi tin nghĩa-sĩ trở về, tưởng là giết được Lý-công rồi, trong bụng mừng lắm, không ngờ nghĩa-sĩ vác gươm hầm-hầm chạy vào, trỏ mặt Phòng-Đức mà bảo rằng : « Lý-công cứu mệnh cho nhà ngươi, ngươi không biết báo - ơn, lại nghe lời vợ xui-siểm, lập mưu làm hại người có ơn, đánh lừa mỗ làm điều bất-nghĩa; băm nhà ngươi ra làm trăm mảnh thời mới hả lòng. » Nói dứt lời, đầu Phòng-Đức đã rơi xuống đất. Bối-thị sợ thất-kinh, nghĩa-sĩ liền nắm lấy mà bảo rằng : « Nhà ngươi không biết khuyên chồng báo-ơn, lại xui chồng làm điều bạc-ác, ta thử xem gan ruột nhà ngươi thế nào ? » Nói đoạn rạch một cái từ ngực đến bụng, moi hết gan ruột ra xem, rồi cắt lấy hai cái thủ-cấp, bỏ vào trong túi, chạy thẳng một mạch đến huyện Tỉnh-hình, vào nhà trọ Lý-công, mở túi lấy hai cái thủ-cấp ra mà bảo rằng : « Vợ chồng thằng vô-ân bạc-nghĩa, mỗ đã lấy đầu được đây. » Lý-công xụp xuống lạy tạ.

hỏi nghĩa-sĩ họ tên là gì để về sau báo ơn. Nghĩa-sĩ nói : « Mỗ không kể họ tên với ai bao giờ, mỗ ở dưới gầm dường chạy ra, ngày sau có gặp xin cứ gọi là « Xàng-hạ-sĩ ». Nói đoạn, chắp tay từ-biệt, lại đi đánh vụt một cái, không thấy hút đâu.

Vợ chồng Phòng-Đức mất đầu rồi, người nhà sợ hãi thất-kinh, hô-hoán nha-lệ báo cho chủ-bạ và huyện-úy khám-nghiệm, tư cho quan tuần-thành đem binh đi tầm-nã thích - khách, chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Trần-Nhan bàn với huyện-úy dấu việc Lý-công đi, chỉ nói rằng nửa đêm quân gian-đồ lẻn vào trong huyện, lấy mất đầu hai vợ chồng quan huyện, làm tờ bẩm quan trên. An Lộc-San tư đi các nơi tầm-nã gian-tặc.

Lý-công đi hai ngày đến Thường-sơn, kể truyện với quan phủ Thường-sơn. Nhân Chân-Khanh lấy làm kinh-dị, Lý-công ở chơi mấy ngày, thấy sự tầm-nã cần-cấp lắm, sợ lụy đến mình, bái-biệt xin về.

Sau Lý-công lại được phục-chức, nửa năm được thăng làm Giám-sát ngự-sử.

Một hôm Lý-công đi qua đường, gặp một người mặc áo vàng, cưỡi ngựa trắng, trông xem thời chính là Xàng-hạ-sĩ, vội-vàng xuống ngựa vái chào và mời đến chơi. Nghĩa-sĩ nói : « Tiểu-sinh còn bận chút việc, không thể đi được, nếu đại-nhân có thư-thả, xin đến chơi chỗ tiểu-sinh một chút. » Lý-công đi theo, vào một cái cửa nhỏ, lại qua mấy lần cửa nữa, thấy một tòa nhà rất lớn, lầu cao ngất trời, trang-hoàng rất là lịch-sự, được một lúc làm rượu khoản-đãi, hải-vị sơn-hào, xa-xỉ phong-hậu, dẫu các nhà vương-hầu cũng không bằng, hai người chén thù chén tạc, bàn những bậc anh - hùng xưa nay ; tiệc rượu xong rồi, Lý-công bái-biệt xin về. Hôm sau Lý - công sắm - sửa lễ - vật, thân-hành đến tạ ơn, khi vào trong nhà, chỉ thấy một tòa nhà không, chẳng thấy hơi tăm người nào cả, ngậm-ngùi trở ra.

Sau Lý-Công làm đến Bình-chương-sự, phong làm Nghiên-quốc-công.

* * *

Kết-luận. — Phương-ngôn có câu rằng : « Làm ơn cho được nên ơn. » Người ta làm ơn cho mình, thời mình phải biết ơn người ta mới là phải đạo ; nếu vong-ân bội-nghĩa, thời trời nào chứng cho. Như Lý Huyền-Khanh tha tội cho Phòng-Đức chốn thoát, lại tặng tiền lộ-phí, thực là một người đại-ân-nhân ; Phòng-Đức làm nên tri-huyện, lại gặp Lý-công, biết là ân-nhân vị mình mà phải cách-chức, thời dẫu đem hết của nhà tiễn-tặng cũng chưa đủ đền ơn, ngờ đâu nghe vợ xui-siểm lập mưu làm hại người có ơn, mưu đã không thành, lại mượn hiệp-sĩ làm thích-khách ; nếu hiệp-sĩ không nghe rõ sự-tình, thời tính-mệnh Lý-công còn đâu nữa ? Trời sao khiến vậy, không những Lý-Công thoát khỏi tai-nạn, mà vợ chồng Phòng-Đức lại bị hiệp-sĩ lấy đầu ! Hại nhân nhân hại, không tài nào tránh khỏi lưới trời ; nhưng xét kỹ ra thời Phòng-Đức cũng không có ý làm hại Lý-công, chỉ vì quá nghe Bối-thị, đem thù báo ơn, đến nỗi gây nên tai vạ, vậy có câu rằng :

Ở lành thời lại gặp lành,
Ở ác gặp ác tan-tành như tro.

NGẠC-ĐÌNH *dịch*

DƯ-LUẬN

I

VẤN-ĐỀ NỮ-HỌC

Huế, le 5 décembre 1920.

Thượng-chi tiên-sinh văn-kỷ,

Mới đây tôi có được đọc kỳ báo thứ 40 thấy có bài của Nguyễn tiên-sinh bàn về vấn-đề nữ-học, tôi cũng vội-vàng lấy làm vui lòng mà làm một bài gởi ra đây..... Tôi cũng tự nghĩ rằng tôi là người thế nào mà dám cùng những bậc cao lớn tranh-biện, huống-hồ sự đời phải trái biết đâu mà chừng; nhưng cái lòng nhiệt-thành của tôi đối với bọn nữ-học ngày nay cũng có cái cảm-tình không thể làm ngơ được, nên tôi sực nhớ cổ-nhân có câu: *trí-nhân bách lự, tất hữu nhất thất*; *ngu-nhân bách lự, tất hữu nhất đắc*, thế thời lời nói của tôi cũng vị-tất toàn là vô-ích hết thảy đâu. Nếu có ích-lợi gì một tí, người ta cần phải nên làm, làm để cho có ích! nay cái vấn-đề nữ-học thật là một sự rất quan-trọng thứ nhất trong mấy nghìn năm của nước ta, cho nên ý-kiến mới cũ thường trái ngược nhau. Bởi vì « người ta muốn bước lên thời phải có vấp có ngã, chỉ duy đứng yên một chỗ thời không việc gì mà thôi. » Câu nói ấy ngài cũng đã từng bàn qua về bài trả lời cho ông Nam-Minh trong số báo 35 đó. Nay tôi xin vi-dụ như có hai con đường, một bên mới, khoáng rộng bằng-thẳng, lạ mắt khó trông, lại đông người đi, một bên con đường cũ thời hẹp-hòi cỏ-rạ um-thùm, cứ noi theo dấu mòn mà đi rất dễ, nhưng người đi thường than vắng-tẻ, tưởng không bao lâu họ sẽ quay sang bên con đường mới kia hết. Cách xô đẩy nhau bạo quá thành ra không có thứ-tự, miễn đi được là hơn, dầu muốn ra tay ngăn-trở cũng không phép vãn-hồi cho đặng, là vì lòng khuynh-hướng của người đời đã do theo thời-thế mà xoay vần vậy. Người có trí-thức nên coi theo chiều sóng gió mà đưa dần lên, chỉ nẻo đem lối cho khỏi lầm-lạc, thời tốt hơn hết; còn như câu-nệ quá, thời tôi e như lời đắp đê cản nước của ngài đã nói, sau này muốn sửa sang cũng đành phải chậm trễ, mà lại thiệt-hại nhiều bề.

Vẫn hèn ý cạn, dám đâu góp một phần ngôn-luận, trời bắc gió nam, xin kính chúc hai chữ khương-cát.....

ĐẠM-PHƯƠNG.

∴

Một cái vấn-đề rất khó giải-quyết thay, là cái vấn-đề nữ-học, đã lâu nay mà chưa giải-quyết được. Có người bảo rằng con gái không nên cho học rộng, vô-ích, vì không trông giao-thiệp với ai, chỉ dạy biết nấu-nướng may-vá chăm-chỉ trong việc gia-đình là tốt rồi. Còn như học rộng đỗ bằng-cấp lớn, bằng-cấp nhỏ, làm ra công này việc nọ, có nhiều điều không tiện, bởi vì tính-tình người con gái yếu-đuối mỏng-mảnh dễ xiêu-động, trong khi tốt-nghiệp rồi, Nhà-nước bổ đi làm công-việc, xa cha mẹ vắng chị em, ít nghe lời khuyên-răn, thường hay lung tính, sinh lắm sự dở-dang, nghĩ mà nên sợ. Mà lại cũng có điều nên ghê nữa là người con gái thường-thường hay có tính hẹp-hòi nghĩ cạn, mỗi khi làm nên thời tự-phụ, bảo mình là người gồm hiểu văn-chương, thông biết sự-vật, xướng cái chủ-nghĩa tự-do rất là kịch-liệt, lạm quyền bình-đẳng, không còn nghi-ngại chút nào. — Đời

xưa có nói : người đàn-bà ghen không hại bằng người đàn-bà dữ, trong đám gia-đình mà thành ra thị-chiến, cảnh-ngộ như hoa tươi gấm đẹp, bỗng nhưng như sấm động trời long, nói như thế thời ai nghe cũng rùng mình rởn óc, không còn chi là lòng ham muốn cho con gái đi học nữa, cái hi-vọng đã bị sự ngăn-trở một cách mãnh-liệt như vậy, e cho phần trông cậy của sự học-vấn về sau phải lui-sút, ấy đó lại thật là một điều đáng tiếc, vì « con sâu làm rầu nồi canh », nông-nổi như thế, tưởng nên bàn qua mấy lời để cho chị em nhàn-lãm.

Than ôi ! Người ta ở đời quí-hồ biết coi theo bộ máy đời mà xoay, vì như người muốn làm thợ khéo mà không bắt-chước thức mới kiểu lạ thời không ai dùng; muốn làm người buôn bán mà không biết cách cất hàng cho hợp thời-dụng thời không ai mua; làm kẻ học-trò mà không biết khuynh-hướng theo thời-văn, thời khó bề thi-thố, nhưng trong các nghề-nghiệp muốn mới, muốn lạ, muốn khôn khéo đến đâu, mà phải tồn một phần trung-hậu ở trong, người ta mới phục. Nếu thợ khéo đem lòng dan-trá, buôn rành giữ mặt đảo-điên, học hay mà nhiệm-ý phóng-túng, lắm khi cái nết xấu của mình nó làm hại đến cái nghề xứng-đáng cũng là thường thấy. Bởi vậy cho nên thiên-kinh vạn-quyền, đời nào nước nào cũng khuyên răn dậy bảo, cách ăn-ở, việc công-nghệ phải thay đổi mỗi ngày cho được thắng-tiến, chớ không ai bảo thay đổi cái lòng trung-tín thành-thực đi bao giờ.

Trí với đức, tuy vẫn hai lẽ có khác nhau, nhưng mà nó có một mối liên-lạc với nhau rất là mật-thiết ; bỏ một lấy một, đều không hợp cả, phải gồm đủ hòa hai, nhiên-hậu mới trọn-vẹn một con người xứng-đáng. Nay sự học thời đã biết hi-thời thích-dụng, chỉ còn cái nghĩa-vụ của bổn-phận chưa được hoàn-toàn, thế là tại mình trong hai phần bỏ rơi đi một nửa, khiến người bàng-quan không phân-biệt cho rõ, chỉ bằng-cứ vì sự duy-tân, mà người đàn-bà mất hết phẩm-hạnh, chẳng oan-uổng sự học-vấn lắm ru ! Lấy lẽ công-bình mà nói, thời những người tính nết hèn xấu, vị-tất học đã đến nơi nghĩa-lý sâu-xa của sự học, và lại những người không theo tân-học ai đã dám chắc là người trinh-nhàn nhu-thuận hết cả chưa ? Điều ấy thực không sao giải-quyết ngay được.

Cổ-nhân cũng có câu : « Nữ-tử vô-tài tiện-thị đức. » Nghĩa là con gái không tài ấy là đức. Trông thấy nhiều người phòng khuê cửa các, ăn ở với cha mẹ không có lòng thảo, đối với chồng con không có đạo tòng, chuyên nghề hãn-ngược, sinh giọng điêu-toa, thậm-chí không kể pháp-luật dương-phạt âm-trách là cái chi chi, muốn sao làm vậy, thế thời bởi tại học sách mới, hay sách cũ, nhưng mà hỏi ra thời cũng không có học chữ nước nào đến, chớ có phải tại gì có tài mà đến nỗi thất-đức như vậy !

Phương-chi sự học-vấn với sự đức-hạnh cũng như chữ phú-quí với chữ nhân-từ, nó có ảnh-hưởng với nhau, cũng như hai điều đã nói trên kia, người có học-vấn thời phải có đức-hạnh mới có danh-giá, người có phú-quí nên nhân-từ mới được vững-bền. Đức-hạnh là sự cỗi-gốc cho sự học-vấn, nhân-từ là nguồn lành cho sự phú-quí, chớ không phải có học-vấn có phú-quí, toàn-thị là người đức-hạnh nhân-từ hết cả đâu.

Nay sự học-vấn của con gái là cốt để bổ-ích thêm trí-thức tư-tưởng cho con người biết lo xa nghĩ rộng, khỏi bị mê-hoặc ám-muội như trước, đã là người thời biết cho đủ tư-cách làm người, cuộc sinh-tồn cạnh-tranh là chung cả nhân-loại, có phải riêng chỉ một ai, mà người làm được người

làm không được. Trừ ra một hạng người đã qua thời-kỳ sự học và những nhà thôn-trang tập-quán theo cái chủ-nghĩa doanh-nghiệp điền-viên truyền-gia đã có mấy đời, thành một qui-củ rất xứng-đáng rồi thời không nói làm chi; còn như hạng người ở quanh các tỉnh-thành, ruộng đất ở đâu, hoa-lợi gì có, nếu không học-tập nghề-nghiệp mưu-sinh tất đến cùng-bức, dầu nhà sang giầu đến đâu mà ăn không ngồi nề, cũng đến non mòn núi lở, mà con-cái trọn đời không thành ra một công-việc gì, cảnh-ngộ như thế, mười phần đã đến tám chín.

Còn như đã muốn học-tập nghề-nghiệp buôn bán, mà không học chữ nghĩa toán-tính, thời buôn bán, chẳng qua tiền chục tiền quan, chớ bạc trăm bạc nghìn đã không thể trù-hoạch nổi, tư-tưởng không lấy đâu mở-mang nghề-nghiệp cho được tinh-xảo, ganh-đua giữa chốn thị-trường, thâu được quyền-lợi có phải là sự dễ đâu, kiến-thức đã kém, quyền-lợi ở đâu mà đến; mà lại hại thay một điều là số đàn bà con gái lại về phần số nhiều, ấy là một cái hiện-trạng nguy-hiểm cho cuộc sinh-kế tương-lai lắm lắm. Các ngài cao-minh quân-tử cũng đã từng công-nhận cho bọn nữ-lưu là đông hơn, thời các ngài thử nghĩ cái sinh-kế của bọn họ sau này sẽ ra thế nào, không lẽ người đàn ông nuôi nổi năm bảy người đàn bà, thời người đàn ông ấy cũng đến bối-rối trong đám gia-đình, mưu-danh mưu-lợi chi chẳng qua vì phủ-dục rất cần kíp, còn có tư-tưởng gì cao xa mà làm sự công cho xã-hội nữa. Chi cho bằng mỗi người đều phải biết cách luân-lý tự-thân, khỏi bề phiền-lụy đến ai, chẳng là hay hơn; vả lại những hạng người thiếu-nữ kia nếu không học thời cũng không làm nên được công-việc gì ích-lợi hơn, mà lại có lắm sự « nhàn-cư vi bất-thiện ».

Ôi! người ta đã sinh trên mặt đất, lẽ nào cũng phải lo nuôi sống nổi cái thân, vì cái thân đã hữu-dụng rồi, thời sự giùi-mài có khó gì mà không làm được. Người đàn-bà cốt phải có đức-hạnh làm bản, nghĩa ấy dầu cho thiên-cổ bất-dịch, không những từ đây về trước đã thế, nhưng dầu cho đến muôn ức nghìn năm nữa về sau, cũng không có thể thay đổi bao giờ, vậy cho nên học hạnh kiêm-ưu, mới là danh-giá; còn như học mà vô-hạnh, chính là danh-giá tội-nhân, chớ có phải học-giới danh-giá đâu, mà người đời bình-phẩm cho hư tiếng tân-học của nữ-giới.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử (Huế)

II

CẢM-GIÁC VÀ TINH-THẦN

Người ta sinh ra, cái tình của trời phú-dữ vẫn là hồn-nhiên, đợi đến khi ngoại-vật dao-động đến tâm-hồn, thời cái tình ấy phát-lộ ra, như mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn... Tình phát-động ra như thế gọi là cái cảm-giác. Cảm-giác theo bản-chất của từng người mà có khác nhau: khi bình-thường thời là « tình-cảm » (*la sensibilité*), ai cũng có, kẻ ít người nhiều; khi nhân bản-chất nhu-nhược mà thiên-lệch hẳn đi thời thế gọi là « nhu-cảm » (*la sensiblerie*).

Nay ta bàn đến « tình-cảm » mà ta đã biết rằng người ta ai cũng có, chỉ khác nhau là kẻ ít người nhiều, thời

ta có thể lập một cái thí-nghiệm rất rõ-ràng, đã hằng thấy ở trong lịch-sử, đã từng ứng trong vòng thế-sự : Kìa một đứa hài-nhi ngã vào trong giếng, đó là một cảnh khá thương-tâm, người đứng xem ai là chẳng sinh lòng trắc-ẩn ; nhưng kẻ ít cảm ư, thời thở vắn than dài rồi quay lưng tránh mặt ; mà người nhiều cảm ư, thời lòng trắc-ẩn suy ra nghị-lực, rồi nhảy xuống mà vớt cái dư-sinh cho đứa bé. — Kìa trong lúc quốc-gia đa-biến, quốc-dân ai là chẳng động tình ái-quốc ; nhưng kẻ ít cảm ư, thời chỉ châu mày rơi lụi, khoanh tay bó gối ; người nhiều cảm ư, thời phải ra tay mà cứu-thế an-dân. Vậy trong tình-cảm đó có những chất tinh-nhuệ khác nó bồ vào như trí thông-minh (*l'intelligence*), trí tưởng-tượng (*l'imagination*), cho nên cổ-lai có bậc cảm cao-thượng, siêu-việt ra ngoài vòng trần-tục mà vào đến cõi huyền-diệu chân-như, đó là tình-cảm của nhà tôn-giáo như Phật Thích-già, như Đức Gia-tô vậy.—Có bậc cảm thanh-tao, phảng-phất trên cỏ-cây non nước, du-hoài cùng tuyết nguyệt phong hoa, đó là tình-cảm của các nhà thi-văn vậy. — Có bậc cảm hùng-hiệp, phơi gan vẩy máu, bất-úy-tử bất-tham-sinh, đó là cái tình-cảm của nhà trung-thần võ-sĩ vậy. Trong ba thứ tình-cảm ấy, cái tình-cảm của nhà thi-văn có khi thay đổi khác nhau, cho nên cái hình-thức phát-hiện cũng phải khác nhau : nếu cảm-tình mạnh hơn trí thông-minh, thời phảng-phất như mây như gió, như hát như ru, mà hiện ra những thứ văn như văn ông LAMARTINE, ông MUSSET, ông NGUYỄN DU; nếu trí thông-minh mạnh hơn cảm-tình thời khúc-triết minh-bạch mà hiện ra những văn như văn ông PASCAL, ông VIGNY ; nếu tưởng-tượng nhiều hơn cảm-tình thời có ý viển-vông phóng-phiếm, ngông-nghênh trong ảo-tưởng-giới mà hiện ra những văn như văn ông HUGO, bà GEORGE SAND (lúc bà mới làm văn), ông Tam-nguyên Yên-đồ.

Còn « nhu-cảm » là thứ cảm thái-quá, yếu-ớt, một việc gì xảy ra ở ngoại-giới rất nhỏ-nhen, cũng đủ lay-động được tinh-thần. Thấy người khóc cũng khóc, thấy người buồn cũng buồn, không đủ trí thông-minh sáng-suốt mà phân-biệt, không đủ nghị-lực đàn-áp mà ngăn-che, thế là vị bản-chất yếu, nghị-lực hèn, mà sinh ra mối sầu-tình, mê-mệt về cảm, đắm-đuối về cảm, kết-cục không làm được một công-việc to-tát. Người nhu-cảm hay chịu ảnh-hưởng của cảnh buồn, có khi mệt-nhọc cũng buồn, trời u-ám cũng buồn, hay tiêm-nhiễm những văn sầu văn cảm, vì thứ văn này rất hợp với tính-chất nhu-nhuyễn ấy.

Vậy cho nên người tình-cảm còn có khi biết lợi-dụng cái cảm, chớ hạng nhu-cảm thời nhu-nhược, không đủ làm nên công-việc. Thế thời ta nên tránh xa, nên trừ tiệt cái nhu-cảm đi, khỏi phải chê là tính-khí phụ-nhân ; vì đàn-bà con gái tính-chất mềm-mại, kém phần nghị-lực, nên hay thiên về nhu-cảm.

Nay ta xem tinh-thần với cảm-giác có quan-hệ với nhau thế nào. Cảm-giác là cơ-quan của tinh-thần, nghĩa là tinh-thần là ở trong, nhân cảm-giác sự-vật ở ngoại-giới mà tinh-thần phát-biểu ra, cho nên tình-cảm nhiều hơn thời tinh-thần hùng-kiện, nhu-cảm nhiều hơn thời tinh-thần nhược-bại.

Xét ra người nước ta trong bọn thượng-lưu khuê-các, hoặc vì tư-chất nhược, hoặc vì kinh-lịch ít, thường thấy nhiều người thiên về đường nhu-cảm, nên xưa nay vẫn có tiếng là nước văn-nhược. Hãy xem như âm-nhạc là ảnh của tinh-thần cũng đủ biết. Âm-nhạc của ta lúc giạo lên, có khi như khóc như than, hay thời hay thật, nhưng nghe ra vẫn có vẻ bi-ai, tình oán-hận,

cho nên hay khiến người ta vơ-vẩn buồn-rầu, mà không xui-giục lòng cảm-khái như âm-nhạc Âu-tây ; văn-thơ của ta cũng vậy, phần bi-ai thời nhiều, mà phần hùng-hiệp thời ít. Xem như bên Pháp là một nước chuộng tinh-thần, mà thứ văn « déo-dắt bi-ai » cũng ít. Ta thử lược qua văn-chương lịch-sử của nước Pháp từ thế-kỷ thứ 16 là lúc nền văn đã thành, cũng đủ hiểu.

Đầu thế-kỷ thứ 16 về lúc hội PLÉIADE của ông RONSARD thịnh-dụng thứ văn « tản-thán » (*lyrisme*) ; đến suốt cả thế-kỷ thứ 17 và quá nửa thế-kỷ 18 toàn là lúc lý-luận (*siècle de raison*), và xui-giục lòng người vào trong vòng nghĩa-vụ. Đến cuối thế-kỷ 19 lại có văn tản-thán, rồi xuất-hiện ra thứ văn tự-tình, có thể gọi là văn « sầu», văn « chán đời » vậy. Cuối thế-kỷ thứ 19 sang đến thế-kỷ thứ 20 thời dùng văn « tả-chân », lúc sơ-khởi dùng lối « biểu-hiệu » (*symbolisme*), về sau dùng lối tả-chân hẳn (*naturalisme*). — Ta lại xem văn Nhật-bản hùng-hiệp lại càng nhiều lắm, đọc câu văn lên nghe như tiếng đấu-kiếm múa roi vậy. Thế mà ai bảo Nhật-bản không phải là một nước chuộng tinh-thần ? Này không kể văn hùng-hiệp của họ, văn buồn đến như những câu :

Tối thị quan-san hàn gia nguyệt,

Bạch-nhân đầu phát gia kê-thanh.

Câu :

Chinh-mã bất tiền quân bất ngữ,

Liêu-đông thành ngoại lập tà-dương.

thật là văn buồn mà vẫn có cảm-khái.

Ai chẳng biết tinh-thần là quí, cảm-tình là hay, ai chẳng biết câu thơ câu phú, dịp hát cung đàn là thích, nhưng quá là hỏng, không phân-biệt được hay dở là hỏng, không tùy-thời mà sửa-đổi cũng là hỏng.

Giá nước ta sinh ở một thế-giới riêng, chung-quanh không liên-can với ai cả, thời ta có thể cứ giữ lấy nền xưa nếp cũ, mà cứ tưởng-tượng ra như một cõi Phật đất Tiên ; vơ-vẩn như vào suối Đào-nguyên, phảng-phất như vào động Từ-Thức, rồi câu thơ câu phú, chén rượu cuộc cờ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, thời thật là một cái thú riêng cho một nước, cái thú thanh-cao, cái thú êm-ái, nhưng khá tiếc thay ! thời nào kỷ-cương ấy, nay là buổi cạnh-tranh kịch-liệt, bốn bề chen vai thích cánh mà lên, ta phải sửa-đổi tinh-thần lại cho hợp-thì (nói thế không phải là thiên về vật-chất như mấy người đã tưởng lầm đâu), ta phải bớt bên tinh-thần bi-ai sang bên hùng-hiệp, và đem phần thực-hành lên cho bằng bên tinh-thần, nghĩa là lấy cái cảm cao-thượng mà suy-động trí-khôn, rồi dùng nghị-lực mà quả-quyết thực-hành. Thế thời cái « quốc-dân tư-cách » mới hoàn toàn được vậy.

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

Học-sinh trường Cao-đẳng Sư-phạm.

III

Ý-KIẾN RIÊNG VỀ MẤY VẤN-ĐỀ HIỆN-THỜI

(Việc học-giới — Việc hương-chính — Việc nữ-giới)

Thịnh-đức-thượng le 29 décembre 1920.

Kính thư đệ

Nam-phong chủ-bút Phạm tiên-sinh văn-kỷ.

Vậy từ khi tôi được tiếp ông ở hoa-viên đến nay, thường ở nhà quê không mấy khi lên đến tỉnh, tuy đã lâu không được gặp ông nhưng lòng vẫn nhớ ông lắm, vẫn mến ông vì thấy việc ông làm đối với lòng ông tư-tưởng toàn là cổ-động những điều công-ích cho quốc-dân hết thảy; nay tôi ở chốn nhà quê những lúc dư-nhàn cũng mở quyển *Nam-phong*, thấy có nhiều ông đem lòng thành mà đối với quốc-dân.

Ông thời bàn học cũ học mới.

Ông thời bàn cải-lương hương-chính.

Ông thời bàn nữ-giới học-sinh.

Tôi thiết-tưởng các ông bàn đều là quí-hóa đích-đáng cả, tuy không hợp với làng này nhưng hợp với làng khác, không hợp với người nọ nhưng hợp với người kia, lại xét sự không hợp ấy cũng là tại trình-độ chưa tới mà thôi, nếu nhất-thiết được hợp như lời bàn cả thời trình-độ chẳng hóa ra hay lắm vậy. Nay tôi nói góp mấy câu về những việc liệt-quí đã bàn, như việc học cũ học mới :

Tôi thiết-tưởng cũng nên đem công-tâm mà bàn mới phải, nếu cứ đem ý riêng mà nghị-luận lắm thời chắc là cũng khuyết-điểm nhiều, bởi vì trình-độ nước ta ngày xưa còn chất-phác quá, khi nội-thuộc nước Tầu, người Tầu đem chữ Hán mà dạy cho ta học, lại nhân chữ Hán mà biết rõ cương-thường luân-lý, lễ-nghĩa liêm-sỉ, sau triều-đình nước ta noi theo chính-thể nước Tầu đặt ra khoa-cử để cầu người hiền-tài, bởi vì người có học thời mới biết cương-thường luân-lý lễ-nghĩa liêm-sỉ. Làm quan có khoa-mục mới biết trung-quân ái-quốc, tu-kỷ trị-nhân. Hoặc cũng có người lấy khoa-cử làm như thang danh-lợi vụ-ích riêng mình, không theo phép nước, ấy là lỗi tại người ấy mà thôi. nếu đem việc những người hư mà trách đến khoa-cử, lại trách đến cả Hán-học sao nên ! Lại xét cổ-nhân ta ngày xưa nếu không học chữ Hán thời học chữ gì ? Mà phàm việc gì phải có học mới làm nên. Người thời học chính-tâm tu-thân, người thời học tề-gia trị-quốc ; lại có những bậc thanh-cao ngoài vòng danh-lợi, kỳ-tình ư sơn-thủy, đắc-ý ư phú-thi, ngâm-vịnh phát-tiết, rung đùi vỗ vế, cũng là lý-thú lắm lắm. Nếu người không ưa cũng là « vô-tri bất-mộ » mà thôi. Lại chẳng những các bậc cao-thượng lưu-danh trong sử-sách toàn là học-đắc-trung-lai. Mà chính ở chốn nhà quê chúng tôi bây giờ còn giữ được chút cương-thường luân-lý nào cũng là nhờ ở sức Hán-học vậy.

Vậy ngày nay nhờ có Nhà-nước Bảo-hộ đem tân-học mà dạy cho quốc-dân ta biết đường buôn-bán, làm ruộng, chăn-tằm, kỹ-nghệ, công-xảo, cách-trí, hóa-học, lại dạy cho biết đường giao-thiệp ; văn-minh mà không mất nền chất-thực ; tự-do mà không ngoài

vòng khuôn - phép ; bình-đẳng mà không loạn đến tôn-ti ; cạnh-tranh mà không thương đến hòa-khí ; thật là qui-hóa lắm. Nay lại được nhờ những bậc hiền-nhân tiên-tiến như người ở gần đèn tân-học mà soi cho kẻ hậu-lai, chắc rằng có ngày kết-quả vậy. Nhưng hiện bây giờ cũng còn lắm kẻ giở-dang mới séo vào con đường tân-học chửa ra gì, đã tập-tọng văn-minh mà bại-thương phong-hóa ; ngộ-nhận tự-do mà làm bậy làm càn ; nói câu bình-đẳng mà hỗn-hào trật-tự ; sinh lòng tranh-cạnh mà cốt-nhục tương-tàn ; như thế có lẽ đem những người giở-dang ấy ra mà bình-luận đến tân-học được chăng ? Tôi thiết-tưởng cứ lẽ phải thời theo, việc phải thời làm, điều gì hợp-nghi thời thiết-dụng, — chớ ngày xưa ta nội-thuộc nước Tầu, mà ngày nay ta nhờ có nhà-nước Bảo-hộ, nếu cứ đem truyện cũ mà tri-triết mãi, tuy rằng đi đình nào chúc đình ấy là lẽ thường, nhưng cũng hơi khuyết-điểm vậy.

Lại nói góp đến việc cải-lương hương-chính phong-tục. Vậy nhà-nước khởi-xướng ra việc này thật là một việc khai-hóa cấp-vụ cho quốc dân, hiện nay bây giờ đã có nhiều làng được nhờ, như những điều cải-lương phong-tục thời chóng thành-hiệu, mà dẫm bớt được nhiều điều xa-xỉ vô-ích. Còn những điều cải-lương hương-chính thời khi chậm thành-hiệu, vì có nhiều dân làng ở xa cách nơi thành-thị, không được gần đèn là mấy, ruộng thời có ít bạc-điền, công-nghệ gì không có, quanh năm những đi làm thổ-đầu, bắt ốc mò cua, kém đường giáo-hóa, kể từ khi nhà-nước mới thiết-lập ra chức Hương-sư Tổng-sư đã mười mấy năm nay, mà hiện bây giờ có làng khuyết lý-trưởng, xét trong làng không có một người nào biết chữ quốc-ngữ để bầu ra làm lý-trưởng cho hợp-lệ. Hỏi đến Hán-tự thời nói rằng đã lâu không nuôi thầy đồ, hỏi đến quốc-ngữ thời nói rằng làng tôi ở xa trường học. Như những làng ấy tuy có phụng-lịnh nhà-nước mà cải-lương cũng chưa có người thi-hành việc cải-lương vậy. Ngồi mà kể những tệ phong tệ-chính của các dân làng mình khi chưa cải-lương thời không xiết được. Mỗi làng một cái tệ khác nhau, mỗi người một cái tệ khác nhau. Tôi thiết-tưởng muốn cho chóng thành-hiệu việc cải-lương thời ước gì nhà-nước lập cho mỗi phủ huyện một đại-trường gọi là Quốc-dân công-trường (國民公場), chia làm hai lớp phân mục mà dậy toàn những việc thiết - thời, những điều thiết-dụng, như là Quốc-luật(國律), Hương-chính(鄉政) Giao-thiệp(交涉), Thư-số (書數), Xử-kỷ (處己), Trì-gia (持家) v. v. Cứ chiểu đại-xã 10 người, trung-xã 6 người, tiểu-xã 4 người, phải tuyển cho đủ số người vào học như ta tuyển lính vậy, mà làng nào cũng phải có ruộng học-điền để tư-cấp cho học-trò, tùy theo phi tổn xa gần nhiều ít, mà lại định rằng người nào có bằng tốt-nghiệp trường Quốc-dân, hay là có bằng tốt-nghiệp trường Pháp-Việt khác thời mới hợp-lệ cho làm lý-dịch. Tôi mong rằng nếu được như thế thời không mấy mà thành-hiệu việc cải-lương, bởi vì phàm việc gì cũng phải có học mới biết làm nên, không học mà bắt phải làm thời cũng vụng-về không ra gì vậy.

Nhân thể lại nói góp mấy câu về mục Nữ-giới học-sinh. Vậy từ khi nhà nước mới lập ra trường học trò con gái thời mới đáng mừng có năm phần, vì tôi thiền nghĩ rằng chẳng qua cũng theo trình-độ nước nhà mà dậy cho con gái những mục thiết-yếu thiển-cận như là : khi còn ở nhà học đạo làm con, khi về nhà chồng học đạo làm vợ, đối cha mẹ chồng học đạo làm dâu, khi đã có con học đạo làm mẹ,

trong thời giữ việc tề-gia chủ-quĩ, ngoài thời buôn bán nghề-nghiệp làm-ăn, trên thời đối họ-hàng nội-ngoại, dưới đãi hạ-đẳng nô-tì, quanh-quẩn mấy điều thường là dung 容, công 工, ngôn 言, hạnh 行 của nữ-giới nước nhà xưa nay mà thôi. Ngờ đâu trước mừng có năm phần mà ngày nay mừng đến năm mươi phần. Hỏi làm sao mừng lắm thế, thưa rằng mừng phong-trào nữ-học tiến-bộ văn-minh đã vượt qua trình-độ nữ-giới nước nhà, mà lên kịp trình-độ nữ-giới Âu-Mĩ, thật là hạnh-phúc, cho nên mừng đến năm mươi phần ; vì tôi xét sự học đã đến văn-minh thay cũ đổi mới, còn lắm điều hay thời còn lắm điều đáng mừng vậy. Mới đây lại thấy có ông bàn đến văn cảm nữ-học-sinh, tôi thiết-tưởng ông lo xa quá, vậy xin ngài xét ví như cái cây vun nhiều vật-chất tốt thời sinh ra được nhiều hoa quả, nếu có một hai quả nhỏ quả lép cũng chẳng hại gì.

Vậy nhân lúc dư-nhàn, nhớ người quân-tử, nói góp vài câu, dám xin xét lượng.

Nay kính thư

NGUYỄN ĐÌNH-GIÁM
Chánh-tổng Thịnh-đức-thượng
Phú-xuyên (Hà-đông)

VĂN - UYỂN

THI-CA CŨ

Hát nói

Tết dán câu đối *(ông Tú Xương)*

Nhập thế-cục bất-khả vô văn-tự, chẳng hay-ho cũng phải nghĩ một bài, huống-chi đã đỗ tú-tài, ngày tết đến cũng phải một hai đôi câu đối. Đối rằng : « Cực nhân-gian chi phẩm-giá, phong nguyệt tình hoài 極人間之品價,風月情懷 (1). Tối thế thượng chi phong-lưu, giang-hồ khí-cốt. 最世上之風流·江湖氣骨» (2). Viết vào giấy dán ngay lên cột, hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ? Rằng hay thời thực là hay ! chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài ; xưa nay em vẫn chịu ngài !

Nợ phong-lưu *(Ý-viên)*

Suy mới biết ở đời ai cũng hớ, vì tài-tình nên vướng nợ phong-lưu. Kho trời chung tiêu phí thấm vào đâu, chơi là lãi, dẫu chưa giầu nhưng chẳng kiết. Trả trả vay vay lâu cũng hết, co-co cỏm-cỏm hẳn hơn ai ? Chỉ chịu thua tay chú thợ trời, khéo tỉ-mỉ nặn ra người làm múa dối ! Nào nhục, nào vinh, nào hiền-hối, mặt ra hề thay đổi mấy mươi phen ! Chẳng gì hơn rượu thánh với thơ tiên, trời đất chẳng dám ghen chi với hắn. Thế-sự phù-vân hà túc vấn 世事浮雲何足問 (3), thiên kim tán tận hoàn phục lai 千金散盡還復來 (4); hay chơi trời cũng chiều người !

Cậu Mán *(Vô-danh)*

Phong-lưu nhất ai bằng cậu Mán, trong anh em chúng bạn kém thua xa. Buổi loạn-ly bốn bề không nhà, răng không nhuộm, vợ không lấy, lụa là không mặc.

---

(1) Thanh-giá cực-phẩm nhân-gian là người có tính-tình phong-nguyệt.
(2) Phong-lưu rất mực trên đời là người có khí-cốt giang-hồ.
(3) Việc đời như mây nổi còn hỏi làm chi nữa.
(4) Nghìn vàng tán hết rồi lại trở lại.

Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vặt, khi cao-lâu, khi cà-phê, khi nước đá, khi lại đi xe; sự đời Mán chẳng muốn nghe !

Chúc mừng sinh-từ cụ Tống-khê quận-công

Mười (ba bài)

I

Vì ai đi nhớ sống thờ,
Tống-khê tướng-quốc sinh-từ kia kia.
Từng lầu phấn vẽ thơ đề,
Nghiễn-bi thủa trước Nùng-bi thủa này.

II

Giang-sơn riêng thú thanh-kỳ,
Có lầu có tháp có bia công-thần.
Giữa trời một gác khuê-văn,
Chùa tiên bên nớ, miếu thần bên ni.

III

Công ai tái-tạo sơn-hà ?
Ân ai như phật muôn nhà tựa nương ?
Cây kiều-mộc bóng cam-đường,
Nam-thiên có truyện qui-hương phúc-[thần.

Nói (hai bài)

I

Thừa-tướng đại-danh thùy vũ-trụ 丞相大名垂宇宙(1), sinh-từ trường dữ thử giang-san 生祠長與此江山(2), cảnh vui thay thắng-tích kỳ-quan, chừng thủy-nhiễu hoa-hoàn đâu cũng rứa. Ngấn tuyết-chảo văng-hoàn lưu-khứ (3), dịp tuân-hồng (4) ái-ái ty-ty ; hát rằng : « vô dĩ công qui », một tiếng trúc dây ty là một nhớ. Hỏi lại cỏ hoa đà biết chửa ? Nước non nhà còn đó bởi vì ai ? Còn sông Tô Nhị còn dài, còn bia Nùng Khán còn lời niệm-ân. Muôn nghìn bái-chúc thần-quân !

II

Thần Tung-nhạc giáng-sinh nhân-thế, đệ-nhất nhân-nhân đệ-nhất huân-thần ; ví đem mà vẽ gác Kỳ-lân, gồm đủ cả : định-sách, trù-biên, giao-lân, phụng-sứ ; mười thu lễ bóng Đường mưa Thử, giang-sơn này lưu-khứ nhớ hay không ? Càng lâu càng nhớ tướng-công, trăm triết-tỏa một tình-trung càng tỏ lạ ! Một mình hệ hoàng-gia miếu-xã, chữ đồng-hưu vàng đá hãy còn ghi ; sinh-từ tướng-quốc kia kia !

Tiền

Phàm kim chi nhân duy tiền nhi dĩ 凡今之人惟錢而已(5), hết tiền tiêu, tráng-sĩ cũng là dư ; chẳng dại khôn mà cũng chẳng thân sơ, có đồng bạc mới tha-hồ ngang-ngửa. Toán lai thế-sự kim năng ngữ 算來世事金能語(6), thuyết đáo nhân-tình kiếm dục minh 說到人情劍欲鳴(7); dơ tuồng thay những kẻ tài-tình, co-coắp lắm cũng ra anh thủ-lỗ (8). Nghìn vàng hết, hết rồi lại có, tiếng bất-nhân thiên-cổ chẳng bao mòn ; ai ơi, giữ lấy lòng son !

---

(1) Danh-tiếng lớn của quan Thừa-tướng còn lưu ở trong vũ-trụ.

(2) Đền sinh-từ cùng với non sông này còn dài mãi.

(3) Chim hồng bay đi rồi mà vết chân hãy còn có ngấn ở tuyết, là ví người còn để tiếng mãi.

(4) Kinh Thi có thơ : « Hồng tuân vu trử » là khen ông Chu-công lúc ở bên đông còn lưu ân-ái, dân không muốn cho ông về Kinh vội, nên hát rằng : « Vô dĩ công qui 無以公歸 » là đừng đem ông về vội.

(5) Phàm người đời nay chỉ tiền mà thôi.

(6) Suy xem thế-sự vàng hay nói.

(7) Gẫm đến nhân-tình kiếm muốn kêu.

(8) Thủ-lỗ 守虜 là đứa giữ tiền.

Tặng cô đào Cúc

Quân phi ẩn-dật, cớ làm sao ái-cúc gọi là tên? Gối bắc-song xem truyện Đào Tiềm, Nam-sơn nọ bóng rèm coi thấp-thoáng. Mạc hiềm lão-phố thu-dung đạm 莫嫌老圃秋容淡 (1), do hữu hoàng-hoa vãn-tiết hương 猶有黃花晚節香 (2), mảnh thu-trinh chớ ngại lúc hàn-sương, năm năm hẹn trung-dương tống-tửu (3). Cười cợt khách chỉ tùng-vân cựu-hữu, hỏi ai là trúc-hữu mai - thê (4), giai-nhân hoài bất vong hề 佳人懷不忘兮 (5)!

Tặng cô đào Ngọ

Hốt ức lục thất niên tiền-sự 忽憶六七年前事 (6), nợ phong-hoa chửa trả hương nguyền; đến bây giờ lại gặp người quen, nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế thế. Thiếp tự thân khinh lang vị khí 妾自身輕郎未棄 (7), thần tuy tội trọng đế do lân 臣雖罪重帝猶憐 (8); vội chi mà tủi phận hờn duyên, để son phấn lũ đàn em khúc-khích. Ý-trung-nhân chỉ khả tình tương bạch 意中人只可情相白 (9), thôi bút nghiên sinh phách cũng đều sai; trông nhau nói nói cười cười!

THƠ ÔNG TỐ XƯƠNG

Cười mình

I

Nước muốn cho trong phải đánh phèn,
Cớ sao lại giữ cái bon-chen.
Sá chi người thế lòng xanh trắng,
Chỉ tại người ta vận đỏ đen.
Đề bụng phải đeo điều nhẹ nặng,
Ỏm tai mặc quách tiếng chê khen!
Làm chi việc ấy mà lo liệu,
Ai nghĩ như ai chẳng cũng hèn.

II

Trời đất sinh ra chán vạn nghề:
Làm thày làm thợ với làm thuê...
Bác này ấy mới thái vô-tích:
Sáng vác ô đi tối vác về!

Than nghèo

I

Chẳng phải rằng ngu chẳng phải đần,
Bởi vì lúng-túng hóa bần-thần.
Cũng mong giầu-có thời chưa gặp,
Vẫn muốn phong-lưu ngộ lúc bần.
Gương nọ toan soi cho đẹp mặt,
Phấn kia có lẽ nỡ giồi chân.
Cao giầy sao chẳng soi cho khắp,
Vì nề chi mà ở chẳng cân?

II

Cũng dòng tai mắt cũng đầu đen,
Bởi kém giờ sinh số phận hèn.

---

(1) Chớ hiềm vườn muộn sắc thu nhạt-nhẽo.
(2) Còn có hoa vàng tiết vẫn thơm-tho.
(3) Tiết trung-dương là mồng 9 tháng chín, ông Đào Tiềm là người ẩn-dật, tính hay yêu cúc, hôm tết trung-dương chơi ở vườn cúc có người đưa rượu đến uống.
(4) Trúc-hữu mai-thê 竹友梅妻 là lấy trúc làm bạn, lấy mai làm vợ.
(5) Nhớ người giai-nhân mãi không quên.
(6) Chợt nghĩ nhớ đến sáu bảy năm trước.
(7) Thân thiếp dẫu khinh mà chàng chửa bỏ.
(8) Tội thần dẫu nặng mà vua còn thương.
(9) Người biết ý nhau thời khá tỏ tình với nhau.

Gặp dịp may nhờ khi có của,
Sa cơ vị bởi lúc không tiền.
Đói no đành chịu không ai biết,
Lành rách cho thơm có kẻ khen.
Hễ hết bỉ rồi thôi lại thái,
Nọ là kên-cựa với bon-chen.

III

Vị chưng chẳng có hóa thân hèn,
Hồ với anh em chúng bạn quen.
Thủa trước chơi bời còn quyến-luyến,
Bây giờ đi lại dám mon-men.
Giầu sang âu-yếm tình quen-thuộc,
Bần tiện thờ-ơ dạ bạc đen.
Ví khiến trong tay tiền bạc có,
Nói giơi chuột cũng chán người khen.

Tự-đắc

Ta nghĩ như ta có dại gì,
Ai chơi chơi với chẳng cần chi.
Kìa thơ tri-kỷ đàn anh nhất,
Nọ cách phong-tao bực thứ nhì.
Ăn mặc vẫn ra người thiệp-thế,
Giang-hồ cho biết bạn tương-tri.
Gặp thời gặp vận nên bay nhẩy,
Cho thoả rằng sinh chẳng lỗi thì.

Gái ở chùa

Con gái nhà ai dáng thị-thành ?
Cớ chi nỡ phụ cái xuân-xanh ?
Nhạt mầu son phấn say mầu đạo,
Mở cánh từ-bi khép cánh tình.
Miệng đọc nam-vô quên chín-chữ,
Tay lần bồ-tát phụ ba-sinh.
Tiếc thay thục nữ hồng-nhan thế,
Nỡ cắt tóc thề với quyền kinh !

Thương tiếc ai

Thương ai mà lại tiếc cho ai !
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài.
Kìa cái dã-chàng xe cát bể,
Mà con chim cú đỗ cành mai,
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,
Nào chắc ba-sinh với chữ bài.
Non nước thề-bồi thôi xí-xóa,
Quỉ thần nào chứng ở hai vai.

Gửi cho người tình-nhân

I

Vấn-vít tơ vương biết mấy vòng,
Mối tình nay quyết gỡ cho xong.
Vẻ người thanh-lịch khi đưa mắt,
Câu truyện phong-tao lúc tỏ lòng.
Bình tước mạc tranh treo trước án,
Cầu ô sẵn dịp bắc ngang sông.
Sắc tài đôi lứa nên dan-díu,
Dan-díu thời xin chớ ngại-ngùng.

II

Thấp-thoáng xa trông đám cúc-tần,
Thênh-thênh đường rộng bức thanh-vân.
Cỏ hoa hớn-hở khoe mầu hạ,
Mai liễu rườm-rà đượm vẻ xuân.
Bên miếu nhởn-nhơ người thục-nữ,
Trên cầu gặp-gỡ khách văn-nhân.
Cát-đằng mượn gió đưa duyên nhé,
Tần-tấn đôi nơi rút lại gần.

VŨ XUÂN-TRÁC sao-lục.

DỊCH THƠ TẦU

譯李詩白頭吟

Thơ Bạch-đầu

錦水西東流

Nước sông Gấm hai dòng chan-chứa,

波蕩雙鴛鴦

Sóng dồ tan đôi lứa uyên-ương.

雄巢漢宮樹

Cây cung Hán cỏ Tần thơm,

雌弄秦草芳

Chàng quây-quất tổ thiếp chờm-chỡ chơi.

寧同萬死碎骨肉

Đành muôn kiếp cùng tôi xương thịt,

不忍雲間兩分張
Nỡ lòng nào ly-biệt trong mây.
奈嬌此辰正嬌妬
Ả Kiều đương buổi hôm nay,
獨坐長門愁日暮
Thương mình phận gái đem đầy Trường-[môn.
但願君王炤妾心
Soi lòng thiếp đội ơn thánh chúa,
不惜千金買詞賦
Phí nghìn vàng mua phú một trang.
相如作賦得黃金
Tương-như làm phú được vàng,
男兒好新多異心
Trai hay chuộng lạ lòng thường đổi thay.
一朝故聘茂陵女
Gái Mậu-lăng ngày nay toan hỏi,
文君聊贈白頭吟
Khúc bạch-đầu thiếp gửi chàng hay.
東流不作西歸水
Nguồn đông chẳng chảy về tây,
落花辭枝羞故林
Thẹn cùng rừng cũ hoa bay lìa cành !
妾有漢宮釵
Thoa cung Hán riêng mình thiếp có,
曾是嫁辰物
Khi gả chồng của cũ ngày xưa.
持贈表相思
Gửi chàng dãi tấm tương-tư,
幸將紅袖拂
Xin đem vạt áo phất-phơ xuồi gần.
妾有秦樓鏡
Thiếp có gương lầu Tần thủa trước,
炤心勝炤井
Soi lòng người hơn nước giếng trong ;
持贈炤新人
Cầm cho người mới soi chung,
相對憐孤影
Soi chung thương kẻ lạnh-lùng một thân.
兔絲本無情
隨風任吹倒
Dây tơ-hồng thêo lần gió cuốn,
誰使女羅枝
故來相縈抱
Cành nữ-la lại quấn quanh vòng.
兩草猶一心
Cỏ kia còn có một lòng,
人心不如草
Lòng người với cỏ bằng không, không [bằng
莫捲龍鬚席
Chiếu long-tu xin đừng cuốn đến,
從他生網絲
Để tha-hồ cho nhện vương tơ.
且留琥珀枕
Gối hổ-phách sẽ để chờ,
還有夢來辰
Chiêm-bao hoặc có bao giờ lại không.
覆水再收不滿杯
Chén nước đổ khôn đong đầy lại,
棄妾已去難重回
Thiếp bỏ đi, về ngại một hai ;
古來相得不相負
Xưa nay ai có phụ ai,
即今惟有青陵臺
Gần đây chỉ có một đài Thanh-lăng !

ĐẶNG NGỌC-THỤY
Học-sinh trường Trung-học

THI-CA MỚI

Đêm trăng ngắm cảnh Hồ Tây

(*Mậu-ngọ thu*)

Cơ trời biến-cải cuộc tang-thương,
Lãng-bạc ngày nay trước chiến-trường.
Gió giật trên bờ chim gọi nguyệt,
Vẫn-vơ dưới bóng cá ăn sương.
Gió ào đầu sóng lơ-phơ bạc,
Trăng ló hình trâu thấp-thoáng vàng.
Dấu-tích nghìn xưa phong-cảnh ấy,
Càng nhìn càng nhớ Nữ-Trưng-vương.

Cảnh núi Dục-thúy (*Mậu-ngọ đông*)

Bốn mùa sóng vỗ gió mưa lay,
Phong-cảnh tang-thương đến nỗi này.
Mấy bức tường rêu phơi ngọn cỏ,
Một gian tháp mốc rũ chân cây.
Quanh-co mặt đất sông ôm đá,
Chót-vót chân trời núi đội mây.
Suy-thịnh xưa nay cơ tạo-hóa,
Vừng trăng tròn khuyết nước vơi đầy.

Cảnh chùa Non-Nước (*Mậu-ngọ đông*)

Bày đặt công-trình mấy hóa-công,
Chênh-vênh mỏm núi ngậm làn sông.
Gió lùa cửa động âm hồi trống,
Sóng vỗ chân chùa vẳng tiếng chuông.
In vết tang-thương thềm đá nhẵn,
Nhuộm mầu mưa gió nóc rêu phong.
Trải bao thay đổi từng lăng-cốc,
Còn giữ giang-san dấu Lạc-Hồng.

Bãi tha-ma (*Kỷ-mùi xuân*)

Nào nhà nào cửa thấy chi đâu,
Nắng giãi mưa dầu bãi cỏ-khâu.
Tưởng sự trăm năm mà ngán nỗi,
Nghĩ người chín suối lại thêm đau.
Cơ trời hợp lại người kim-cổ,
Nắm đất chung nhau kẻ khó giầu.
Mới biết xoay vần là thế thế....
Trong ba vạn sáu có bao lâu!

Cảnh đền Ngọc-sơn (*Canh-thân hạ*)

(Họa thơ nữ-sĩ)

Đền kia ai dựng, cảnh ai bầy?
Bút Tháp, cầu Thê có phải đây?
Gió thổi ngang bờ sen lớp sóng,
Trăng lồng dưới đáy nước lay mây.
Nào tăm Thần-kiếm trôi đâu mất?
Còn tượng Triều Lê đứng lại nay!
Ngắm cảnh càng thêm ngao-ngán cảnh,
Hồn thơ như gợi, gia như ngây.

Buổi chiều chơi sông (*Canh-thân hạ*)

Vắng tình nên cảnh mới buồn teo,
Hiu-hắt trêu ngươi ngọn gió chiều.
Mặt nước lô-nhô làn sóng chạy,
Đầu cành lơ-lửng mảnh trăng treo.
Vài thiên thơ cổ ngâm rồi họa,
Một chiếc thuyền con chống lại chèo.
Cảnh ấy lòng này thêm bát-ngát,
Trên bờ cái quốc nhớ ai kêu?

Song-an HOÀNG NGỌC-PHÁCH

THỜI-ĐÀM

Tòa Nội-các mới lập bên Pháp. — Tòa Nội-các LEYGUES cùng với Nghị-viện không đồng-ý nhau về việc hoãn kỳ hội-đồng công-nghị về mọi việc chính-trị, cho nên hôm 11 tháng này đã phải từ-chức. Quan Giám-quốc lập-tức cho vời quan Raoul PÉRET là nghị-trưởng Hạ-nghị-viện để trao lập Nội-các mới. Quan PÉRET từ chối, quan Giám-quốc lại cử quan BRIAND. Thế là quan BRIAND lĩnh chức Thủ-tướng từ trước đến nay là cả-thảy 6 lần. Nay tòa Nội-các mới lập như sau này:

Tổng-lý Nội-các kiêm Ngoại-giao-bộ tổng-trưởng : Quan BRIAND ;

Tư-pháp-bộ tổng-trưởng : Quan BONNEVAY ;

Nội-vụ-bộ tổng-trưởng : Quan MARRAUD ;

Tài-chánh-bộ tổng-trưởng : Quan DOUMER ;

Lục-quân-bộ tổng-trưởng : Quan BARTHOU ;

Hải-quân-bộ tổng-trưởng : Quan GUISTHAU ;

Giáo-dục-bộ tổng-trưởng : Quan BÉRARD ;

Công-chính-bộ tổng-trưởng : Quan LE TROCQUER ;

Tổng-trưởng bộ kinh-lý các miền giải-thoát (*régions libérées*) (1) : Quan LOUCHEUR ;

Nông-bộ tổng-trưởng: Quan LEFÈVRE DU PREY;

Công-thương-bộ tổng-trưởng : Quan DIOR ;

Thuộc-địa-bộ tổng-trưởng : Quan SARRAUT ;

Lao-động-bộ tổng-trưởng (2): Quan VINCENT ;

Vệ-sinh-bộ tổng-trưởng : Quan LEREDU ;

Trợ-cấp-bộ tổng-trưởng (3) : Quan MAGINOT.

Trong tòa Nội-các mới này có ba quan tổng-trưởng ở tòa Nội-các cũ, là quan TROCQUER, SARRAUT và MAGINOT, còn các quan khác là mới.

Lịch-sử quan Thủ-tướng Braind — Ngài sinh tại thành Nantes ngày 28 Mai 1862. Ngài là một tay xuất-sắc trong Hạ-nghị-viện. Năm 1909 ngài lĩnh chức Thủ-tướng, trong một hôm mà định xong ngay được việc bãi-công của đảng thợ hỏa-xa. Tòa Nội-các ngài lập lần đầu đến tháng 11 năm 1910 thì đổ, tuy vậy ngài lại lập tòa Nội-các khác đến năm 1911. Trong tháng 10 năm 1916, ngài lại giữ chức thủ-tướng, đến tháng 3 năm 1917 thời ngài từ-chức. Ngài chính là một tay tổ-chức có công trong cuộc chiến-tranh, khi quân Đức sắp tràn vào thành Paris, thời là lúc quyền-chính ở trong tay ngài ; ngài khởi-xướng ra việc cử binh đi đánh Salonique, khiến cho nước Bulgarie (Bảo) phải thua, và gây ra sự thất-bại cho Thổ, cho Áo, cho Đức về sau. Được ít lâu, ngài từ-chức, tới nay lại lên lập tòa Nội-các mới, kể trước sau ngài lĩnh Tổng-lý Nội-các lần này là sáu lần vậy.

Xét ngài là một tay hùng-biện có tiếng ở Nghị-viện, mà ở hội-đồng liệt-quốc thời ngài là một người đồng-chí với quan Thủ-tướng nước Anh LLOYD GEORGE, và theo như cái báo nước Ý thời ngài lại là một người bạn rất thân của nước Ý.

Liệt-cường Đồng-minh cho đến cả báo-quán nước Đức cũng có lời hoan-nghênh tòa Nội-các của ngài mới lập. Vậy tòa Nội-các lần này ắt giữ được lợi-quyền của Đại-Pháp trong vạn-quốc.

— Trong việc lập tòa Nội-các mới nay, cõi Đông-Pháp ta có một điều rất mừng là quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT ta lại giữ chức bộ Thuộc-địa như cũ. Đó thực là một tin mừng riêng cho quốc-dân ta, vì có ngài làm tổng-trưởng bộ Thuộc-địa mà lại có quan LONG làm Toàn-quyền Đông-Pháp thời chánh-sách Đại-Pháp ở đây chắc không hề thay đổi, quốc-dân cứ nhờ đó mà dần-dà bước lên con đường tiến-hóa vậy.

Ta lại nên nhắc lại rằng quan DOUMER lĩnh chức Tài-chính tổng-trưởng trước đã từng làm Toàn-quyền ở Đông-Pháp ta, công-nghiệp lớn-lao, chắc ai cũng còn nhớ vậy.

* *

Quan Nguyên Khâm-sứ Kinh Charles được tặng tước Công. — Bản-chí mới được tin rằng quan Nguyên Khâm-sứ CHARLES sung chức Khâm-sứ ở Kinh đã lâu năm lắm, lại mấy lần quyền-lĩnh chức Toàn-quyền Đông-Pháp, nay về hưu bên Qui-quốc, mới được Triều-đình ta tặng tước công, thật là một sự danh-dự rất xứng-đáng.

Bản-chí xin cung-lục lời chỉ-dụ của Hoàng-Thượng phong-tặng quan Khâm-sứ CHARLES, theo bản-dịch của Cơ-mật-viện như sau này :

(1) Là những miền châu-quận trong khi chiến-tranh bị quân Đức chiếm-cứ và tàn-phá, nay phải khôi-phục kinh-lý lại. Tòa Nội-các có đặt một bộ riêng coi về việc ấy.

(2) Bộ Lao-động là coi về những việc thợ-thuyền làm ăn, như chủ thợ giao-thiệp với nhau, như các phương-pháp cứu-trợ cho thợ-thuyền khi ốm đau, khi tai-nạn, v. v.

(3) Là bộ coi về việc phát lương và chẩn-cấp cho các hạng quân-quan binh-lính đã tòng-chinh hoặc tử-trận.

« Huê, le 3 Janvier 1921

« (Ngày 25 tháng 11 năm Khải-Định thứ 5)

« Cơ-Mật-Viện kính-lục

« Quí Khâm-sứ đại-thần đặng hay.

« Xin kính-lục lời Dụ như sau này :

« Quan nguyên Khâm-sứ Đại-thần CHARLES « ngày ấy phụng mạng lại phương Nam này, « gặp Duy-tân phiến-biến, Miếu-xã gần nguy, « mà quan đại-thần ấy hay tiên cơ yên dẹp, « lại khéo biết người, theo quốc-tục Nam- « triều Đế-thống rước Quả-cung mà lập, lại « cùng với Quả-cung đồng-tâm cộng-tế làm « cho Tôn-xã vững bền, đổi họa làm phúc, « giữ được Nam-triều cơ-sở, đến này tốt lành, « thực là một tay giỏi nhà kinh-tế ; vả lại « ở đây đã lâu năm, chánh-sách khoan-hòa, « công-lao rỡ-rệt, đến khi khâm-mạng Tổng- « thống Đông-dương Toàn-quyền, nhân-chánh « thực nhiều, dân đều khen ngợi. Nay đã về « hưu-dưỡng mà thanh-danh còn ở nước Nam· « Thượng-quốc đã có thưởng cho vinh-hàm, « nước Nam há không có gì đề đền ân-huệ ? « Khi trước những quí Toàn.quyền và những « quí Khâm-sứ đại-thần có công với Nam- « triều, cũng có phong tước. Nay Trẫm nghĩ « đến công-lao ngày trước của quí-đại-thần « ấy, cho nên phong « Tế-Nam-Công 濟南公» « để cho rõ điều vinh-ngộ ; giao hữu-ti tham « chiếu lệ trước tuân theo mà làm. Khâm thử!»

« Vậy xin kính-lục quí tòa đặng hay. Nay nh-lục.

« Cơ-Mật-Viện cung-lục » (1)

Lại trước đây, quan Giám-quốc Đại-Pháp « hiều lời tư của quan Thuộc-địa-bộ đã hạ « c-lệnh tặng quan Khâm-sứ CHARLES vinh-hàm Toàn-quyền thuộc-địa (*Gouverneur général honoraire des Colonies*). Một bậc đại-thần khi đã về hưu rồi mà còn được biệt-đãi vẻ-vang như thế, thời đủ biết bình-sinh người hay chính tốt là dường nào. Song những sự vinh-dự ấy cũng chưa thấm vào đâu với lòng người hoài-mộ. Ngày nay ở một chốn kinh-đô biết bao nhiêu người đã từng chịu ơn ngài, vẫn còn ngậm-ngùi nhớ tiếc. Người đi mà còn nhiều kẻ nhớ tiếc như thế, chắc là bình-sinh đã biết khéo thu phụ được lòng người vậy.

∴

Hành-trình của quan Toàn-quyền Le Gallen vào Sài-gòn bằng máy bay. — Hôm 13, hồi 11 giờ 45, ở trường máy bay Bạch-mai, quan Toàn-quyền lên một chiếc phi-cơ, có quan thiếu-tá GLAISE cầm máy, và quan Khâm.sứ Ai-lao Bosc cũng lên một chiếc, có quan Trung-úy GUERTIAUX cầm máy. Hai chiếc cùng thong-dong khởi-hành vào Vinh. Quan Toàn-quyền định đến Vinh, thời cưỡi thủy-phi-cơ ở Hải-phòng đem đến đón ngài, chảy thẳng đến Thakhlek (Ai-lao), theo dọc sông Cửu-long xuống Sài-gòn, còn quan Khâm-sứ thì đi máy bay về Vientiane. — Nhưng khi ngài sắp qua dẫy núi Trường-sơn, thời thấy mưa phùn nhiều lắm, nên ngài ở lại Vinh, đợi mưa tạnh mới khởi-hành.

Máy bay của hai ngài gặp chiều gió thuận, nên máy chạy rất nhanh ; từ Hà-nội vào Vinh đường đi hơn 300 ki-lô-mét, mà đi có 1 giờ 45 phút thôi. Độ đường từ Hà-nội vào Vinh vẫn được thường, chỉ có ở giặng bờ bể từ Thanh-hóa vào Vinh thời luồng gió khí mạnh.

Độ đường thứ hai là từ Vinh đến Thakkhet, cũng được an-thỏa ; trong 200 ki-lô-mét bay

(1) Bản-chí có hỏi quan Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ thời ngài bảo cho biết tên các quan Toàn-quyền và Khâm-sứ, Công-sứ cũ đã từng được Triều-đình ta phong-tặng : ba quan Toàn-quyền GÉNÉRAL DE COURCY, ARMAND ROUSSEAU và ALBERT SARRAUT được tặng tước Phù-nam-vương 扶南王, quan Khâm-sứ Trung-Bắc-kỳ (*Résident Général*) RHEINART được tặng tước Vệ-quốc-công 衛國公, hai quan Khâm-sứ Kinh BRIÈRE tặng Hộ-nam-công 護南公 và BOULLOCHE tặng Tá-quốc-quận-Công 佐國郡公; quan Trưởng tòa Dân-chính Bắc-kỳ (*Directeur des affaires Civiles au Tonkin*) SILVESTRE tặng Lượng-quốc-công 諒國公, và quan Nguyên Công-sứ Nghệ DUVILLIER tặng Vệ-võ-hầu 衛武侯.

hết 1 giờ rưỡi. Lúc qua giặng núi Trường-sơn bị gió to quá, nên cũng khí khó-nhọc.

Độ đường thứ ba là từ Thakhet tới Khône; ước 450 ki-lô-mét; trong độ đường nay, quan Toàn-quyền cưỡi thủy-phi-cơ ở Vịnh đi theo vào, có viên quản BROUILLET cầm máy, khởi-hành đi về phía nam, qua hạt Savanakhet, Kemmarat, Paksé, rồi đậu tại Khône. Vì gió dữ lắm nên máy bay cao từ 800 thước đến 2500 thước, thường khi máy thình-lình dung-động, nhất là ở trên thác nước tại Kemmarat. Lúc sắp tới Khône, máy phải đậu ở dưới Moulepoumak, vì ống thụt không đủ hơi. Ở Khône liền cho một thủy-phi-cơ khác lên đón, chiếc này lại lên cao quá, nhưng ông BROUILLET nhờ có quan Toàn-quyền giúp lấy dầu săng ở bình dưới đổ lên bình trên, nên máy lại bay được như thường.

Độ đường thứ tư là từ Khône đi Sài-gòn, có quan trung-úy DUMAS cầm máy; quãng đường này dài 465 ki-lô-mét, chạy trong một giờ được 132 ki-lô-mét.

Nói tóm lại, cái hành-trình của ngài đi từ Hanoi vào Saigon chia ra bốn độ đường, có độ rất nguy-hiểm, mà ngài cũng không từ; vì chuyến này là chuyến đầu-tiên, ngài muốn thí-nghiệm về việc lập đường ở trên không-trung sau này.

Đó là một việc đáng mừng cho Đông-Pháp ta, vì sau này mà được thành-công ra thời việc thông-hành tiện-lợi rất nhanh, việc công việc tư, việc chính-trị, việc kinh-tế, việc quân-phòng, sẽ nhờ con đường không-trung này mà được thập-phần tiện-lợi, cho nên ngài tự mình đi khảo-nghiệm, để xem-xét cho được tinh-tường chắc-chắn, ngài đã nhiệt-tâm và mạo-hiểm như vậy, chắc nay mai sẽ thành-công.

***

Thành-phố Hải-phòng --Sự buôn-bán của An-nam ta. — Hạ-tuần tháng trước, tôi xuống chơi Haiphong, là một nơi thành-phố thứ nhì ở Bắc-kỳ: buôn-bán thịnh, dân-cư đông, phố-xá rộng-rãi, nhà cửa san-sát... Ai đã đi qua, chắc cũng phải nhận là nơi đô-hội khá to vậy. Nhưng trông cái quang-cảnh ngày nay, ta lại nên hỏi cái quang-cảnh ngày xưa thế nào. Xét về lịch-sử Haiphong, thời hơn 40 năm về trước đây chỉ là một cái làng to, cách xa bề độ 40 ngàn thước tây, đầm ao rất nhiều, có một con đường độc-đạo đi từ mé dưới phố Paul-Bert và tòa Đốc-lý bây giờ thôi; dân-cư đi lại cả ở trên mặt đê. Bắt đầu từ năm 1875, Nhà-nước ra công tu-lý, trước hết có trại lính và vài hiệu buôn của người Pháp người Tầu. Năm 1885 quan BONNAL khai con sông đào, để tiện việc vận-tải trong tỉnh. Năm 1886 quan PAUL-BERT đặt ra một hội-đồng tư-vấn để trông-nom địa-hạt; rồi dần-dà có sở lục-lộ, xây cầu đắp đường, mở trường học; đến năm 1893 trong thành-phố có thắp đèn điện. Việc mở-mang đến ngày nay càng ngày càng thịnh vậy. Nhưng điều ta nên chú-ý nhất là xứ Bắc-kỳ ta chỉ có đây là có thể để cho tầu-bể to lớn đỗ được thôi; nghĩa là chỉ có bến Haiphong là có thể làm thành cái hải-cảng lớn. Nếu cứ như trước thời tầu vào bờ, đi thoát được cửa Nam-Triều, — là nơi quan-ngại nhất, đang kỳ nước xuống, lòng sông chỉ có 5m40 bề sâu, mà nước thủy-triều lên chỉ độ 2m — mới mong khỏi cạn; thường khi phải đợi lâu lắm, đến khi nào có thể vào bờ được mới dám vào. Bây giờ tầu vào bờ thời dễ biết bao! Ấy từ trước đến khi quan Nguyên Toàn-quyền ALBERT SARRAUT đã kinh-phí rất nhiều mới được như thế. Ông Albert de POUVOURVILLE có nói rằng: « Haiphong không những là một cảng thôi đâu, là một cảng cho cả xứ Bắc-kỳ nữa, tiện sông gần bể, chẳng khác gì hai tỉnh Saigon và Cholon hợp làm một vậy. » Lại có đường xe-hỏa liên-tiếp với các đường xe-hỏa khác như đường đi Vịnh, đi Lạng-sơn, như thế thời việc vận-tải thông-đồng mà tiện-lợi lắm. Mới xét qua cái cảnh-tượng thông-thương vui-vẻ như thế, ai chẳng tưởng rằng người An-nam ta có một địa-vị to trong thương-trường ở tỉnh này. Vậy mà tế-nhận ra thời trừ mấy hãng lớn như hãng ông Bưởi, ông Thu, còn cái địa-vị buôn bán của đồng-bào ta trong một chốn thương-nghiệp thịnh-vượng như thế, thật hãy còn kém-cỏi lắm. Đi khắp gần tỉnh, trừ hiệu buôn của người Pháp người Nhật, còn phần nhiều hiệu to nhà lớn là của người Tầu cả. Tôi đã có ý nhận kỹ các hàng

ta còn ít quá và nhỏ quá. Duy đường Doumer (thường gọi là phố Đầu-Cầu) là nơi người Nam ta buôn bán nhiều nhất, thời phần nhiều là những ngôi hàng nhỏ, bán tạp-hóa sơ-sài thôi. Tôi có vào một cửa hàng ấy, tuy không to lắm, nhưng từ ngoài mà trông vào, cũng là khả-quan vậy.

(Tiện đây, tôi xin thuật câu truyện của một nhà buôn để rõ cái tình-hình thương-mại của người mình...) — Tôi vào xem, có một ông ra tiếp. — Tôi mới nói cái quan-niệm của tôi về việc buôn-bán ở bản-tỉnh. — Ông mỉm-cười mà rằng : « Có cái quan-niệm ấy, không phải một mình ông, phàm khách-du các tỉnh đến đây đều có quan-niệm ấy cả. Phải, bảo Hải-phòng to hơn Hanoi không phải là ngoa vậy. Vì bao nhiêu hàng-hóa xuất-cảng nhập-cảng ở Bắc-kỳ đều bởi đây mà vận-tải đi ; vì thế mà đây là trung-tâm việc thông-thương của ba kỳ là ở trong, mà với ngoại-quốc là ở ngoài. Thế mà người ta buôn bán ở đây không kể là kém hẳn Hanoi, lại kém cả các tỉnh khác, như tỉnh Nam-định, tỉnh Bắc-ninh, trong các tỉnh ấy, người ta còn có nhiều phần tranh-thương với người Tàu. Chớ ở đây thời người ta buôn bán sánh với người các nước trú-ngụ đây thật chẳng thấm vào đâu. Cũng là vì các nhà đại-tư-bản thời không lưu-tâm đến việc bán-buôn nhỏ ; còn những ngôi hàng nho-nhỏ kia sao có thể ganh đua với người Tàu được. Như nay có một điều khó-khăn là sự đổi su hào, thời người Tàu đổi dễ, mà An-nam ta thời đổi khó, vì các nhà *Banques* đều có người Tàu làm mãi-bản coi việc hoán-dịch. (Điều này tôi tưởng là một điều khuyết-điểm của các nhà bản về việc thương-mại xưa nay). Ấy ở đây, tranh mối lợi buôn tàu thời có ông Bạch Thái-Bưởi, ông Nguyễn Hữu-Thu, mà tranh mối lợi buôn bán nào có ai đâu ! Nay công-ti Quế-dương chúng tôi dựng ra đây mới được ít lâu, tuy buổi sơ-đầu cũng không phải là không có nhiều nỗi khó-khăn, nhưng cái cơ tiền-đồ có thể vững-bền được ; là vì chúng tôi có đặt đại-biểu ở bên Pháp và cổ-phần quốc-dân ai cũng có lòng tin..... (Tôi hỏi mới rõ ông này tên là Quế làm đại-biểu cho công-ti đây. Xem mấy lời chân-thật biểu-đồng-tình đó, thực đáng khen cho ông là một người thương-mại thức-thời vậy).

Ước-ao rằng thành-phố Hải-phòng mỗi ngày một thịnh, mà các nhà có tư-bản ta mau nên lập thương-hội nhiều để vãn-hồi cái lợi-quyền trong thương-giới đã bỏ mất từ bao. Như vậy thời mới mong trong thương-nghiệp lớn-lao của tỉnh Hải-phòng, người mình có thể chiếm được một địa-vị xứng-đáng. Như nay thời còn kém người xa lắm.

Nhân đi chơi Hải-phòng, chép câu truyện nhà buôn, cho biết tình-hình người mình buôn-bán dưới ấy thế nào.

BIỀN-XA

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Nhà hội-quán. — Báo *Nam-phong* trên này đã in bản-đồ nhà Hội-quán, các ngài hội-viên xem đó thời biết qui-mô hình-thế nhà Hội ta sau này thế nào. Hình bề ngoài là vẽ thẳng cho dễ xem, chớ chính địa-thế thời như hình thước thợ. Qui-mô nhà, trừ cửa kính, cửa chớp, trần, sàn, là theo lối tây, còn hết thảy theo kiểu ta cả, là muốn giữ cho một nơi công-quán của người An-nam mình có cái phong-thể, cái đặc-sắc An-nam vậy. Địa-thế thời thật là tốt quá : mặt ráp phố thời đối-diện với trường Thương-nghiệp-học hiệu đương sửa-sang, và trông thẳng ra nhà Nông-thương hội-nghị Bắc-kỳ ; còn mặt kia thời ráp đền vua Lê và nhìn ra hồ Hoàn-kiếm, cảnh-trí rất lá ngoạn-mục. Khi nào nhà hội-quán ta dựng xong thời chắc là một nơi xứng-đáng cho các hội-viên tới-lui họp-tập. Hiện nay đồ nền đắp móng xong rồi, đương xây tường, nhưng còn

phải sáu tháng nữa mới hoàn-công được. Hoàn-công rồi, lại còn phải sắm-sửa đồ-đạc ở trong, phí-tổn còn nhiều lắm. Tiền cất nhà tổng-cộng là 26.000 $ mà hiện Hội tính cả các khoản mới được chừng 22.000 $, còn thiếu 4000 $. nữa. Vậy xin các ngài hội-viên nên gia-tâm giúp vào cho thành-công, hoặc cổ-động cho được thêm người vào Hội.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Janvier có những ông kê tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, ông hội-viên nào có dị-nghị gì, xin viết thơ về cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì :

1. — Ông Hoàng Yến, tri-huyện Bình-khê, Bình-định.

2. — Lê Đình-Tuệ, secrétaire au Contrôle Financier, 40, Quai Clémenceau, Hanoi.

3. — Nguyễn Xuân-Hanh, secrétaire au Contrôle Financier, 60, Rue du Coton, Hanoi.

4. — Nguyễn Quang-Hoắc, maire du village de Vinh-ninh, huyện de Thanh-trì, Hà-đông.

5. — Nguyễn Văn-Điền, diplômé de l'École supérieure de Droit et d Administration, commis au Gouvernement général, 33 Rue Tirant, Hanoi.

6. — Bùi-Nam, élève à l'École Puginier, 33 Rue Tirant, Hanoi.

Xin vào thường-hội-viên :

Ông Nguyễn Văn-Trọng, ở làng Tiên-la, tổng Canh-nông, huyện Duyên-hà, Thái-bình. (Do ông thường-hội-viên Lương Kim-Tuyến, đại-trạm Duyên-hà, giới-thiệu)

Hội-viện mới. — Các ông có giấy xin vào Hội đã đăng tên lên báo từ số 37, 38, 39, 40, 41, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Février 1921.

Vào chân chủ-trì :

Ông Brunswick dit Xự — Lưu Xuân-Tô — Vũ Văn-Khang (đăng tên trong báo số 37).

— Lê Văn-Trúc — Nguyễn Hữu-Quí (đăng tên trong báo số 38).

— Hoàng Quang-Chấn — Ngô Ngọc-Trấn — Nguyễn Văn-Oanh (đăng tên trong báo số 39)

— Bùi Đức-Long — Hàn Ngọc-Tri — Hoàng Tích-Phụng — Nguyễn bá-Minh — Nguyễn Trứ — Nguyễn Văn-Phước — Nguyễn Văn-Tâm — Trần Văn-Quang — Trần Vượng (đăng tên trong báo số 40)

— Lê Văn-Trung — Trần Văn-Đại — Ngô Đăng-Mai — Nguyễn Văn-Vũ dit Mộc — Nghiêm Duy-Ninh — Nguyễn Văn-Trử — Nguyễn Ứng — Võ Chuẩn (đăng tên trong báo số 41).

Vào thường-hội-viên.

Ông Lê-Huấn (N. P. n° 38). — Tạ Duy-Sán (N. P. n° 39). — Hoàng Hữu-Giá — Hoàng Ngọc-Phách — Lương Kim-Tuyến — Lê-Hào — Nguyễn Ngọc-Liên — Nguyễn Văn-Pho — Nguyễn Bá-Thiều — Vũ Đức-Thắng (N. P. n° 40). — Đỗ Văn-Xước (N P. n° 41).

Tên các ngài quyên tiền để giúp vào việc làm nhà Hội - quán. — Trong tháng Janvier, bản-hội nhận được các ngài sau này quyên tiền vào hội :

1. — Cụ-Iớn Cố Bố-chính Tôn-thất Loan phu-nhân, ở phố hàng Đào, Hanoi, quyên . . . 50 $ 00.

2. — Ông Nguyễn-Lễ, kỹ-sư ở Nam-định, quyên . . . 15 $ 00.

Bản-hội có lời cám ơn cụ-lớn Bố và ông kỹ-sư Lễ.

Cải-chính

Bài « Phú Phương-ngôn » đăng kỳ trước (N. P. nº 42), có in lầm mấy chữ, xin cải-chính như sau này :

Trang 483, vần thứ 2 — . . . dồn *một* cái dại (in mất chữ *một*)
— 486, — 24 — . . . đặt cỏ cỏ *cháy* (in lầm là cỏ *xanh*)
— 486, — 27 — . . . *nuộc* lạt bát cơm (in lầm là *mộc* lạt)
— 495, — 85 — . . . rậm người *còn* hơn rậm cỏ (mất chữ *còn*).
— 495, — 86 — . . . làm *thàm* (in lầm là làm *nhàm*).
— 496, — 91 — . . . dưới câu « trên bần hậu phú », thiếu tám chữ là : « làm giầu có số, tiền phú hậu bần », và hàng cót bằng *non*, đồi làm bằng *nan*.
— 496, — 92 — . . . cóc *leo tường* (in lầm là cóc *bôi vôi*)
— 497, — 100 — . . . đường *còn* lại (in mất chữ *còn*)

MỚI XUẤT-BẢN

Sách Cải-lương hương-tục

Của quan Huyện *Hoàng Hữu-Đôn* soạn.
Vừa quốc-ngữ vừa chữ nho.
Có tựa chữ nho của quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề.
Tựa quốc-ngữ của ông Phạm-Quỳnh.
Sách có 34 khoản cải-lương, mẫu sổ chi-thu, kiểu nhà trưởng — Cộng 80 trang.

Giá bán : 0 $ 30.

Có gửi bán tại Nam-Phong báo-quán 124 Phố Hàng-Bông.
Ở tỉnh xa mua thời xin gửi thêm một cái tem 4 su.

BẢN ĐỒ NHÀ HỘI QUÁN HỘI KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC

Kiểu đường cái ở phố hàng Trống (cạnh đền vua Lê)

Mặt tiền và hai mặt hai bên (vẽ thẳng)

Địa-đồ nhà (vẽ thẳng)

沙梨大人。奉命南來。歷掌要政。陶成多人。南風出版。亦公所準。褒賞榮銜。晉封公爵。兩國優遇。以酬公勞。

Quan Nguyên Khâm-sứ Kinh Eugène Charles

Ngài mới được Nhà-nước Đại-Pháp tặng vinh hàm Toàn-quyền Thuộc-địa và Triều-đình ta phong tước Tế-nam-công

(Xem N.-P., số 43, trang 79-80)

Năm 1917, hồi ngài quyền Toàn-quyền Đông-Pháp, chính ngài đã cho phép báo Nam-Phong *này xuất-bản, bản-quán không bao giờ quên ơn ấy. Nay ngài về hưu bên qui-quốc, bản-quán xin chúc mừng ngài được hưởng phúc lành sức khỏe.*